

SỞ Y TẾ SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH



BẢNG GIÁ
KHÁM BỆNH, CHỮA BỆNH

Áp dụng cho đối tượng thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do Nhà nước thanh toán; giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh không thuộc danh mục do quỹ bảo hiểm y tế thanh toán mà không phải là dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh theo yêu cầu

*(Ban hành theo Nghị quyết số 445/NQ-HĐND
ngày 30 tháng 12 năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Sơn La)*

Sơn La, tháng 01 năm 2024

SỞ Y TẾ SƠN LA
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TỈNH

GIÁ DỊCH VỤ KHÁM BỆNH

TT	Tên dịch vụ	ĐVT	Đơn giá
1	Khám bệnh	Lượt	42,100
2	Khám sức khỏe (không kể xét nghiệm, X-Quang)	Lượt	160,000
3	Giấy chứng thương (không kể xét nghiệm, X- quang)	Lượt	160,000
4	Khám giám định y khoa (không kể xét nghiệm, X-quang)	Lượt	160,000
5	Hội chẩn để xác định ca bệnh khó (chuyên gia/ca; Chỉ áp dụng đối với trường hợp mời chuyên gia đơn vị khác đến hội chẩn tại cơ sở khám, chữa bệnh).	Lượt	200,000

GIÁ NGÀY GIƯỜNG ĐIỀU TRỊ

TT	Tên dịch vụ	ĐVT	Đơn giá
1	Ngày điều trị Hồi sức tích cực (ICU)/ghép tạng hoặc ghép tủy hoặc ghép tế bào gốc	Ngày	928,100
2	Ngày giường bệnh Hồi sức cấp cứu	Ngày	558,600
3	Ngày giường bệnh Nội khoa:		
3.1	Loại 1: Các khoa: Truyền nhiễm, Hô hấp, Huyết học, Ung thư, Tim mạch, Tâm thần, Thần kinh, Lão, Nhi, Tiêu hoá, Thận học, Nội tiết; Dị ứng (đối với bệnh nhân dị ứng thuốc nặng: Stevens Jonhson hoặc Lyell)	Ngày	305,500
3.2	Loại 2: Các Khoa: Cơ-Xương-Khớp, Da liễu, Dị ứng, Tai-Mũi-Họng, Mắt, Răng Hàm Mặt, Ngoại, Phụ -Sản không mổ; YHDT hoặc PHCN cho nhóm người bệnh tổn thương tủy sống, tai biến mạch máu não, chấn thương sọ não.	Ngày	273,800
3.3	Loại 3: Các khoa: YHDT, Phục hồi chức năng	Ngày	232,900
4	Ngày giường bệnh ngoại khoa, bỏng:		
4.1	Loại 1: Sau các phẫu thuật loại đặc biệt; Bỏng độ 3-4 trên 70% diện tích cơ thể	Ngày	400,400
4.2	Loại 2: Sau các phẫu thuật loại 1; Bỏng độ 3-4 từ 25 -70% diện tích cơ thể	Ngày	364,400
4.3	Loại 3: Sau các phẫu thuật loại 2; Bỏng độ 2 trên 30% diện tích cơ thể, Bỏng độ 3-4 dưới 25% diện tích cơ thể	Ngày	320,700

4.4	Loại 4: Sau các phẫu thuật loại 3; Bỏng độ 1, độ 2 dưới 30% diện tích cơ thể	Ngày	286,700
5	Ngày giường điều trị ban ngày	Bằng 0,3 lần giá ngày giường của các khoa tương ứng	

Ghi chú: Giá ngày giường điều trị nội trú chưa bao gồm chi phí máy thở và khí y tế.

GIÁ DỊCH VỤ THĂM DÒ CHỨC NĂNG

TT	Tên dịch vụ	DVT	Đơn giá
1	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo tự động bằng siêu âm	Lần	62,900
2	Đo nhãn áp (Maclakov, Goldmann, Schiotz...)	Lần	28,000
3	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động	Lần	37,000
4	Trắc nghiệm tâm lý Raven	Lần	27,000
5	Thang đánh giá sự phát triển ở trẻ em (DENVER II)	Lần	37,000
6	Thang sàng lọc tự kỷ cho trẻ nhỏ 18 - 36 tháng (CHAT)	Lần	37,000
7	Thang đánh giá mức độ tự kỷ (CARS)	Lần	37,000
8	Thang đánh giá hành vi trẻ em (CBCL)	Lần	37,000
9	Trắc nghiệm RAVEN	Lần	27,000
10	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản	Lần	170,000
11	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Lần	35,400
12	Ghi điện tim qua chuyển đạo thực quản	Lần	170,000
13	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Lần	35,400
14	Theo dõi điện tim cấp cứu tại giường liên tục 24 giờ	Lần	204,000
15	Điện tim thường	Lần	35,400
16	Ghi điện tim cấp cứu tại giường	Lần	35,400

GIÁ CHỤP CẮT LỚP VI TÍNH, CỘNG HƯỞNG TỪ

TT	Tên dịch vụ	ĐVT	Đơn giá
1	Chụp cắt lớp vi tính tăng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
2	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
3	Chụp cắt lớp vi tính bụng - tiểu khung thường quy (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
4	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
5	Chụp cắt lớp vi tính cột sống cổ không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100
6	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
7	Chụp cắt lớp vi tính cột sống ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100
8	Chụp cắt lớp vi tính cột sống thắt lưng có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
9	dãy)	Lần	550,100
10	Chụp cắt lớp vi tính đại tràng (colo-scan) dùng dịch hoặc hơi có nội soi ảo (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
11	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ ngực (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
12	Chụp cắt lớp vi tính động mạch chủ - chậu (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
13	Chụp cắt lớp vi tính động mạch phổi (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
14	Chụp cắt lớp vi tính động mạch vành, tim (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
15	Chụp cắt lớp vi tính gan có dựng hình đường mật (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
16	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm dưới (Cone-Beam CT)	Lần	550,100
17	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên (Cone-Beam CT)	Lần	550,100
18	Chụp cắt lớp vi tính hàm mặt chùm tia hình nón hàm trên hàm dưới (Cone-Beam CT)	Lần	550,100
19	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu có khảo sát mạch thận và/hoặc dựng hình đường bài xuất (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
20	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
21	Chụp cắt lớp vi tính hệ tiết niệu thường quy (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
22	Chụp cắt lớp vi tính khớp có tiêm thuốc cản quang vào ổ khớp (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
23	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
24	Chụp cắt lớp vi tính khớp thường quy không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100
25	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
26	Chụp cắt lớp vi tính lồng ngực không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100
27	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi dưới (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
28	Chụp cắt lớp vi tính mạch máu chi trên (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
29	Chụp cắt lớp vi tính nội soi ảo cây phế quản (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100

30	Chụp cắt lớp vi tính phổi độ phân giải cao (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100
31	0	Lần	0
32	Chụp cắt lớp vi tính ruột non (entero-scan) không dùng sonde (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
33	Chụp cắt lớp vi tính tạng khảo sát huyết động học khối u (CT perfusion) (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
34	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch: gan, tụy, lách và mạch khối u) (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
35	Chụp cắt lớp vi tính tạng trên ổ bụng thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính gan - mật, tụy, lách, dạ dày - tá tràng.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
36	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	Lần	550,100
37	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	Lần	663,400
38	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	Lần	1,732,400
39	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	Lần	1,486,800
40	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	Lần	3,035,600
41	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung-buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.)	Lần	2,779,200
42	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
43	Chụp cắt lớp vi tính tiểu khung thường quy (gồm: chụp cắt lớp vi tính tử cung - buồng trứng, tiền liệt tuyến, các khối u vùng tiểu khung.v.v.) (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
44	Chụp cắt lớp vi tính tính điểm vôi hóa mạch vành (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100
45	Chụp cắt lớp vi tính xương chi có tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	663,400
46	Chụp cắt lớp vi tính xương chi không tiêm thuốc cản quang (từ 1- 32 dãy)	Lần	550,100
47	Chụp CLVT hàm mặt có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
48	Chụp CLVT hàm mặt có ứng dụng phần mềm nha khoa (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
49	Chụp CLVT hàm - mặt có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
50	Chụp CLVT hàm - mặt không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
51	Chụp CLVT hệ động mạch cảnh có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
52	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
53	Chụp CLVT hốc mắt (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
54	Chụp CLVT mạch máu não (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
55	Chụp CLVT sọ não có dựng hình 3D (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
56	Chụp CLVT sọ não có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
57	Chụp CLVT sọ não không tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
58	Chụp CLVT tai - xương đá có tiêm thuốc cản quang (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400
59	Chụp CLVT tai - xương đá không tiêm thuốc (từ 1-32 dãy)	Lần	550,100
60	Chụp CLVT tưới máu não (CT perfusion) (từ 1-32 dãy)	Lần	663,400

61	Chụp cộng hưởng từ bạch mạch có tiêm tương phản không đặc hiệu (1.5T)	Lần	2,227,000
62	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
63	Chụp cộng hưởng từ bìu, dương vật có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
64	Chụp cộng hưởng từ các bó sợi thần kinh (tractography) hay Chụp Cộng hưởng từ	Lần	3,191,000
65	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
66	Chụp cộng hưởng từ cột sống cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
67	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
68	Chụp cộng hưởng từ cột sống ngực có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
69	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
70	Chụp cộng hưởng từ cột sống thắt lưng - cùng có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
71	Chụp cộng hưởng từ đánh giá bánh nhau (rau) (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
72	Chụp cộng hưởng từ dây thần kinh ngoại biên (neurography MR) (1.5T)	Lần	1,322,000
73	Chụp cộng hưởng từ động học sàn chậu, tổng phân (defecography-MR) (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
74	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới (1.5T)	Lần	1,322,000
75	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi dưới có tiêm tương phản (1.5T)	Lần	2,227,000
76	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên (1.5T)	Lần	1,322,000
77	Chụp cộng hưởng từ động mạch chi trên có tiêm tương phản (1.5T)	Lần	2,227,000
78	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-chậu (1.5T)	Lần	2,227,000
79	Chụp cộng hưởng từ động mạch chủ-ngực (1.5T)	Lần	2,227,000
80	Chụp cộng hưởng từ động mạch vành (1.5T)	Lần	2,227,000
81	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô ($\geq 3T$)	Lần	8,691,000
82	Chụp cộng hưởng từ gan với chất tương phản đặc hiệu mô (0.2-1.5T)	Lần	8,691,000
83	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
84	Chụp cộng hưởng từ hệ mạch cổ không tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
85	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
86	Chụp cộng hưởng từ hốc mắt và thần kinh thị giác có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
87	Chụp cộng hưởng từ khớp (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
88	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản nội khớp (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
89	Chụp cộng hưởng từ khớp có tiêm tương phản tĩnh mạch (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
90	Chụp cộng hưởng từ khuếch tán (DWI - Diffusion-weighted Imaging) (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
91	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
92	Chụp cộng hưởng từ lồng ngực có tiêm thuốc cản quang (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
93	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
94	Chụp cộng hưởng từ não- mạch não không tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
95	Chụp cộng hưởng từ nội soi ảo khung đại tràng (virtual colonoscopy) (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
96	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
97	Chụp cộng hưởng từ phần mềm chi có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
98	Chụp cộng hưởng từ phổ não (spect tính rography) (0.2-1.5T)	Lần	3,191,000
99	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến tiền liệt (0.2-1.5T)	Lần	3,191,000
100	Chụp cộng hưởng từ phổ tuyến vú (0.2-1.5T)	Lần	3,191,000
101	Chụp cộng hưởng từ ruột non (enteroclysis) (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
102	Chụp cộng hưởng từ sọ não (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
103	Chụp cộng hưởng từ sọ não chức năng (0.2-1.5T)	Lần	3,191,000
104	Chụp cộng hưởng từ sọ não có tiêm chất tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
105	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng từ	Lần	1,322,000
106	Chụp cộng hưởng từ tầng trên ổ bụng có khảo sát mạch các tạng (bao gồm mạch:)	Lần	2,227,000

107	Chụp cộng hưởng từ thai nhi (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
108	Chụp cộng hưởng từ thông khí phổi (Heli) (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
109	Chụp cộng hưởng từ tim (1.5T)	Lần	2,227,000
110	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch (1.5T)	Lần	1,322,000
111	Chụp cộng hưởng từ tĩnh mạch có tiêm tương phản (1.5T)	Lần	2,227,000
112	Chụp cộng hưởng từ tưới máu các tạng (1.5T)	Lần	3,191,000
113	Chụp cộng hưởng từ tưới máu não (perfusion) (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
114	Chụp cộng hưởng từ tuyến tiền liệt có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
115	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
116	Chụp cộng hưởng từ tuyến vú động học có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
117	Chụp cộng hưởng từ tuyến yên có tiêm chất tương phản (khảo sát động học) (0.2-	Lần	2,227,000
118	Chụp cộng hưởng từ tầng bụng không tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng t	Lần	1,322,000
119	Chụp cộng hưởng từ vùng chậu có tiêm chất tương phản (gồm: chụp cộng hưởng t	Lần	2,227,000
120	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
121	Chụp cộng hưởng từ vùng mặt - cổ có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000
122	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương (0.2-1.5T)	Lần	1,322,000
123	Chụp cộng hưởng từ xương và tủy xương có tiêm tương phản (0.2-1.5T)	Lần	2,227,000

GIÁ CHỤP X.QUANG

TT	Tên dịch vụ	ĐVT	Đơn giá
1	Đo mật độ xương bằng kỹ thuật DEXA	Lần	148,300
2	Chụp X-quang bao rễ thần kinh	Lần	441,800
3	Chụp X-quang bề thận - niệu quản xuôi dòng [có thuốc cản quang]	Lần	579,800
4	Chụp X-quang bề thận - niệu quản xuôi dòng [có thuốc cản quang, số hóa]	Lần	649,800
5	Chụp X-quang niệu đạo bằng quang ngược dòng	Lần	604,800
6	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) [có thuốc cản quang]	Lần	579,800
7	Chụp X-quang bằng quang trên xương mu	Lần	246,800
8	Chụp X-quang đường rò	Lần	446,800
9	Chụp X-quang bằng quang trên xương mu	Lần	246,800
10	Chụp X-quang bao rễ thần kinh	Lần	441,800
11	Chụp X-quang bề thận - niệu quản xuôi dòng [có thuốc cản quang, số hóa]	Lần	649,800
12	Chụp X-quang Blondeau [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
13	Chụp X-quang bụng không chuẩn bị thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
14	Chụp X-quang Chausse III [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
15	Chụp X-quang cột sống cổ C1-C2 [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
16	Chụp X-quang cột sống cổ chệch hai bên [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
17	Chụp X-quang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế [số hóa 3 phim]	Lần	130,300
18	Chụp X-quang cột sống cổ thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
19	Chụp X-quang cột sống cùng cụt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
20	Chụp X-quang cột sống ngực thẳng nghiêng hoặc chệch [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
21	Chụp X-quang cột sống thắt lưng chệch hai bên [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
22	Chụp X-quang cột sống thắt lưng De Sèze [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
23	Chụp X-quang cột sống thắt lưng động, gập uốn [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
24	Chụp X-quang cột sống thắt lưng L5-S1 thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
25	Chụp X-quang cột sống thắt lưng thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
26	Chụp X-quang đại tràng [có thuốc cản quang, số hóa]	Lần	304,800
27	Chụp X-quang đỉnh phổi uốn [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
28	Chụp X-quang đường rò	Lần	446,800
29	Chụp X-quang đường mật qua Kehr	Lần	280,800
30	Chụp X-quang hàm chệch một bên [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
31	Chụp X-quang Hirtz [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
32	Chụp X-quang hố yên thẳng hoặc nghiêng [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
33	Chụp X-quang hốc mắt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
34	Chụp X-quang khớp cùng chậu thẳng chệch hai bên [số hóa 3 phim]	Lần	130,300
35	Chụp X-quang khớp gối thẳng, nghiêng hoặc chệch [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
36	Chụp X-quang khớp háng nghiêng [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
37	Chụp X-quang khớp háng thẳng hai bên [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
38	Chụp X-quang khớp khuỷu gập (Jones hoặc Coyle) [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
39	Chụp X-quang khớp khuỷu thẳng, nghiêng hoặc chệch [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
40	Chụp X-quang khớp thái dương hàm [số hóa 1 phim]	Lần	73,300

41	Chụp X-quang khớp ức đòn thẳng chéo [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
42	Chụp X-quang khớp vai nghiêng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
43	Chụp X-quang khớp vai thẳng [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
44	Chụp X-quang khung chậu thẳng [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
45	Chụp X-quang mặt thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
46	Chụp X-quang mặt thấp hoặc mặt cao [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
47	Chụp X-quang mật tụy ngược dòng qua nội soi	Lần	280,800
48	Chụp X-quang mòm trâm [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
49	Chụp X-quang ngực nghiêng hoặc chéo mỗi bên [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
50	Chụp X-quang ngực thẳng [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
51	Chụp X-quang niệu đạo bàng quang ngược dòng	Lần	604,800
52	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV) [có thuốc cản quang UVI, số hóa]	Lần	649,800
53	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược dòng [số hóa]	Lần	604,800
54	Chụp X-quang ống tuyến sữa	Lần	426,800
55	Chụp X-quang phim cắn (Occlusal)	Lần	73,300
56	Chụp X-quang phim đo sọ thẳng, nghiêng (Cephalometric) [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
57	Chụp X-quang răng cánh cắn (Bite wing) [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
58	Chụp X-quang răng toàn cảnh [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
59	Chụp X-quang ruột non [có thuốc cản quang, số hóa]	Lần	264,800
60	Chụp X-quang Schuller [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
61	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
62	Chụp X-quang sọ thẳng/nghiêng [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
63	Chụp X-quang sọ tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
64	Chụp X-quang Stenvers [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
65	Chụp X-quang tại giường	Lần	73,300
66	Chụp X-quang tại phòng mổ	Lần	73,300
67	Chụp X-quang thực quản cổ nghiêng [có thuốc cản quang, số hóa]	Lần	264,800
68	Chụp X-quang thực quản dạ dày [có thuốc cản quang, số hóa]	Lần	264,800
69	Chụp X-quang toàn bộ chi dưới thẳng [số hóa 3 phim]	Lần	130,300
70	Chụp X-quang tuyến nước bọt	Lần	426,800
71	Chụp X-quang tuyến vú	Lần	102,300
72	Chụp X-quang xương bả vai thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
73	Chụp X-quang xương bàn ngón tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
74	Chụp X-quang xương bàn, ngón chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
75	Chụp X-quang xương bánh chè và khớp đùi bánh chè [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
76	Chụp X-quang xương cẳng chân thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
77	Chụp X-quang xương cẳng tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
78	Chụp X-quang xương cánh tay thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
79	Chụp X-quang xương chính mũi nghiêng hoặc tiếp tuyến [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
80	Chụp X-quang xương cổ chân thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
81	Chụp X-quang xương cổ tay thẳng, nghiêng hoặc chéo [số hóa 2 phim]	Lần	105,300

82	Chụp X-quang xương đòn thẳng hoặc chéo [số hóa 1 phim]	Lần	73,300
83	Chụp X-quang xương đùi thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
84	Chụp X-quang xương gót thẳng nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
85	Chụp X-quang xương ức thẳng, nghiêng [số hóa 2 phim]	Lần	105,300
86	Chụp Xquang cột sống cổ động, nghiêng 3 tư thế	Lần	125,000

GIÁ SIÊU ÂM

TT	Tên dịch vụ	DVT	Đơn giá
1	Siêu âm cấp cứu tại giường bệnh	Lần	58,600
2	Siêu âm ổ bụng tại giường cấp cứu	Lần	58,600
3	Siêu âm ổ bụng	Lần	58,600
4	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Lần	252,300
5	Siêu âm 3D/4D tim	Lần	486,300
6	Siêu âm doppler các khối u trong ổ bụng	Lần	89,300
7	Siêu âm doppler động mạch thận	Lần	252,300
8	Siêu âm doppler động mạch tử cung	Lần	252,300
9	Siêu âm doppler động mạch, tĩnh mạch chi dưới	Lần	252,300
10	Siêu âm doppler dương vật	Lần	89,300
11	Siêu âm doppler gan lách	Lần	89,300
12	Siêu âm doppler hốc mắt	Lần	89,300
13	Siêu âm doppler mạch máu ổ bụng (động mạch chủ, mạc treo tràng trên, thân tạng...)	Lần	252,300
14	Siêu âm doppler thai nhi (thai, nhau thai, dây rốn, động mạch tử cung)	Lần	89,300
15	Siêu âm doppler tim, van tim	Lần	252,300
16	Siêu âm 3D/4D trực tràng	Lần	195,600
17	Siêu âm doppler tinh hoàn, mào tinh hoàn hai bên	Lần	89,300
18	Siêu âm doppler tĩnh mạch chậu, chủ dưới	Lần	252,300
19	Siêu âm doppler tử cung phần phụ	Lần	89,300
20	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	252,300
21	Siêu âm doppler tử cung, buồng trứng qua đường bụng	Lần	89,300
22	Siêu âm doppler tuyến vú	Lần	89,300
23	Siêu âm doppler u tuyến, hạch vùng cổ	Lần	89,300
24	Siêu âm dương vật	Lần	58,600
25	Siêu âm hạch vùng cổ	Lần	58,600
26	Siêu âm hệ tiết niệu (thận, tuyến thượng thận, bàng quang, tiền liệt tuyến)	Lần	58,600
27	Siêu âm các khối u phổi ngoại vi	Lần	58,600
28	Siêu âm hốc mắt	Lần	58,600
29	Siêu âm khớp (gối, háng, khuỷu, cổ tay....)	Lần	58,600
30	Siêu âm màng phổi	Lần	58,600
31	Siêu âm nhãn cầu	Lần	58,600
32	Siêu âm nội soi	Lần	1,196,400
33	Siêu âm ổ bụng (gan mật, tụy, lách, thận, bàng quang)	Lần	58,600
34	Siêu âm ống tiêu hóa (dạ dày, ruột non, đại tràng)	Lần	58,600
35	Siêu âm phần mềm (da, tổ chức dưới da, cơ....)	Lần	58,600
36	Siêu âm qua thóp	Lần	58,600
37	Siêu âm thai (thai, nhau thai, nước ối)	Lần	58,600
38	Siêu âm các tuyến nước bọt	Lần	58,600
39	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng cuối	Lần	58,600
40	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng đầu	Lần	58,600

41	Siêu âm thai nhi trong 3 tháng giữa	Lần	58,600
42	Siêu âm thành ngực (cơ, phần mềm thành ngực)	Lần	58,600
43	Siêu âm tiền liệt tuyến qua trực tràng	Lần	195,600
44	Siêu âm tim, mạch máu có cản âm	Lần	286,300
45	Siêu âm tim, màng tim qua thành ngực	Lần	252,300
46	Siêu âm tim, màng tim qua thực quản	Lần	834,300
47	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	195,600
48	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường bụng	Lần	58,600
49	Siêu âm cầu nối động mạch tĩnh mạch	Lần	252,300
50	Siêu âm tử cung phần phụ	Lần	58,600
51	Siêu âm tuyến giáp	Lần	58,600
52	Siêu âm tuyến vú hai bên	Lần	58,600
53	Siêu âm tử cung buồng trứng qua đường âm đạo	Lần	195,600
54	Siêu âm doppler mạch máu	Lần	252,300
55	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	Lần	58,600
58	Siêu âm cơ phần mềm vùng cổ mặt	Lần	58,600
59	Siêu âm doppler tim, van tim	Lần	252,300
60	Siêu âm doppler mạch cấp cứu tại giường	Lần	252,300
61	Siêu âm doppler mạch máu	Lần	252,300
62	Siêu âm doppler mạch máu cấp cứu	Lần	252,300
63	Siêu âm doppler mạch máu hệ tĩnh mạch cửa hoặc mạch máu ổ bụng	Lần	252,300
64	Siêu âm doppler mạch máu khối u gan	Lần	252,300
65	Siêu âm doppler tim	Lần	252,300
66	Siêu âm doppler xuyên sọ	Lần	252,300
67	Siêu âm doppler xuyên sọ cấp cứu tại giường	Lần	252,300
68	Siêu âm đàn hồi mô (gan, tuyến vú...)	Lần	89,300
69	Siêu âm khớp (một vị trí)	Lần	58,600
70	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	Lần	58,600
71	Siêu âm màng phổi	Lần	58,600
72	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Lần	58,600
73	Siêu âm mắt	Lần	69,700
74	Siêu âm nội soi dạ dày, thực quản	Lần	1,196,400
75	Siêu âm phần mềm (một vị trí)	Lần	58,600
76	Siêu âm tim 4D	Lần	486,300
77	Siêu âm tim cản âm	Lần	286,300
78	Siêu âm tim cấp cứu tại giường	Lần	252,300
79	Siêu âm đàn hồi mô vú	Lần	89,300
80	Siêu âm tim gắng sức (thăm chạy, thuốc)	Lần	616,300
81	Siêu âm tim qua thực quản	Lần	834,300
82	Siêu âm đàn hồi nhu mô tuyến giáp	Lần	89,300

GIÁ CÁC DỊCH VỤ PHẪU THUẬT

TT	Tên dịch vụ	DVT	Đơn giá
1	Ghép da hay vật da điều trị hở mi do sẹo	Lần	3,044,900
2	Phẫu thuật quặm	Lần	1,351,400
3	Kỹ thuật tạo vật da chữ Z điều trị sẹo bồng	Lần	4,034,300
4	Nội ống mật chủ - tá tràng	Lần	4,870,100
5	Nội ống mật chủ-hồng tràng kèm dẫn lưu trong gan và cắt gan	Lần	9,075,300
6	Nội ống tụy - hồng tràng	Lần	4,870,100
7	Nội soi cắt u bàng quang	Lần	5,030,900
8	Nội soi cắt u bàng quang tái phát	Lần	5,030,900
9	Nội soi đặt sonde JJ	Lần	1,920,900
10	Nội soi lấy sỏi bàng quang	Lần	4,497,100
11	Nội soi màng phổi sinh thiết	Lần	5,859,300
12	Nội thông lệ mũi ± đặt ống silicon ± áp MMC	Lần	1,130,200
13	Nội túi mật - hồng tràng	Lần	4,870,100
14	Phẫu thuật áp xe hậu môn, có mở lỗ rò	Lần	2,816,900
15	Phẫu thuật áp xe não	Lần	7,667,700
16	Phẫu thuật áp xe ruột thừa trong ổ bụng	Lần	3,142,500
17	Phẫu thuật bắc cầu mạch máu để chạy thận nhân tạo	Lần	3,996,300
18	Phẫu thuật bàn chân duỗi đồ	Lần	3,411,300
19	Phẫu thuật bàn tay cấp cứu có tổn thương phức tạp	Lần	5,204,600
20	Phẫu thuật bàn tay, chỉnh hình phức tạp	Lần	5,204,600
21	Phẫu thuật bong lóc da và cơ phức tạp, sâu, rộng sau chấn thương	Lần	5,204,600
22	Phẫu thuật bong vồng mạc tái phát	Lần	3,206,300
23	Phẫu thuật bong vồng mạc theo phương pháp kinh điển	Lần	2,409,900
24	Kỹ thuật tạo vật da tại chỗ điều trị sẹo bồng	Lần	4,034,300
25	Phẫu thuật bong vồng mạc, cắt dịch kính ± laser nội nhãn ± dầu/khí nội nhãn	Lần	3,206,300
26	Phẫu thuật can lệnh đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500
27	Phẫu thuật cắt 3/4 dạ dày	Lần	5,495,300
28	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Lần	2,892,800
29	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	Lần	1,761,400
30	Phẫu thuật cắt bỏ các u nhỏ dưới móng	Lần	1,196,600
31	Phẫu thuật cắt bỏ đuôi tụy - nối mỏm tụy còn lại với quai hồng tràng	Lần	4,955,100
32	Phẫu thuật cắt bỏ nang và rõ xoang lê (túi mang IV)	Lần	4,936,000
33	Phẫu thuật cắt bỏ ngón tay thừa	Lần	3,226,900
34	Kỹ thuật tạo vật da V-Y điều trị sẹo bồng	Lần	4,034,300
35	Phẫu thuật cắt cụt đùi	Lần	3,994,900
36	Phẫu thuật cắt đoạn ống mật chủ và tạo hình đường mật	Lần	4,870,100
37	Phẫu thuật cắt lại dạ dày do bệnh lành tính	Lần	8,208,300
38	Phẫu thuật cắt nửa đại tràng trái/phải	Lần	4,941,100
39	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Lần	344,200
40	Phẫu thuật cắt phanh môi	Lần	344,200
41	Phẫu thuật cắt phổi kèm theo bóc vỏ màng phổi	Lần	9,583,300
42	Phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày lần đầu hoặc mổ lại	Lần	8,208,300

43	Phẫu thuật cắt toàn bộ dạ dày, tạo hình dạ dày bằng đoạn ruột non	Lần	8,208,300
44	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Lần	6,140,200
45	Phẫu thuật cắt sẹo, lấy bỏ túi giãn da, tạo hình ổ khuyết	Lần	4,436,400
46	Phẫu thuật cắt u nang mạc nối lớn	Lần	5,141,100
47	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột có cắt nối ruột	Lần	4,764,100
48	Phẫu thuật cắt u nang mạc treo ruột không cắt ruột	Lần	5,141,100
49	Phẫu thuật cắt u sau phúc mạc	Lần	6,419,200
50	Phẫu thuật cắt u xơ vòm mũi họng	Lần	9,151,800
51	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	Lần	2,932,800
52	Phẫu thuật chân chữ O	Lần	4,102,500
53	Phẫu thuật chân chữ X	Lần	4,102,500
54	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Lần	4,142,300
55	Phẫu thuật chảy máu đường mật: cắt gan	Lần	9,075,300
56	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bồng sâu	Lần	4,094,300
57	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân bẹt bẩm sinh	Lần	4,102,500
58	Phẫu thuật chỉnh hình điều trị bàn chân khoèo	Lần	3,411,300
59	Phẫu thuật chỉnh, xoay, lấy IOL ± cắt DK	Lần	1,322,100
60	Phẫu thuật chuyên cơ gân ngăn ngón 1 điều trị tách ngón 1 bẩm sinh	Lần	3,226,900
61	Phẫu thuật chuyên gân điều trị bàn chân rũ do liệt vận động	Lần	3,320,600
62	Phẫu thuật cố định mảnh sườn di động bằng nẹp	Lần	7,392,200
63	Phẫu thuật cố định nẹp vít gãy hai xương cẳng tay	Lần	4,102,500
64	Phẫu thuật cơ gân Achille	Lần	3,302,900
65	Phẫu thuật cứng cơ may	Lần	3,923,600
66	Phẫu thuật cứng duỗi khớp khuỷu	Lần	3,923,600
67	Phẫu thuật khoan, đục xương sọ trong điều trị bồng sâu có tổn thương xương sọ	Lần	4,094,300
68	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu	Lần	2,917,900
69	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe gan	Lần	3,142,500
70	Phẫu thuật dẫn lưu não thất - màng bụng	Lần	4,474,500
71	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thị 2 (không cắt dịch kính)	Lần	2,020,300
72	Phẫu thuật điều trị áp xe gan do giun, mở ống mật chủ lấy giun	Lần	4,970,100
73	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư trong ổ bụng	Lần	3,142,500
74	Phẫu thuật điều trị bệnh phình đại tràng bẩm sinh 1 thì	Lần	3,332,200
75	Phẫu thuật điều trị can lệch, có kết hợp xương	Lần	4,102,500
76	Phẫu thuật điều trị chảy máu đường mật: thắt động mạch gan	Lần	5,170,100
77	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	Lần	4,733,900
78	Sử dụng vật 5 cánh (five flap) trong điều trị sẹo bồng	Lần	4,034,300
79	Phẫu thuật điều trị dạ dày đôi	Lần	5,495,300
80	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng bằng đường bụng kết hợp đường sau trực tràng	Lần	7,639,200
81	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng bằng đường trước xương cùng và sau trực tràng	Lần	5,367,200
82	Phẫu thuật điều trị dị tật hậu môn trực tràng một thì	Lần	5,367,200
83	Phẫu thuật điều trị hẹp thực quản	Lần	8,490,300
84	Phẫu thuật điều trị hoại tử thủng dạ dày ở trẻ sơ sinh	Lần	3,993,400
85	Phẫu thuật điều trị rò cạnh hậu môn	Lần	2,816,900

86	Phẫu thuật điều trị rò khí thực quản	Lần	8,490,300
87	Phẫu thuật điều trị rò thực quản	Lần	8,490,300
88	Phẫu thuật điều trị ruột đôi	Lần	4,764,100
89	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	Lần	3,059,900
90	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do bã thức ăn	Lần	3,993,400
91	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng có cắt nối ruột	Lần	4,764,100
92	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do dính/dây chằng không cắt nối ruột	Lần	2,705,700
93	Phẫu thuật điều trị tắc ruột do viêm phúc mạc thai nhi	Lần	4,764,100
94	Phẫu thuật điều trị tắc ruột phân su	Lần	4,764,100
95	Phẫu thuật điều trị tắc tá tràng bẩm sinh	Lần	5,100,100
96	Phẫu thuật điều trị teo đường mật bẩm sinh	Lần	5,170,100
97	Phẫu thuật điều trị teo ruột	Lần	5,100,100
98	Phẫu thuật điều trị thực quản đôi	Lần	8,225,300
99	Phẫu thuật điều trị thủng đường mật ngoài gan	Lần	5,170,100
100	Cắt âm hộ + vết hạch bẹn hai bên	Lần	4,158,300
101	Phẫu thuật điều trị vẹo cổ	Lần	3,923,600
102	Phẫu thuật điều trị vẹo khuỷu, đục sửa trục	Lần	4,324,900
103	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do thủng ruột: dẫn lưu ổ bụng, làm hậu môn nhân tạo	Lần	3,993,400
104	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc do viêm ruột hoại tử biến chứng	Lần	5,100,100
105	Phẫu thuật điều trị viêm phúc mạc tiên phát	Lần	4,721,300
106	Phẫu thuật điều trị viêm/chảy máu túi thừa Meckel	Lần	4,764,100
107	Phẫu thuật điều trị xoắn dạ dày	Lần	2,683,900
108	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	Lần	2,705,700
109	Phẫu thuật điều trị xoắn ruột	Lần	5,100,100
110	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng	Lần	2,705,700
111	Phẫu thuật quặm	Lần	698,800
112	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Lần	2,971,900
113	Phẫu thuật điều trị xoắn trung tràng	Lần	5,100,100
114	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Lần	3,011,900
115	Phẫu thuật dính khớp khuỷu	Lần	3,011,900
116	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 1 xương cẳng tay	Lần	4,102,500
117	Phẫu thuật đóng đinh nội tủy gãy 2 xương cẳng tay	Lần	4,102,500
118	Phẫu thuật đóng đinh xương đùi dưới C Arm	Lần	5,474,500
119	Phẫu thuật Epicanthus	Lần	930,200
120	Phẫu thuật Fray	Lần	4,955,100
121	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mí trên điều trị sụp mí	Lần	1,402,600
122	Phẫu thuật gãy đầu dưới xương quay và trật khớp quay trụ dưới	Lần	4,102,500
123	Cắt cụt cổ tử cung	Lần	3,019,800
124	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	Lần	4,102,500
125	Phẫu thuật gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Lần	4,102,500
126	Phẫu thuật gãy mỏm trên ròng rọc xương cánh tay	Lần	3,226,900
127	Phẫu thuật gãy Monteggia	Lần	4,102,500
128	Phẫu thuật gãy trật đốt sống cổ, mỏm nha	Lần	5,592,600

129	Phẫu thuật gãy xương cánh tay kèm tổn thương thần kinh hoặc mạch máu	Lần	4,102,500
130	Phẫu thuật giải áp thần kinh ngoại biên	Lần	2,698,800
131	Phẫu thuật giải phóng chèn ép tủy	Lần	4,969,100
132	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gàn mù	Lần	3,206,300
133	Phẫu thuật hạ lại tinh hoàn	Lần	2,490,900
134	Cắt u thành âm đạo	Lần	2,268,300
135	Phẫu thuật hẹp khe mi	Lần	763,600
136	Phẫu thuật kéo dài chi	Lần	5,265,900
137	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống ngực	Lần	5,798,100
138	Phẫu thuật kết hợp xương cột sống thắt lưng	Lần	5,798,100
139	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy khung chậu	Lần	4,102,500
140	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy ổ cối phức tạp	Lần	4,102,500
141	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương đòn	Lần	4,102,500
142	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,197,900
143	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	Lần	2,897,900
144	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,897,900
145	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	Lần	6,815,100
146	Phẫu thuật kết hợp xương điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,897,900
147	Phẫu thuật kết hợp xương không mở ổ gãy dưới C Arm	Lần	5,474,500
148	Phẫu thuật kết hợp xương, ghép xương sau trượt đốt sống L4-5, L5-Si	Lần	5,105,100
149	Phẫu thuật khớp giả xương chày	Lần	4,102,500
150	Phẫu thuật Kirschner gãy thân xương sên	Lần	4,102,500
151	Phẫu thuật lác phức tạp (dị thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, Faden...)	Lần	913,600
152	Phẫu thuật lác thông thường	Lần	830,200
153	Phẫu thuật lác thông thường	Lần	830,200
154	Phẫu thuật lác thông thường	Lần	1,220,300
155	Phẫu thuật lác thông thường	Lần	1,220,300
156	Cắt u vú lành tính	Lần	3,135,800
157	Phẫu thuật lại các dị tật hậu môn trực tràng	Lần	5,367,200
158	Phẫu thuật lại chữa rò ống tiêu hóa sau mổ	Lần	3,993,400
159	Phẫu thuật lại phình đại tràng bẩm sinh	Lần	4,941,100
160	Phẫu thuật lại trĩ chảy máu	Lần	2,816,900
161	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Lần	3,116,800
162	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng	Lần	3,595,500
163	Phẫu thuật lấy dị vật lồng ngực, ổ bụng	Lần	2,683,900
164	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	2,856,600
165	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Lần	3,209,900
166	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Lần	1,051,700
167	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	Lần	3,135,800
168	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh (trong bao, ngoài bao, phaco) đặt IOL trên mắt độc nhất, gàn mù	Lần	2,752,600

169	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao ± IOL	Lần	1,944,100
170	Phẫu thuật Longo	Lần	2,507,900
171	Phẫu thuật Miles qua nội soi	Lần	3,781,900
172	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	4,308,300
173	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	3,217,800
174	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Lần	3,054,800
175	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	4,721,300
176	Phẫu thuật mở lồng ngực cắt túi phình thực quản	Lần	8,225,300
177	Phẫu thuật mở lồng ngực khâu lỗ rò phế quản	Lần	7,392,200
178	Cắt vú theo phương pháp Patey + vét hạch nách	Lần	5,507,100
179	Phẫu thuật mở lồng ngực khâu, thắt ống ngực	Lần	7,392,200
180	Phẫu thuật mở nắp sọ giải áp, lấy máu tụ và chùng màng cứng	Lần	5,669,600
181	Phẫu thuật mở rộng khe mi	Lần	763,600
182	Phẫu thuật mộng đơn thuần	Lần	960,200
183	Phẫu thuật nạo VA gây mê	Lần	852,900
184	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần	369,500
185	Phẫu thuật nối khí quản tận-tận trong sẹo hẹp thanh khí quản	Lần	8,483,300
186	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	Lần	5,597,800
187	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	Lần	5,597,800
188	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu	Lần	6,477,300
189	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thực quản giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	8,193,400
190	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần 2 thực quản giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	8,193,400
191	Phẫu thuật nội soi cắt bán phần dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống	Lần	5,597,800
192	Phẫu thuật nội soi cắt bàng quang	Lần	6,443,300
193	Phẫu thuật nội soi cắt bỏ u mạch máu vùng đầu cổ	Lần	14,151,800
194	Phẫu thuật nội soi cắt cắt trực tràng đường bụng, đường tăng sinh môn	Lần	4,663,800
195	Phẫu thuật nội soi cắt dây thần kinh X	Lần	3,663,800
196	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	Lần	4,663,800
197	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng ngang, đại tràng sigma nối ngay	Lần	4,663,800
198	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn trực tràng do ung thư	Lần	3,781,900
199	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	Lần	4,545,300
200	Phẫu thuật nội soi cắt đơn vị thận không chức năng với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi	Lần	4,781,900
201	Phẫu thuật nội soi cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong bệnh basedow	Lần	4,561,600
202	Phẫu thuật nội soi cắt hạ phân thực quản, u gan nhỏ	Lần	6,632,200
203	Phẫu thuật nội soi cắt kén, nang phổi	Lần	9,272,200
204	Phẫu thuật nội soi cắt lách	Lần	4,897,800
205	Phẫu thuật nội soi cắt lọc khâu rách chớp xoay qua nội soi khớp vai	Lần	3,602,500
206	Phẫu thuật nội soi cắt một nửa đại tràng phải hoặc trái	Lần	4,663,800
207	Phẫu thuật nội soi cắt một phần thực quản	Lần	9,272,200
208	Phẫu thuật nội soi cắt nang ống mật chủ, nối ống gan chung-ruột	Lần	5,057,900
209	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	Lần	4,561,600

210	Hút thai + triệt sản qua đường rạch nhỏ	Lần	3,191,500
211	Phẫu thuật nội soi cắt nhân độc tuyến giáp	Lần	6,168,600
212	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	Lần	5,503,300
213	Phẫu thuật nội soi cắt ruột non	Lần	4,663,800
214	Phẫu thuật nội soi cắt thận	Lần	4,781,900
215	Phẫu thuật nội soi cắt tinh hoàn ẩn trong ổ bụng	Lần	2,490,900
216	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ dạ dày	Lần	5,597,800
217	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp do ung thư tuyến giáp	Lần	4,561,600
218	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp do ung thư tuyến giáp	Lần	6,168,600
219	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,561,600
220	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	8,193,400
221	Phẫu thuật quặm	Lần	1,572,200
222	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	Lần	2,951,800
223	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	4,561,600
224	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	8,193,400
225	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	8,193,400
226	Phẫu thuật nội soi cắt toàn bộ tuyến tiền liệt	Lần	4,302,500
227	Phẫu thuật nội soi cắt trực tràng + bảo tồn cơ thắt	Lần	4,663,800
228	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Lần	6,346,300
229	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vét hạch chậu 2 bên	Lần	8,630,200
230	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu 2 bên	Lần	8,630,200
231	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung toàn phần	Lần	6,346,300
232	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	Lần	3,431,900
233	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Lần	2,119,400
234	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở ống mật chủ lấy sỏi, đặt dẫn lưu Kehr	Lần	4,281,900
235	Phẫu thuật nội soi cắt túi thừa Meckel	Lần	4,663,800
236	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	Lần	5,503,300
237	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo có cắt ruột	Lần	4,663,800
238	Phẫu thuật nội soi cắt u mạc treo không cắt ruột	Lần	4,068,200
239	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng	Lần	5,503,300
240	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng thanh quản	Lần	3,340,900
241	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng-thanh quản	Lần	3,340,900
242	Phẫu thuật nội soi cắt u nang mạc nối lớn	Lần	4,068,200
243	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú đảo ngược vùng mũi xoang	Lần	6,463,600
244	Khâu tử cung do nạo thủng	Lần	3,054,800
245	Phẫu thuật nội soi cắt u sau phúc mạc	Lần	4,781,900
246	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Lần	8,769,200
247	Phẫu thuật nội soi chống trào ngược dạ dày thực quản	Lần	6,557,900
248	Phẫu thuật nội soi điều trị áp xe gan	Lần	3,781,900
249	Phẫu thuật nội soi điều trị cứng khớp cổ chân	Lần	3,602,500
250	Phẫu thuật nội soi điều trị khớp cổ chân đến muôn	Lần	3,602,500
251	Phẫu thuật nội soi điều trị lồng ruột	Lần	4,663,800
252	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	Lần	3,602,500
253	Phẫu thuật nội soi điều trị nang gan đơn thuần	Lần	3,781,900

254	Phẫu thuật nội soi điều trị rò dịch não tủy nền sọ	Lần	7,677,800
255	Khoét chớp cô tử cung	Lần	3,019,800
256	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc ruột phân su	Lần	4,663,800
257	Phẫu thuật nội soi điều trị tắc tá tràng	Lần	4,663,800
258	Phẫu thuật nội soi điều trị thoái hóa khớp cổ chân	Lần	3,602,500
259	Phẫu thuật nội soi điều trị thủng tạng rỗng (trong chấn thương bụng)	Lần	3,136,900
260	Phẫu thuật nội soi điều trị xơ hóa cơ ức đòn chũm	Lần	3,923,600
261	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn dạ dày có kèm cắt dạ dày	Lần	5,597,800
262	Phẫu thuật nội soi điều trị xoắn trung tràng	Lần	4,663,800
263	Phẫu thuật nội soi hàn cứng khớp cổ chân	Lần	3,602,500
264	Phẫu thuật nội soi hội chứng ống cổ tay	Lần	2,698,800
265	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	Lần	3,136,900
266	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	Lần	3,116,800
267	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân	Lần	3,602,500
268	Phẫu thuật nội soi khớp cổ chân điều trị đau mạn tính sau chấn thương	Lần	3,602,500
269	Phẫu thuật nội soi khớp gối tạo dây chằng chéo trước endo-button	Lần	4,594,500
270	Phẫu thuật nội soi khâu treo trực tràng điều trị sa trực tràng	Lần	4,747,100
271	Phẫu thuật nội soi kỹ thuật Heller điều trị co thắt tâm vị	Lần	6,557,900
272	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi bể thận qua nội soi sau phúc mạc	Lần	4,497,100
273	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản đoạn trên qua nội soi sau phúc mạc	Lần	4,497,100
274	Phẫu thuật nội soi lỗ thủng ruột do bệnh lý hoặc vết thương bụng	Lần	4,663,800
275	Phẫu thuật nội soi mở thông dạ dày	Lần	2,745,200
276	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ lớn	Lần	4,663,800
277	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	Lần	2,833,400
278	Phẫu thuật nội soi phình đại tràng bẩm sinh trẻ sơ sinh	Lần	4,663,800
279	Phẫu thuật nội soi sa trực tràng	Lần	4,747,100
280	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc cắt u tuyến thượng thận	Lần	4,596,000
281	Phẫu thuật nội soi tắc ruột do dây chằng	Lần	4,663,800
282	Phẫu thuật nội soi vết hạch tiểu khung	Lần	6,964,200
283	Phẫu thuật nội soi vỡ đại tràng	Lần	4,663,800
284	Phẫu thuật nội soi vỡ ruột trong chấn thương bụng kín	Lần	4,663,800
285	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	7,279,100
286	Phẫu thuật nối thực quản ngay trong điều trị teo thực quản	Lần	8,490,300
287	Lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng qua đường rạch nhỏ	Lần	3,191,500
288	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	2,068,800
289	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)	Lần	2,068,800
290	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	Lần	2,497,500
291	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Lần	4,886,100
292	Phẫu thuật rò hậu môn phức tạp hay phẫu thuật lại	Lần	2,816,900
293	Phẫu thuật rò hậu môn thể đơn giản	Lần	2,816,900
294	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	Lần	1,402,600
295	Phẫu thuật sa trực tràng đường bụng hoặc đường tăng sinh môn, có cắt ruột	Lần	4,764,100
296	Phẫu thuật sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	Lần	4,058,900

297	Phẫu thuật sỏi trong gan	Lần	5,170,100
298	Lấy khối máu tụ âm đạo, tăng sinh môn	Lần	2,501,900
299	Phẫu thuật tắc ruột do giun	Lần	3,993,400
300	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vật có cuống	Lần	5,363,900
301	Phẫu thuật tái tạo tổn khuyết da bằng vật tại chỗ	Lần	4,034,300
302	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) ± IOL	Lần	2,752,600
303	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	Lần	6,640,200
304	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	Lần	4,230,100
305	Phẫu thuật tạo hình môi toàn bộ	Lần	2,988,600
306	Phẫu thuật tạo hình môi từng phần	Lần	2,888,600
307	Phẫu thuật tạo hình sống mũi, cánh mũi	Lần	2,804,100
308	Phẫu thuật tạo hình thực quản bằng dạ dày/đại tràng	Lần	8,490,300
309	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng và ống bẹn cho người bệnh không sờ thấy và siêu âm không thấy tinh hoàn	Lần	2,683,900
310	Phẫu thuật tháo lồng có cắt ruột, nối ngay hoặc dẫn lưu 2 đầu ruột	Lần	5,100,100
311	Phẫu thuật tháo lồng không cắt ruột	Lần	2,396,200
312	Phẫu thuật thay lại dây chằng chéo trước khớp gối	Lần	3,447,900
313	Phẫu thuật thoát vị bẹn hay thành bụng thường	Lần	3,512,900
314	Phẫu thuật thoát vị bẹn nghẹt	Lần	3,512,900
315	Phẫu thuật thoát vị bẹn thường 1 bên	Lần	3,512,900
316	Phẫu thuật thoát vị đĩa đệm	Lần	5,496,100
317	Phẫu thuật thoát vị đùi đùi nghẹt	Lần	3,512,900
318	Nội soi buồng tử cung + nạo buồng tử cung	Lần	4,667,800
319	Phẫu thuật thoát vị khó: đùi, bịt	Lần	3,512,900
320	Phẫu thuật thoát vị màng não tủy vùng lưng/cùng cột chưa vỡ	Lần	6,120,200
321	Phẫu thuật thoát vị màng não tủy vùng lưng/cùng cột đã vỡ, nhiễm trùng	Lần	6,120,200
322	Phẫu thuật thoát vị não và màng não	Lần	6,120,200
323	Phẫu thuật thoát vị rốn nghẹt	Lần	3,512,900
324	Phẫu thuật thoát vị rốn và khe hở thành bụng	Lần	3,512,900
325	Phẫu thuật thoát vị vết mổ cũ thành bụng	Lần	3,512,900
326	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	Lần	5,537,100
327	Phẫu thuật toác khớp mu	Lần	4,324,900
328	Phẫu thuật trật khớp gối bẩm sinh	Lần	3,923,600
329	Phẫu thuật quặm	Lần	935,200
330	Nội soi buồng tử cung + sinh thiết buồng tử cung	Lần	4,667,800
331	Phẫu thuật trật khớp háng	Lần	3,602,500
332	Phẫu thuật trật khớp khuỷu	Lần	4,324,900
333	Phẫu thuật trật xương bánh chè bẩm sinh	Lần	3,923,600
334	Phẫu thuật treo mi - cơ trăn (bằng silicon, cân cơ đùi...) điều trị sụp mi	Lần	1,402,600
335	Phẫu thuật trĩ độ 1	Lần	2,816,900
336	Phẫu thuật trĩ độ 3	Lần	2,816,900
337	Phẫu thuật trĩ độ 3	Lần	2,816,900
338	Phẫu thuật trĩ dưới hướng dẫn của siêu âm (DGHAL)	Lần	2,816,900
339	Phẫu thuật trĩ nhồi máu nhỏ	Lần	2,816,900
340	Phẫu thuật trĩ nhồi máu phức tạp	Lần	2,816,900
341	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Lần	4,667,800

342	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy vùng mặt, tạo hình vạt da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ đường kính 1-5 cm	Lần	4,421,700
343	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy/gai vùng mặt, đóng khuyết da	Lần	4,421,700
344	Phẫu thuật ung thư biểu mô tế bào đáy/gai vùng mặt, phẫu thuật Mohs	Lần	4,070,500
345	Phẫu thuật vết thương bàn tay, cắt lọc đơn thuần	Lần	3,226,900
346	Phẫu thuật vết thương sọ não hở	Lần	5,966,400
347	Phẫu thuật viêm khớp mũ thứ phát có sai khớp	Lần	3,011,900
348	Phẫu thuật viêm phúc mạc ruột thừa	Lần	4,721,300
349	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	Lần	3,136,900
350	Phẫu thuật viêm xương cẳng chân: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Lần	3,226,900
351	Phẫu thuật viêm xương cẳng tay đục, mổ, nạo, dẫn lưu	Lần	3,226,900
352	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Lần	3,035,700
353	Phẫu thuật viêm xương cánh tay: đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Lần	3,226,900
354	Phẫu thuật viêm xương đùi đục, mổ, nạo, lấy xương chết, dẫn lưu	Lần	3,226,900
355	Phẫu thuật viêm xương khớp háng	Lần	3,226,900
356	Phẫu thuật viêm xương sọ	Lần	6,095,200
357	Phẫu thuật vỡ tim do chấn thương ngực kín	Lần	14,778,300
358	Phẫu thuật vỡ trần ổ khớp háng	Lần	4,102,500
359	Phẫu thuật xơ cứng cơ thẳng trước	Lần	3,923,600
360	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Lần	2,490,900
361	Rạch góc tiền phòng	Lần	1,244,100
362	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mủ, hóa chất...)	Lần	830,200
363	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	Lần	5,206,200
364	Rút chỉ thép xương ức	Lần	1,857,900
365	Rút đinh các loại	Lần	1,857,900
366	Rút nẹp vít và các dụng cụ khác sau phẫu thuật	Lần	1,857,900
367	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rìa hoặc màng ối	Lần	2,561,900
368	Tách màng ngăn âm hộ	Lần	2,932,800
369	Tái tạo cùng đồ	Lần	1,244,100
370	Tái tạo dây chằng khớp gối qua nội soi	Lần	4,594,500
371	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	Lần	1,644,100
372	Tán sỏi niệu quản đoạn giữa và dưới qua nội soi niệu quản ngược dòng bằng ống cứng và máy tán hơi	Lần	1,345,000
373	Tán sỏi niệu quản qua nội soi	Lần	1,345,000
374	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Lần	2,949,800
375	Tạo hình âm đạo	Lần	4,230,100
376	Tạo hình bằng các vật tại chỗ đơn giản	Lần	3,720,600
377	Tạo hình bằng các vật tự do đa dạng đơn giản	Lần	3,720,600
378	Tạo hình các vật da che phủ, vật trượt	Lần	3,720,600
379	Tạo hình dây chằng chéo khớp gối	Lần	3,447,900
380	Tạo hình đường lệ ± điểm lệ	Lần	1,644,100
381	Tạo hình hốc mắt trong tật không nhãn cầu để lắp mắt giả	Lần	1,244,100
382	Tạo hình phần nối bề thận - niệu quản	Lần	6,374,200
383	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc	Lần	1,244,100
384	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Lần	2,892,800

385	Tháo bỏ các ngón chân	Lần	3,226,900
386	Tháo bỏ các ngón tay, đốt ngón tay	Lần	3,226,900
387	Tháo đốt bàn	Lần	3,226,900
388	Tháo khớp cổ chân	Lần	3,994,900
389	Tháo khớp cổ tay	Lần	3,994,900
390	Tháo khớp cổ tay do ung thư	Lần	3,994,900
391	Tháo khớp gối	Lần	3,994,900
392	Tháo khớp gối do ung thư	Lần	3,994,900
393	Tháo khớp háng	Lần	3,994,900
394	Tháo khớp háng do ung thư chi dưới	Lần	3,994,900
395	Phẫu thuật cắt khối u vú ác tính + vét hạch nách	Lần	5,507,100
396	Tháo khớp khuỷu	Lần	3,994,900
397	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	Lần	3,994,900
398	Tháo khớp kiểu Pirogoff	Lần	3,994,900
399	Tháo khớp vai	Lần	3,994,900
400	Tháo khớp vai do ung thư chi trên	Lần	7,770,200
401	Tháo một nửa bàn chân trước	Lần	3,994,900
402	Thắt trĩ có kèm bóc tách, cắt một bó trĩ	Lần	2,816,900
403	Vá da dày toàn bộ, diện tích bằng và trên 10 cm ²	Lần	4,699,100
404	Vá da dày toàn bộ, diện tích dưới 10 cm ²	Lần	3,044,900
405	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ ± tách dính mi cầu	Lần	1,244,100
406	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại từ cung sau mổ lấy thai	Lần	4,849,400
407	Vá nhĩ đơn thuần	Lần	4,058,900
408	Vết hạch cổ bảo tồn	Lần	4,287,100
409	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Lần	1,043,500
410	Xử trí vết thương tầng sinh môn phức tạp	Lần	4,142,300
411	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng bẹn	Lần	4,287,100
412	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng cổ	Lần	4,287,100
413	Phẫu thuật bóc tách, cắt bỏ hạch lao to vùng nách	Lần	4,287,100
414	Phẫu thuật chỉnh hình cắt bỏ sẹo xấu do lao hạch cổ	Lần	3,683,600
415	Phẫu thuật chỉnh hình khớp gối do lao	Lần	3,011,900
416	Phẫu thuật chỉnh hình lao cột sống cổ có ghép xương và nẹp vít phía trước	Lần	5,592,600
417	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Lần	3,135,800
418	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh hố chậu do lao	Lần	3,142,500
419	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống cổ	Lần	4,969,100
420	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống lưng-thắt lưng	Lần	4,969,100
421	Phẫu thuật giải ép tủy trong lao cột sống ngực	Lần	4,969,100
422	Phẫu thuật lấy hạch mạc treo trong ổ bụng do lao	Lần	4,287,100
423	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng bẹn	Lần	3,226,900
424	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng cổ	Lần	3,226,900
425	Phẫu thuật nạo dò hạch lao vùng nách	Lần	3,226,900
426	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn chân	Lần	3,011,900
427	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cổ-bàn tay	Lần	3,011,900
428	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	Lần	4,110,800
429	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp cùng chậu	Lần	3,011,900

430	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp gối	Lần	3,011,900
431	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp háng	Lần	3,011,900
432	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp khuỷu	Lần	3,011,900
433	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp ức sườn, khớp ức đòn	Lần	3,011,900
434	Phẫu thuật nạo viêm lao khớp vai	Lần	3,011,900
435	Phẫu thuật nạo viêm lao thành ngực	Lần	3,226,900
436	Phẫu thuật nạo viêm lao xương bàn-ngón chân	Lần	3,226,900
437	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng chân	Lần	3,226,900
438	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cẳng tay	Lần	3,226,900
439	Phẫu thuật quặm	Lần	1,188,600
440	Phẫu thuật cắt polyp cổ tử cung	Lần	2,104,900
441	Phẫu thuật nạo viêm lao xương cánh tay	Lần	3,226,900
442	Phẫu thuật nạo viêm lao xương chậu	Lần	3,226,900
443	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đốt bàn - ngón tay	Lần	3,226,900
444	Phẫu thuật nạo viêm lao xương đùi	Lần	3,226,900
445	Phẫu thuật nạo viêm lao xương sườn	Lần	3,011,900
446	Phẫu thuật thay khớp gối do lao	Lần	5,474,500
447	Phẫu thuật thay khớp háng do lao	Lần	4,102,500
448	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	Lần	3,001,800
449	Phẫu thuật điều trị u dưới móng	Lần	893,600
450	Cắt 1 thủy tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	Lần	4,561,600
451	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Lần	4,168,300
452	Cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông trong bướu giáp thông	Lần	4,561,600
453	Cắt 1 thủy tuyến giáp lấy bướu thông và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp thông	Lần	4,561,600
454	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp không lồ	Lần	4,561,600
455	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	3,620,900
456	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	Lần	4,743,900
457	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc	Lần	3,620,900
458	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân độc bằng dao siêu âm	Lần	4,743,900
459	Cắt 1 thủy tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	3,620,900
460	Cắt 1 thủy tuyến giáp và cắt bán phần thủy còn lại trong bướu giáp không lồ	Lần	4,561,600
461	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	Lần	4,561,600
462	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo có sự hỗ trợ của nội soi	Lần	6,375,900
463	Cắt 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
464	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân	Lần	2,955,600
465	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	Lần	4,465,600
466	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân	Lần	3,620,900
467	Cắt bán phần 1 thủy tuyến giáp và lấy nhân thủy còn lại trong bướu giáp nhân bằng dao siêu âm	Lần	4,743,900
468	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,561,600
469	Cắt bán phần 2 thủy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân	Lần	4,561,600

470	Cắt bán phần 2 thùy tuyến giáp trong bướu giáp đơn thuần không có nhân bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
471	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,561,600
472	Cắt bỏ tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
473	Phẫu thuật cắt tử cung tình trạng người bệnh nặng, viêm phúc mạc nặng, kèm vỡ tạng trong tiểu khung, vỡ tử cung phức tạp	Lần	10,506,300
474	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong basedow	Lần	4,561,600
475	Cắt gần toàn bộ tuyến giáp trong basedow bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
476	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp	Lần	6,026,400
477	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 1 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm	Lần	8,302,400
478	Cắt toàn bộ tuyến giáp kèm nạo vét hạch 2 bên trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm	Lần	8,302,400
479	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong basedow	Lần	4,561,600
480	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong basedow bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
481	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân	Lần	4,561,600
482	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
483	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc	Lần	4,561,600
484	Phẫu thuật cắt tử cung và thắt động mạch hạ vị do chảy máu thứ phát sau phẫu thuật sản khoa	Lần	8,104,200
485	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp đa nhân độc bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
486	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ	Lần	6,026,400
487	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp khổng lồ bằng dao siêu âm	Lần	8,302,400
488	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông	Lần	6,026,400
489	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong bướu giáp thông bằng dao siêu âm	Lần	8,302,400
490	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp	Lần	4,561,600
491	Cắt toàn bộ tuyến giáp trong ung thư tuyến giáp bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
492	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp	Lần	4,561,600
493	Cắt tuyến cận giáp trong cường tuyến cận giáp nguyên phát do quá sản tuyến hoặc u tuyến hoặc ung thư tuyến cận giáp bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
494	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức	Lần	4,561,600
495	Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Lần	6,836,200
496	Cắt tuyến ức trong quá sản hoặc u tuyến ức bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
497	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên	Lần	4,561,600
498	Cắt u tuyến thượng thận 1 bên bằng dao siêu âm	Lần	6,955,600
499	Dẫn lưu áp xe tuyến giáp	Lần	264,700
500	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật	Lần	4,287,100
501	Nạo vét hạch cổ trong ung thư tuyến giáp đã phẫu thuật bằng dao siêu âm	Lần	4,287,100
502	Phẫu thuật cầm máu lại sau mổ tuyến giáp	Lần	3,620,900
503	Bóc phúc mạc bên phải	Lần	5,141,100
504	Bóc phúc mạc bên trái	Lần	5,141,100
505	Bóc phúc mạc douglas	Lần	5,141,100
506	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	Lần	2,932,800

507	Bóc phúc mạc kèm cắt các tạng khác	Lần	5,141,100
508	Bóc phúc mạc phủ tạng	Lần	5,141,100
509	Bóc u tiền liệt tuyến qua đường bàng quang	Lần	5,530,400
510	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường bụng	Lần	5,141,100
511	Bóc u xơ, cơ... trực tràng đường tầng sinh môn	Lần	2,816,900
512	Bơm ciment qua đường ngoài cuống vào thân đốt sống	Lần	5,996,400
513	Buộc vòng cố định C1-C2 lối sau	Lần	5,592,600
514	Các phẫu thuật cắt tụy khác	Lần	4,955,100
515	Các phẫu thuật đường mật khác	Lần	5,170,100
516	Các phẫu thuật ruột thừa khác	Lần	2,815,900
517	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Lần	4,142,300
518	Cầm máu nhu mô gan	Lần	5,861,600
519	Cầm niệu quản bàng quang	Lần	3,433,300
520	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	Lần	4,621,100
521	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	Lần	5,887,300
522	Cắt bỏ bao da qui đầu do dính hoặc dài	Lần	1,509,500
523	Cắt bỏ nang tụy	Lần	4,955,100
524	Cắt bỏ tinh hoàn	Lần	2,490,900
525	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,490,900
526	Cắt bỏ u mạc nối lớn	Lần	5,141,100
527	Cắt chỏm nang gan	Lần	3,433,300
528	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung không có choáng	Lần	3,217,800
529	Cắt cổ bàng quang	Lần	5,887,300
530	Cắt cột trực tràng đường bụng, tầng sinh môn	Lần	7,639,200
531	Cắt dạ dày hình chêm	Lần	3,993,400
532	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái nối ngay	Lần	4,941,100
533	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	Lần	4,941,100
534	Cắt đại tràng phải hoặc đại tràng trái, đưa 2 đầu ruột ra ngoài	Lần	4,941,100
535	Cắt dây chằng, gỡ dính ruột	Lần	2,705,700
536	Cắt đoạn dạ dày	Lần	5,495,300
537	Cắt đoạn đại tràng nối ngay	Lần	4,941,100
538	Phẫu thuật quặm	Lần	1,833,000
539	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	Lần	4,197,200
540	Cắt đoạn đại tràng, đóng đầu dưới, đưa đầu trên ra ngoài ổ bụng kiểu Hartmann	Lần	4,941,100
541	Cắt đoạn đại tràng, đưa 2 đầu đại tràng ra ngoài	Lần	4,941,100
542	Cắt đoạn ruột non, đưa hai đầu ruột ra ngoài	Lần	5,100,100
543	Cắt đoạn ruột non, lập lại lưu thông	Lần	5,100,100
544	Cắt đoạn ruột non, nối tận bên, đưa 1 đầu ra ngoài (Quénue)	Lần	5,100,100
545	Cắt đoạn trực tràng nối ngay	Lần	4,941,100
546	Cắt đoạn trực tràng, cơ thắt trong bảo tồn cơ thắt ngoài đường tầng sinh môn	Lần	4,941,100
547	Cắt đoạn trực tràng, đóng đầu dưới đưa đầu trên ra ngoài kiểu Hartmann	Lần	4,941,100
548	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại tràng - ống hậu môn	Lần	4,941,100

549	Cắt đoạn trực tràng, miệng nối đại trực tràng thấp	Lần	4,941,100
550	Phẫu thuật chữa ngoài tử cung vỡ có choáng	Lần	4,157,300
551	Cắt đuôi tụy bảo tồn lách	Lần	4,955,100
552	Cắt đường mật ngoài gan	Lần	4,870,100
553	Cắt dương vật không vét hạch, cắt một nửa dương vật	Lần	2,396,200
554	Cắt eo thận móng ngựa	Lần	4,703,100
555	Cắt gan hình chêm, nối gan ruột	Lần	9,075,300
556	Cắt gan lớn	Lần	9,075,300
557	Cắt gan nhỏ	Lần	9,075,300
558	Cắt gan phải	Lần	9,075,300
559	Cắt gan phải mở rộng	Lần	9,075,300
560	Cắt gan phân thùy sau	Lần	9,075,300
561	Phẫu thuật Crossen	Lần	4,444,300
562	Cắt gan phân thùy trước	Lần	9,075,300
563	Cắt gan trái	Lần	9,075,300
564	Cắt gan trái mở rộng	Lần	9,075,300
565	Cắt hạ phân thùy 2	Lần	9,075,300
566	Cắt hạ phân thùy 3	Lần	9,075,300
567	Cắt hạ phân thùy 4	Lần	9,075,300
568	Cắt hạ phân thùy 5	Lần	9,075,300
569	Cắt hạ phân thùy 6	Lần	9,075,300
570	Cắt hạ phân thùy 7	Lần	9,075,300
571	Phẫu thuật khối viêm dính tiêu khung	Lần	3,594,800
572	Cắt hạ phân thùy 8	Lần	9,075,300
573	Cắt hẹp bao quy đầu	Lần	1,509,500
574	Cắt khối tá tụy	Lần	11,801,200
575	Cắt khối tá tụy bảo tồn môn vị	Lần	11,801,200
576	Cắt lách bán phần	Lần	4,943,100
577	Cắt lách bệnh lý	Lần	4,943,100
578	Cắt lách do chấn thương	Lần	4,943,100
579	Cắt lại dạ dày	Lần	8,208,300
580	Cắt lọc nhu mô gan	Lần	9,075,300
581	Cắt mạc nối lớn	Lần	5,141,100
582	Phẫu thuật Labhart	Lần	3,055,800
583	Cắt màng ngăn tá tràng	Lần	2,705,700
584	Cắt manh tràng và đoạn cuối hồi tràng	Lần	4,941,100
585	Cắt một nửa thận (cắt thận bán phần)	Lần	4,703,100
586	Cắt một phần bản sống trong hẹp ống sống cổ	Lần	4,969,100
587	Cắt một phần tụy	Lần	4,955,100
588	Cắt ngã ba đường mật hoặc ống gan phải ống gan trái	Lần	4,870,100
589	Cắt nhiều đoạn ruột non	Lần	5,100,100
590	Cắt nhiều hạ phân thùy	Lần	9,075,300
591	Cắt nối niệu đạo sau	Lần	4,621,100
592	Cắt nối niệu đạo trước	Lần	4,621,100
593	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Lần	3,116,800
594	Cắt nối niệu quản	Lần	3,279,000

595	Cắt ruột non hình chêm	Lần	3,993,400
596	Cắt ruột thừa đơn thuần	Lần	2,815,900
597	Cắt ruột thừa, dẫn lưu ổ áp xe	Lần	2,815,900
598	Cắt ruột thừa, lau rửa ổ bụng	Lần	2,815,900
599	Cắt thận đơn thuần	Lần	4,703,100
600	Cắt thân đuôi tụy kèm cắt lách	Lần	4,955,100
601	Cắt thân kinh X chọn lọc	Lần	2,705,700
602	Cắt thân kinh X siêu chọn lọc	Lần	2,705,700
603	Cắt thân kinh X toàn bộ	Lần	2,705,700
604	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B-lynch...)	Lần	4,570,200
605	Cắt thận rộng rãi + nạo vét hạch	Lần	4,703,100
606	Cắt thận thận phụ (thận dư số) với niệu quản lạc chỗ	Lần	4,703,100
607	Cắt thùy gan trái	Lần	9,075,300
608	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình bàng quang kiểu Studder, Camey	Lần	5,887,300
609	Cắt toàn bộ bàng quang, cắm niệu quản vào ruột	Lần	5,887,300
610	Cắt toàn bộ dạ dày	Lần	8,208,300
611	Cắt toàn bộ đại tràng, nối ngay ruột non - trực tràng	Lần	4,941,100
612	Cắt toàn bộ đại trực tràng, đưa hồi tràng ra làm hậu môn nhân tạo	Lần	4,941,100
613	Cắt toàn bộ đại trực tràng, nối ngay ruột non - ống hậu môn	Lần	4,941,100
614	Cắt toàn bộ mạc treo trực tràng	Lần	2,705,700
615	Phẫu thuật lấy thai do bệnh lý sản khoa (rau tiền đạo, rau bong non, tiền sản giật, sản giật...)	Lần	4,739,300
616	Cắt toàn bộ ruột non	Lần	5,100,100
617	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Lần	4,703,100
618	Cắt toàn bộ tụy	Lần	11,801,200
619	Cắt túi mật	Lần	4,993,100
620	Cắt túi thừa đại tràng	Lần	3,993,400
621	Cắt túi thừa tá tràng	Lần	2,815,900
622	Cắt tụy trung tâm	Lần	4,955,100
623	Cắt u lành tính ống hậu môn (u cơ, polyp...)	Lần	1,509,500
624	Cắt u ống niệu rốn và một phần bàng quang	Lần	6,140,200
625	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	2,604,800
626	Cắt u tá tràng	Lần	2,815,900
627	Cắt u tuyến thượng thận (mồ mả)	Lần	6,823,200
628	Cắt u, polyp trực tràng đường hậu môn	Lần	2,816,900
629	Chèn gạc nhu mô gan cầm máu	Lần	5,861,600
630	Chỉnh sửa lệch trục chi (chân chữ X, O)	Lần	4,102,500
631	Chuyển gân điều trị liệt đám rối thần kinh cánh tay	Lần	3,302,900
632	Chuyển gân điều trị liệt thần kinh mác chung	Lần	3,302,900
633	Chuyển vật cân cơ cánh tay trước	Lần	3,720,600
634	Chuyển vật da cân - cơ cuống mạch liên	Lần	3,720,600
635	Cố định cột sống bằng buộc luồn chỉ thép dưới cung sau đốt sống (phương pháp Luqué)	Lần	3,433,300
636	Phẫu thuật lấy thai lần hai trở lên	Lần	3,376,200
637	Cố định cột sống ngực bằng hệ thống móc	Lần	5,798,100

638	Cố định cột sống và cánh chậu	Lần	5,798,100
639	Cố định cột sống và hàn khớp liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau qua lỗ liên hợp (TLIF)	Lần	5,798,100
640	Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đốt cột sống thắt lưng - cùng đường sau (PLIF)	Lần	5,798,100
641	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hờ chi dưới	Lần	3,411,300
642	Cố định ngoại vi trong điều trị gãy hờ chi trên	Lần	3,411,300
643	Cụt chân thương cổ và bàn chân	Lần	3,226,900
644	Dẫn lưu áp xe gan	Lần	3,142,500
645	Dẫn lưu áp xe khoang Retzius	Lần	1,920,900
646	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Lần	3,142,500
647	Phẫu thuật quặm	Lần	1,387,000
648	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1, tiêu chảy cấp...)	Lần	6,517,600
649	Dẫn lưu áp xe thực quản, trung thất	Lần	3,142,500
650	Dẫn lưu áp xe tồn dư sau mổ gan	Lần	3,142,500
651	Dẫn lưu bàng quang đơn thuần	Lần	1,509,500
652	Dẫn lưu bể thận tối thiểu	Lần	1,920,900
653	Dẫn lưu hoặc mở thông manh tràng	Lần	2,683,900
654	Dẫn lưu nang tụy	Lần	2,917,900
655	Dẫn lưu nước tiểu bàng quang	Lần	1,920,900
656	Dẫn lưu viêm tấy khung chậu do rò nước tiểu	Lần	1,920,900
657	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Lần	1,920,900
658	Đặt nẹp cố định cột sống phía trước và ghép xương (nẹp Kaneda, chữ Z)	Lần	5,798,100
659	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	Lần	4,395,200
660	Đẩy bã thức ăn xuống đại tràng	Lần	3,993,400
661	Điều trị hẹp hậu môn bằng cắt vòng xơ, tạo hình hậu môn	Lần	2,816,900
662	Đóng mở thông ruột non	Lần	3,993,400
663	Đóng rò trực tràng - âm đạo	Lần	3,993,400
664	Đóng rò trực tràng - bàng quang	Lần	3,993,400
665	Đưa một đầu niệu đạo ra ngoài da	Lần	1,920,900
666	Đưa niệu quản ra da đơn thuần ± thắt ĐM chậu trong	Lần	2,917,900
667	Đưa thực quản ra ngoài	Lần	2,683,900
668	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân (tim, thận, gan, huyết học, nội tiết...)	Lần	4,739,300
669	Gãy thân xương cánh tay phẫu thuật phương pháp METAIZEUM	Lần	4,102,500
670	Ghép xương trong phẫu thuật chấn thương cột sống thắt lưng	Lần	5,105,100
671	Giải phóng chèn ép chấn thương cột sống thắt lưng	Lần	4,969,100
672	Gỡ dính sau mổ lại	Lần	2,705,700
673	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,490,900
674	Kết hợp xương nẹp vít cột sống cổ lối sau	Lần	5,592,600
675	Khâu cầm máu ổ loét dạ dày	Lần	3,993,400
676	Khâu lỗ thủng dạ dày tá tràng	Lần	3,993,400
677	Khâu lỗ thủng đại tràng	Lần	3,993,400
678	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cài răng lược	Lần	8,625,200

679	Khâu lỗ thủng hoặc khâu vết thương ruột non	Lần	3,993,400
680	Khâu lỗ thủng hoặc vết thương thực quản	Lần	3,993,400
681	Khâu lỗ thủng, vết thương trực tràng	Lần	3,993,400
682	Khâu phục hồi tổn thương gân duỗi	Lần	3,302,900
683	Khâu tổn thương gân gấp bàn tay ở vùng II	Lần	3,302,900
684	Khâu tổn thương gân gấp vùng I, III, IV, V	Lần	3,302,900
685	Khâu vết thương động mạch mạc treo tràng trên	Lần	3,993,400
686	Khâu vết thương lách	Lần	3,433,300
687	Khâu vết thương thành bụng	Lần	2,396,200
688	Khâu vết thương tĩnh mạch mạc treo tràng trên	Lần	3,993,400
689	Phẫu thuật Lefort	Lần	3,055,800
690	Khâu vết thương tụy và dẫn lưu	Lần	4,955,100
691	Khâu vùi túi thừa tá tràng	Lần	2,815,900
692	kết hợp xương qua da bằng K.Wire gãy đầu dưới xương quay	Lần	5,474,500
693	Làm hậu môn nhân tạo	Lần	2,683,900
694	Làm hậu môn nhân tạo	Lần	2,683,900
695	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và đặt lồng titanium	Lần	5,798,100
696	Lấy bỏ thân đốt sống ngực và ghép xương	Lần	6,245,700
697	Lấy bỏ u gan	Lần	9,075,300
698	Lấy dị vật thực quản đường bụng	Lần	3,993,400
699	Lấy dị vật thực quản đường cổ	Lần	3,993,400
700	Phẫu thuật Manchester	Lần	4,113,300
701	Lấy dị vật thực quản đường ngực	Lần	3,993,400
702	Lấy dị vật trực tràng	Lần	3,993,400
703	Lấy đĩa đệm đốt sống, cố định cột sống và ghép xương liên thân đốt đường trước (xương tự thân có hoặc không có lồng titanium) (ALIF)	Lần	5,798,100
704	Lấy hạch cuống gan	Lần	4,287,100
705	Lấy mạc nối lớn và mạc nối nhỏ	Lần	5,141,100
706	Lấy máu tụ bao gan	Lần	5,861,600
707	Lấy nhân ở tụy (di căn tụy, u tụy)	Lần	4,955,100
708	Lấy sỏi bàng quang	Lần	4,569,100
709	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	Lần	3,433,300
710	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lần	4,569,100
711	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Lần	3,628,800
712	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lần	4,569,100
713	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lần	4,569,100
714	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lần	4,569,100
715	Lấy sỏi niệu quản đơn thuần	Lần	4,569,100
716	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lần	4,569,100
717	Lấy sỏi san hô thận	Lần	4,569,100
718	Lấy tổ chức tụy hoại tử, dẫn lưu	Lần	2,917,900
719	Lấy tổ chức ung thư tái phát khu trú tại tụy	Lần	4,955,100
720	Lấy u phúc mạc	Lần	5,141,100
721	Lấy u sau phúc mạc	Lần	6,419,200
722	Phẫu thuật mở bụng cắt góc tử cung	Lần	3,939,300
723	Lấy u xương (ghép xi măng)	Lần	4,085,900

724	Mở bụng thăm dò	Lần	2,683,900
725	Mở bụng thăm dò, lau rửa ổ bụng, đặt dẫn lưu	Lần	2,683,900
726	Mở bụng thăm dò, sinh thiết	Lần	2,683,900
727	Mở cung sau và cắt bỏ môm khớp dưới	Lần	4,969,100
728	Mở dạ dày xử lý tổn thương	Lần	3,993,400
729	Mở đường mật, đặt dẫn lưu đường mật	Lần	2,917,900
730	Mở miệng nối mật ruột lấy sỏi dẫn lưu Kehr hoặc làm lại miệng nối mật ruột	Lần	7,651,700
731	Mở ngực thăm dò	Lần	3,595,500
732	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Lần	3,595,500
733	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung bán phần	Lần	4,308,300
734	Mở ngực thăm dò, sinh thiết	Lần	3,595,500
735	Mở nhu mô gan lấy sỏi	Lần	5,712,200
736	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, dẫn lưu đường mật	Lần	4,970,100
737	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, không dẫn lưu đường mật	Lần	4,970,100
738	Mở ống mật chủ lấy sỏi đường mật, nội soi tán sỏi đường mật	Lần	4,970,100
739	Mở rộng lỗ liên hợp để giải phóng chèn ép rễ	Lần	4,969,100
740	Mở rộng lỗ sáo	Lần	1,509,500
741	Mở ruột non lấy dị vật (bã thức ăn, giun, mảnh kim loại,...)	Lần	3,993,400
742	Mổ sa bàng quang qua ngõ âm đạo (tạo hình thành trước âm đạo)	Lần	2,396,200
743	Mở thông dạ dày	Lần	2,683,900
744	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn	Lần	4,308,300
745	Mở thông hồng tràng hoặc mở thông hồi tràng	Lần	2,683,900
746	Mở thông túi mật	Lần	2,396,200
747	Nạo vét hạch D1	Lần	4,287,100
748	Nạo vét hạch D2	Lần	4,287,100
749	Nạo vét hạch D3	Lần	4,287,100
750	Nạo vét hạch D4	Lần	4,287,100
751	Nối diện cắt đầu tụy và thân tụy với ruột non trên quai Y	Lần	4,955,100
752	Nối diện cắt thân tụy với dạ dày	Lần	4,870,100
753	Nối mật ruột bên - bên	Lần	4,870,100
754	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu dái tai	Lần	1,385,400
755	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn cả khối	Lần	4,308,300
756	Nối mật ruột tận - bên	Lần	4,870,100
757	Nối nang tụy với dạ dày	Lần	2,917,900
758	Nối nang tụy với hồng tràng	Lần	2,917,900
759	Nối nang tụy với tá tràng	Lần	2,917,900
760	Nối ngã ba đường mật hoặc ống gan phải hoặc ống gan trái với hồng tràng	Lần	4,870,100
761	Nối niệu quản - đài thận	Lần	3,279,000
762	Nối tắt ruột non - đại tràng hoặc trực tràng	Lần	4,764,100
763	Nối tắt ruột non - ruột non	Lần	4,764,100
764	Nối tụy ruột	Lần	4,870,100
765	Nối vị tràng	Lần	2,917,900
766	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	Lần	6,849,100

767	Nối Wirsung ruột non + nối ống mật chủ - ruột non + nối dạ dày - ruột non trên ba quai ruột biệt lập	Lần	6,557,900
768	Phẫu thuật áp xe dưới màng túi	Lần	4,969,100
769	Phẫu thuật áp xe não bằng đường qua mê nhĩ	Lần	7,667,700
770	Phẫu thuật áp xe não bằng đường qua xương đá	Lần	7,667,700
771	Phẫu thuật áp xe ngoài màng túi	Lần	4,474,500
772	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da	Lần	5,798,100
773	Phẫu thuật bắt vít qua cuống cột sống thắt lưng qua da + ghép xương liên thân đốt qua lỗ liên hợp sử dụng hệ thống ống nong	Lần	5,592,600
774	Phẫu thuật bệnh lý nhiễm trùng bàn tay	Lần	3,226,900
775	Phẫu thuật bóc màng phổi điều trị ô cận, dây dính màng phổi	Lần	7,392,200
776	Phẫu thuật cấp cứu vỡ bàng quang	Lần	4,621,100
777	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	3,217,800
778	Phẫu thuật cắt - khâu kén khí phổi	Lần	7,392,200
779	Phẫu thuật cắt 1 búi trĩ	Lần	2,816,900
780	Phẫu thuật cắt cụt cẳng tay, cánh tay	Lần	3,994,900
781	Phẫu thuật cắt cụt chi	Lần	3,994,900
782	Phẫu thuật cắt hoặc tạo hình cung sau trong điều trị hẹp ống sống	Lần	4,969,100
783	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn đơn giản	Lần	2,501,900
784	Phẫu thuật cắt lọc, xử lý vết thương tầng sinh môn phức tạp	Lần	5,204,600
785	Phẫu thuật cắt một bên phổi bệnh lý	Lần	9,583,300
786	Phẫu thuật cắt một phân thùy phổi, cắt phổi không điển hình do bệnh lý	Lần	7,392,200
787	Phẫu thuật cắt 1 thùy phổi bệnh lý	Lần	9,583,300
788	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	Lần	5,182,300
789	Phẫu thuật cắt thân đốt sống, ghép xương và cố định cột sống cổ (ACCF)	Lần	6,245,700
790	Phẫu thuật cắt toàn bộ tuyến tiền liệt trong điều trị ung thư tuyến tiền liệt	Lần	5,712,200
791	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển (phương pháp Milligan - Morgan hoặc Ferguson)	Lần	2,816,900
792	Phẫu thuật cắt trĩ kinh điển có sử dụng dụng cụ hỗ trợ	Lần	2,816,900
793	Phẫu thuật cắt túi thừa bàng quang	Lần	6,140,200
794	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	Lần	3,512,900
795	Phẫu thuật cắt u cơ hoành	Lần	3,433,300
796	Phẫu thuật cắt u máu lớn (đường kính ≥ 10 cm)	Lần	3,311,900
797	Phẫu thuật cắt u máu nhỏ (đường kính < 10 cm)	Lần	3,311,900
798	Phẫu thuật cắt u nhú ống hậu môn (condylome)	Lần	1,509,500
799	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Lần	3,054,800
800	Phẫu thuật cắt u thành bụng	Lần	2,396,200
801	Phẫu thuật cắt u thành ngực	Lần	2,396,200
802	Phẫu thuật cắt xương sườn do u xương sườn	Lần	7,392,200
803	Phẫu thuật cắt xương sườn do viêm xương	Lần	7,392,200
804	Phẫu thuật chỉnh, dẫn lưu áp xe cạnh hậu môn đơn giản	Lần	2,816,900
805	Phẫu thuật chỉnh bàn chân khèo	Lần	3,411,300
806	Phẫu thuật chỉnh hình cổ bàn chân sau bại liệt	Lần	3,320,600
807	Phẫu thuật chỉnh sửa sau gãy xương Cal lệch xương	Lần	4,102,500
808	Phẫu thuật chỉnh trục Cal lệch đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500

809	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, bán cầu đại não	Lần	7,667,700
810	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	4,721,300
811	Phẫu thuật chọc hút áp xe não, tiểu não	Lần	7,667,700
812	Phẫu thuật chuyên da, cơ che phủ	Lần	3,720,600
813	Phẫu thuật chuyển gân chi (Chuyển gân chày sau, chày trước, cơ mác bên dài)	Lần	3,320,600
814	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh giữa	Lần	3,320,600
815	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh quay	Lần	3,320,600
816	Phẫu thuật chuyển gân điều trị liệt thần kinh trụ	Lần	3,320,600
817	Phẫu thuật chuyển giường thần kinh trụ	Lần	2,698,800
818	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch liền	Lần	3,720,600
819	Phẫu thuật chuyển vật che phủ phần mềm cuống mạch rời	Lần	5,663,200
820	Phẫu thuật cố định chằm cổ, ghép xương với mất vững cột sống cổ cao do các nguyên nhân (gãy chân cung, gãy mõm nha, vỡ C1 ...)	Lần	5,592,600
821	Phẫu thuật nội soi bóc u lạc nội mạc buồng trứng	Lần	5,503,300
822	Phẫu thuật cố định cột sống bằng vít qua cuống	Lần	5,798,100
823	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng cố định lõi bên	Lần	5,798,100
824	Phẫu thuật cố định cột sống ngực bằng nẹp vít qua cuống lõi sau	Lần	5,798,100
825	Phẫu thuật cố định cột sống sử dụng hệ thống định vị (Navigation)	Lần	5,798,100
826	Phẫu thuật cố định cột sống thắt lưng sử dụng hệ thống nẹp bán động	Lần	5,798,100
827	Phẫu thuật cứng gối theo phương pháp JUDET	Lần	3,011,900
828	Phẫu thuật dẫn lưu máu tụ trong não thất	Lần	5,669,600
829	Phẫu thuật dẫn lưu não thất ra ngoài trong chấn thương sọ não (CTSN)	Lần	4,474,500
830	Phẫu thuật dẫn lưu tối thiểu khoang màng phổi	Lần	1,925,900
831	Phẫu thuật nội soi bóc u xơ tử cung	Lần	6,548,300
832	Phẫu thuật đánh xẹp ngực điều trị ổ cận màng phổi	Lần	7,392,200
833	Phẫu thuật dập nát phần mềm các cơ quan vận động	Lần	5,204,600
834	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố xương cánh tay	Lần	4,324,900
835	Phẫu thuật đặt lại khớp, găm kim cố định (buộc vòng chỉ thép)	Lần	4,324,900
836	Phẫu thuật đặt vòng nâng cổ bàng quang (Sling) trong tiểu không kiểm soát khi gắng sức	Lần	2,396,200
837	Phẫu thuật điều trị bệnh DE QUER VAIN và ngón tay cò súng	Lần	3,923,600
838	Phẫu thuật điều trị áp xe hậu môn phức tạp	Lần	2,816,900
839	Phẫu thuật điều trị áp xe tồn dư, dẫn lưu ổ bụng	Lần	3,142,500
840	Phẫu thuật điều trị bệnh lý mũ màng phổi	Lần	7,392,200
841	Phẫu thuật điều trị bệnh Rectocelle	Lần	2,683,900
842	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ tử cung dưới niêm mạc	Lần	5,990,300
843	Phẫu thuật điều trị chấn thương - vết thương mạch máu ngoại vi ở trẻ em	Lần	5,712,200
844	Phẫu thuật điều trị đại tiện mất tự chủ	Lần	2,119,400
845	Phẫu thuật điều trị đứt cơ thắt hậu môn	Lần	2,119,400
846	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles	Lần	3,302,900
847	Phẫu thuật điều trị đứt gân Achilles tới muôn	Lần	3,302,900
848	Phẫu thuật điều trị đứt gân cơ nhị đầu đùi	Lần	3,302,900
849	Phẫu thuật điều trị gân bánh chè	Lần	3,302,900

850	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh quay	Lần	2,698,800
851	Phẫu thuật điều trị hội chứng chèn ép thần kinh trụ	Lần	2,698,800
852	Phẫu thuật điều trị hội chứng ống cổ tay	Lần	2,698,800
853	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt polyp buồng tử cung	Lần	5,990,300
854	Phẫu thuật điều trị liệt thần kinh giữa và thần kinh trụ	Lần	3,320,600
855	Phẫu thuật điều trị lõi xương ức (ức gà)	Lần	3,433,300
856	Phẫu thuật điều trị mảng sườn di động	Lần	7,392,200
857	Phẫu thuật điều trị máu đông màng phổi	Lần	7,392,200
858	Phẫu thuật điều trị nhão cơ hoành	Lần	3,433,300
859	Phẫu thuật điều trị nhiễm trùng vết mổ ngực	Lần	2,396,200
860	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn cắt cơ thắt trên chỉ chờ	Lần	2,816,900
861	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn đơn giản	Lần	2,816,900
862	Phẫu thuật điều trị rò hậu môn phức tạp	Lần	2,816,900
863	Phẫu thuật điều trị rò trực tràng - niệu quản	Lần	3,993,400
864	Phẫu thuật cắt bỏ u nang vành tai, u bã đậu da tai	Lần	874,800
865	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt vách ngăn tử cung	Lần	5,990,300
866	Phẫu thuật điều trị sa trực tràng đường bụng	Lần	2,705,700
867	Phẫu thuật điều trị sẹo hẹp khí quản cổ - ngực cao	Lần	12,568,600
868	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn	Lần	3,512,900
869	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Bassini	Lần	3,512,900
870	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp kết hợp Bassini và Shouldice	Lần	3,512,900
871	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Shouldice	Lần	3,512,900
872	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn tái phát	Lần	3,512,900
873	Phẫu thuật điều trị thoát vị cơ hoành	Lần	3,433,300
874	Phẫu thuật điều trị thoát vị đùi	Lần	3,512,900
875	Phẫu thuật điều trị thoát vị hoành bẩm sinh (Bochdalek)	Lần	3,433,300
876	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung lấy dị vật buồng tử cung	Lần	5,990,300
877	Phẫu thuật điều trị thoát vị khe hoành	Lần	3,433,300
878	Phẫu thuật điều trị thoát vị thành bụng khác	Lần	3,512,900
879	Phẫu thuật điều trị thoát vị vết mổ thành bụng	Lần	3,512,900
880	Phẫu thuật điều trị tổn thương đám rối thần kinh cánh tay	Lần	3,405,300
881	Phẫu thuật điều trị tổn thương gân cơ chóp xoay	Lần	3,302,900
882	Phẫu thuật điều trị trật khớp khuỷu	Lần	4,324,900
883	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương động - tĩnh mạch chủ, mạch tạng, mạch thận	Lần	16,155,000
884	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch cảnh	Lần	16,155,000
885	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch chậu	Lần	13,594,200
886	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung tách dính buồng tử cung	Lần	5,990,300
887	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch dưới đòn	Lần	13,594,200
888	Phẫu thuật điều trị vết thương - chấn thương mạch máu chi	Lần	3,433,300
889	Phẫu thuật điều trị vết thương mạch đốt sống	Lần	5,712,200
890	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở đơn thuần	Lần	7,381,300
891	Phẫu thuật điều trị vết thương ngực hở nặng có chỉ định mở ngực cấp cứu	Lần	7,381,300
892	Phẫu thuật điều trị vết thương tim	Lần	14,778,300

893	Phẫu thuật điều trị viêm bao hoạt dịch của gân gấp bàn ngón tay	Lần	3,011,900
894	Phẫu thuật điều trị viêm xương đốt sống	Lần	3,226,900
895	Phẫu thuật điều trị vỡ eo động mạch chủ	Lần	16,155,000
896	Phẫu thuật điều trị vỡ phế quản do chấn thương ngực	Lần	12,568,600
897	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở người bệnh GEU	Lần	6,346,300
898	Phẫu thuật điều trị vỡ tim do chấn thương	Lần	14,778,300
899	Phẫu thuật đóng cứng khớp cổ chân	Lần	2,275,900
900	Phẫu thuật đóng cứng khớp khác	Lần	4,002,600
901	Phẫu thuật đứt gân cơ nhị đầu	Lần	3,302,900
902	Phẫu thuật Frey - Beger điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	Lần	4,955,100
903	Phẫu thuật Frey điều trị sỏi tụy, viêm tụy mạn	Lần	4,870,100
904	Phẫu thuật gãy xương đốt bàn ngón tay	Lần	4,102,500
905	Phẫu thuật gãy xương thuyền bằng Vis Herbert	Lần	4,102,500
906	Phẫu thuật ghép chi	Lần	7,094,200
907	Phẫu thuật ghép xương nhân tạo	Lần	5,105,100
908	Phẫu thuật nội soi cắt phần phụ	Lần	5,503,300
909	Phẫu thuật ghép xương trong chấn thương cột sống cổ	Lần	5,105,100
910	Phẫu thuật ghép xương tự thân	Lần	5,105,100
911	Phẫu thuật giải ép cắt bỏ dây chằng vàng	Lần	4,969,100
912	Phẫu thuật giải ép lỗ liên hợp cột sống cổ đường trước	Lần	4,969,100
913	Phẫu thuật giải ép thần kinh (ống cổ tay, Khuỷu...)	Lần	2,698,800
914	Phẫu thuật giải ép, ghép xương liên thân đốt và cố định cột sống cổ đường trước	Lần	5,712,200
915	Phẫu thuật giải ép, lấy TVĐĐ cột sống cổ đường sau vi phẫu	Lần	5,712,200
916	Phẫu thuật giải phóng chèn ép TK ngoại biên	Lần	2,698,800
917	Phẫu thuật giải phóng thần kinh ngoại biên	Lần	4,969,100
918	Phẫu thuật gỡ dính gân duỗi	Lần	3,011,900
919	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung bán phần	Lần	6,346,300
920	Phẫu thuật gỡ dính gân gấp	Lần	3,011,900
921	Phẫu thuật gỡ dính khớp gối	Lần	3,011,900
922	Phẫu thuật gỡ dính thần kinh	Lần	3,011,900
923	Phẫu thuật Heller	Lần	3,433,300
924	Phẫu thuật Hybrid trong cấp cứu mạch máu (phẫu thuật mạch + can thiệp mạch)	Lần	5,712,200
925	Phẫu thuật kéo dài chi	Lần	5,265,900
926	Phẫu thuật kết hợp xương (kết hợp xương) gãy xương bả vai	Lần	4,102,500
927	Phẫu thuật kết hợp xương bằng K.Wire điều trị gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Lần	4,324,900
928	Phẫu thuật kết hợp xương chấn thương Lisfranc và bàn chân giữa	Lần	4,324,900
929	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 xương cẳng tay	Lần	4,102,500
930	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn	Lần	6,346,300
931	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương cánh tay	Lần	4,324,900
932	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp đầu dưới xương chày	Lần	4,102,500
933	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn tiếp vùng khớp gối	Lần	4,102,500
934	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bong sụn vùng cổ xương đùi	Lần	4,102,500
935	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ chân	Lần	4,102,500

936	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đai quay (Gãy cổ xương quay)	Lần	4,102,500
937	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương đùi	Lần	4,102,500
938	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Lần	4,324,900
939	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Lần	4,102,500
940	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp vùng khuỷu	Lần	4,102,500
941	Phẫu thuật nội soi cắt tử cung hoàn toàn và vét hạch chậu	Lần	8,630,200
942	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Pilon	Lần	4,102,500
943	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	Lần	4,324,900
944	Phẫu thuật kết hợp xương gãy sụn tăng trưởng ở đầu xương	Lần	4,102,500
945	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cẳng chân	Lần	4,102,500
946	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Lần	4,102,500
947	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ chân ở trẻ em	Lần	4,324,900
948	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay có tổn thương mạch và thần kinh	Lần	4,102,500
949	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bệnh lý	Lần	4,102,500
950	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn và đốt ngón chân	Lần	4,102,500
951	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	Lần	4,102,500
952	Phẫu thuật nội soi cắt u buồng trứng và phần phụ	Lần	5,503,300
953	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương sên và trật khớp	Lần	4,102,500
954	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cổ chân	Lần	4,324,900
955	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp dưới sên	Lần	4,324,900
956	Phẫu thuật kết hợp xương trên màn hình tăng sáng	Lần	5,474,500
957	Phẫu thuật khâu bảo tồn hoặc cắt thận bán phần trong chấn thương thận	Lần	3,433,300
958	Phẫu thuật khâu lỗ thủng cơ hoành do vết thương	Lần	3,433,300
959	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	Lần	2,833,400
960	Phẫu thuật khâu treo và triệt mạch trĩ (THD)	Lần	2,816,900
961	Phẫu thuật khâu vết thương nhu mô phổi	Lần	7,392,200
962	Phẫu thuật khâu vỡ cơ hoành	Lần	3,433,300
963	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng kèm triệt sản	Lần	5,503,300
964	Phẫu thuật kết hợp xương gãy 2 mắt cá cổ chân	Lần	4,102,500
965	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bán phần chỏm xương đùi	Lần	4,102,500
966	Phẫu thuật kết hợp xương gãy bánh chè	Lần	4,324,900
967	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cánh chậu	Lần	4,102,500
968	Phẫu thuật kết hợp xương gãy chỏm đốt bàn và ngón tay	Lần	4,102,500
969	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ giải phẫu và phẫu thuật xương cánh tay	Lần	4,102,500
970	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ mấu chuyển xương đùi	Lần	4,102,500
971	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương bả vai	Lần	4,102,500
972	Phẫu thuật kết hợp xương gãy cổ xương đùi	Lần	4,102,500
973	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đai quay	Lần	4,102,500
974	Phẫu thuật mở khí quản (Gây tê/ gây mê)	Lần	759,800
975	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng xoắn	Lần	5,503,300
976	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đai quay phức tạp	Lần	4,102,500
977	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500
978	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương chày (Pilon)	Lần	4,102,500
979	Phẫu thuật kết hợp xương gãy đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500

980	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hai mâm chày	Lần	4,102,500
981	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I hai xương cẳng chân	Lần	4,102,500
982	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ I thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
983	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II hai xương cẳng chân	Lần	4,102,500
984	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
985	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ II trên và liên lồi cầu xương đùi	Lần	4,324,900
986	Phẫu thuật nội soi cắt u nang buồng trứng, nang cạnh vòi tử cung	Lần	5,503,300
987	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III hai xương cẳng chân	Lần	4,102,500
988	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
989	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở độ III trên và liên lồi cầu xương đùi	Lần	4,324,900
990	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở I thân hai xương cẳng tay	Lần	4,102,500
991	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở II thân hai xương cẳng tay	Lần	4,102,500
992	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở III thân hai xương cẳng tay	Lần	4,102,500
993	Phẫu thuật kết hợp xương gãy hở liên lồi cầu xương cánh tay	Lần	4,324,900
994	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Hoffa đầu dưới xương đùi	Lần	4,102,500
995	Phẫu thuật kết hợp xương gãy khung chậu - trật khớp mu	Lần	4,102,500
996	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên lồi cầu xương cánh tay	Lần	4,102,500
997	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai	Lần	5,503,300
998	Phẫu thuật kết hợp xương gãy liên mấu chuyển xương đùi	Lần	4,102,500
999	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương cánh tay	Lần	4,102,500
1000	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu ngoài xương đùi	Lần	4,102,500
1001	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu trong xương đùi	Lần	4,102,500
1002	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương bàn và ngón tay	Lần	4,102,500
1003	Phẫu thuật kết hợp xương gãy lồi cầu xương khớp ngón tay	Lần	4,102,500
1004	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày + thân xương chày	Lần	4,102,500
1005	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày ngoài	Lần	4,102,500
1006	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mâm chày trong	Lần	4,102,500
1007	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá kèm trật khớp cổ chân	Lần	4,102,500
1008	Phẫu thuật nội soi cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Lần	8,769,200
1009	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá ngoài	Lần	4,102,500
1010	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mắt cá trong	Lần	4,102,500
1011	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu	Lần	4,324,900
1012	Phẫu thuật kết hợp xương gãy mỏm khuỷu phức tạp	Lần	4,324,900
1013	Phẫu thuật kết hợp xương gãy Monteggia	Lần	4,102,500
1014	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nền đốt bàn ngón 5 (bàn chân)	Lần	4,102,500
1015	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500
1016	Phẫu thuật kết hợp xương gãy nội khớp xương khớp ngón tay	Lần	4,102,500
1017	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ổ cối đơn thuần	Lần	4,102,500
1018	Phẫu thuật kết hợp xương gãy ổ cối phức tạp	Lần	4,102,500
1019	Phẫu thuật nội soi điều trị vô sinh (soi buồng tử cung + nội soi ổ bụng)	Lần	6,455,300
1020	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp chỏm xương đùi - trật háng	Lần	4,102,500
1021	Phẫu thuật kết hợp xương gãy phức tạp khớp khuỷu	Lần	4,102,500
1022	Phẫu thuật kết hợp xương gãy rỗng rọc xương cánh tay	Lần	4,102,500
1023	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng chân	Lần	4,102,500

1024	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân 2 xương cẳng tay	Lần	4,102,500
1025	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân đốt bàn và ngón tay	Lần	4,102,500
1026	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
1027	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay cánh tay có liệt TK quay	Lần	4,102,500
1028	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay phức tạp	Lần	4,102,500
1029	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương chày	Lần	4,102,500
1030	Phẫu thuật nội soi khâu lỗ thủng tử cung	Lần	5,521,300
1031	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi	Lần	4,102,500
1032	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương đùi phức tạp	Lần	4,102,500
1033	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương cánh tay	Lần	4,102,500
1034	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật cổ xương đùi	Lần	4,102,500
1035	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật đốt bàn ngón chân	Lần	4,324,900
1036	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật khớp cổ tay	Lần	4,324,900
1037	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương gót	Lần	4,102,500
1038	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trật xương sên	Lần	4,102,500
1039	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương cánh tay	Lần	4,102,500
1040	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên lồi cầu xương đùi	Lần	4,102,500
1041	Phẫu thuật nội soi lấy dụng cụ tử cung trong ổ bụng	Lần	5,970,800
1042	Phẫu thuật kết hợp xương gãy trên và liên lồi cầu xương đùi	Lần	4,102,500
1043	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương bánh chè phức tạp	Lần	4,324,900
1044	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Lần	4,102,500
1045	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đốt bàn ngón tay	Lần	4,102,500
1046	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương gót	Lần	4,102,500
1047	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương mác đơn thuần	Lần	4,102,500
1048	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương quay kèm trật khớp quay trụ dưới	Lần	4,102,500
1049	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương cánh tay	Lần	5,105,100
1050	Phẫu thuật kết hợp xương khớp giả xương đòn	Lần	4,102,500
1051	Phẫu thuật kết hợp xương toác khớp mu (trật khớp)	Lần	4,324,900
1052	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán + tiêm MTX tại chỗ điều trị thai ngoài tử cung	Lần	5,437,300
1053	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng chậu	Lần	4,102,500
1054	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp cùng đòn	Lần	4,102,500
1055	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp Lisfranc	Lần	4,324,900
1056	Phẫu thuật kết hợp xương trật khớp ức đòn	Lần	4,102,500
1057	Phẫu thuật làm cứng khớp bàn, ngón tay	Lần	4,002,600
1058	Phẫu thuật làm cứng khớp cổ tay	Lần	4,002,600
1059	Phẫu thuật làm cứng khớp gối	Lần	4,002,600
1060	Phẫu thuật làm cứng khớp quay Trụ dưới	Lần	4,002,600
1061	Phẫu thuật làm móm cụt ngón và đốt bàn ngón	Lần	3,226,900
1062	Phẫu thuật làm sạch ổ khớp	Lần	3,011,900
1063	Phẫu thuật nội soi ổ bụng chẩn đoán các bệnh lý phụ khoa	Lần	5,395,300
1064	Phẫu thuật làm vận động khớp gối	Lần	3,447,900
1065	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, đại não, bằng đường mở nắp sọ	Lần	7,667,700
1066	Phẫu thuật lấy bao áp xe não, tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	Lần	7,667,700

1067	Phẫu thuật lấy bỏ u mỡ (lipoma) ở vùng đuôi ngựa + đóng thoát vị màng tùy hoặc thoát vị tùy-màng tùy, bằng đường vào phía sau	Lần	8,229,200
1068	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	Lần	4,085,900
1069	Phẫu thuật lấy dị vật phổi - màng phổi	Lần	7,392,200
1070	Phẫu thuật lấy dị vật trong phổi - màng phổi	Lần	7,392,200
1071	Phẫu thuật lấy đĩa đệm cột sống thắt lưng qua da	Lần	5,496,100
1072	Phẫu thuật lấy đĩa đệm, ghép xương và cố định cột sống cổ (ACDF)	Lần	5,592,600
1073	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng cấp tính	Lần	5,669,600
1074	Phẫu thuật nội soi sa sinh dục nữ	Lần	9,585,300
1075	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính hai bên	Lần	5,669,600
1076	Phẫu thuật lấy máu tụ dưới màng cứng mạn tính một bên	Lần	5,669,600
1077	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng dưới lều tiểu não (hố sau)	Lần	5,669,600
1078	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng nhiều vị trí trên lều và/hoặc dưới lều tiểu não	Lần	5,669,600
1079	Phẫu thuật lấy máu tụ ngoài màng cứng trên lều tiểu não	Lần	5,669,600
1080	Phẫu thuật lấy máu tụ trong não thất	Lần	5,669,600
1081	Phẫu thuật lấy nhân thoát vị đĩa đệm ít xâm lấn sử dụng hệ thống ống nông	Lần	5,712,200
1082	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng	Lần	4,969,100
1083	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng đa tầng	Lần	5,496,100
1084	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng sử dụng nẹp cố định liên gai sau (DIAM, Silicon, Coflex, Gelfix...)	Lần	7,840,200
1085	Khâu da mi đơn giản	Lần	897,100
1086	Phẫu thuật nạo VA gây mê nội khí quản	Lần	852,900
1087	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	Lần	5,503,300
1088	Phẫu thuật lấy thoát vị đĩa đệm cột sống thắt lưng vi phẫu	Lần	5,496,100
1089	Phẫu thuật lấy toàn bộ trĩ vòng	Lần	2,816,900
1090	Phẫu thuật lấy toàn bộ xương bánh chè	Lần	3,302,900
1091	Phẫu thuật lấy trĩ tắc mạch	Lần	2,816,900
1092	Phẫu thuật lấy xương chết, nạo viêm	Lần	3,226,900
1093	Phẫu thuật lỗ tiểu lệch thấp, tạo hình một thì	Lần	4,621,100
1094	Phẫu thuật Longo	Lần	2,507,900
1095	Phẫu thuật Longo kết hợp với khâu treo trĩ	Lần	2,507,900
1096	Phẫu thuật máu tụ dưới màng cứng tùy sống	Lần	5,669,600
1097	Phẫu thuật mở cung sau cột sống ngực	Lần	4,969,100
1098	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	Lần	5,503,300
1099	Phẫu thuật mở nắp sọ giải ép trong tăng áp lực nội sọ (do máu tụ, thiếu máu não, phù não)	Lần	5,669,600
1100	Phẫu thuật mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi	Lần	1,925,900
1101	Phẫu thuật nang màng nhện tùy	Lần	4,969,100
1102	Phẫu thuật nạo viêm + lấy xương chết	Lần	3,226,900
1103	Phẫu thuật nối gân duỗi/kéo dài gân(1 gân)	Lần	3,302,900
1104	Phẫu thuật nối gân gấp/kéo dài gân (1 gân)	Lần	3,302,900
1105	Phẫu thuật nối thần kinh (1 dây)	Lần	3,405,300
1106	Phẫu thuật nối thần kinh ngoại biên và ghép TK ngoại biên	Lần	2,698,800

1107	Phẫu thuật phương pháp Suave.Kapandji và điều trị viêm khớp quay trụ dưới	Lần	3,433,300
1108	Phẫu thuật rò bàng quang-âm đạo, bàng quang-tử cung, trực tràng	Lần	4,886,100
1109	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	Lần	5,503,300
1110	Phẫu thuật rò niệu quản - âm đạo	Lần	4,886,100
1111	Phẫu thuật rò, nang ống rốn tràng, niệu rốn	Lần	2,396,200
1112	Phẫu thuật sửa chữa di chứng gãy, bong sụn tiếp vùng cổ chân	Lần	4,102,500
1113	Phẫu thuật sửa móm cụt chi	Lần	3,226,900
1114	Phẫu thuật sửa móm cụt ngón tay/ngón chân (1 ngón)	Lần	3,226,900
1115	Phẫu thuật sửa trục chi (kết hợp xương bằng nẹp vis, Champon, Kim K.Wire)	Lần	4,102,500
1116	Phẫu thuật sửa trục điều trị lệch trục sau gãy đầu dưới xương quay	Lần	4,102,500
1117	Phẫu thuật tái tạo dây chằng bên của ngón 1 bàn tay	Lần	3,302,900
1118	Phẫu thuật tái tạo dây chằng xương thuyền	Lần	3,302,900
1119	Phẫu thuật nội soi treo buồng trứng	Lần	5,988,800
1120	Phẫu thuật tái tạo miệng sáo do hẹp miệng sáo	Lần	1,509,500
1121	Phẫu thuật Tái tạo tổn thương mạn tính dây chằng xương thuyền	Lần	3,302,900
1122	Phẫu thuật tạo hình bằng các vật da có cuống mạch liền	Lần	3,720,600
1123	Phẫu thuật tạo hình bệnh xương bả vai lên cao	Lần	3,602,500
1124	Phẫu thuật tạo hình cứng khớp cổ tay sau chấn thương	Lần	2,275,900
1125	Phẫu thuật tạo hình cung sau cột sống cổ trong bệnh lý hẹp ống sống cổ đa tầng	Lần	4,102,500
1126	Phẫu thuật tạo hình cung sau cột sống cổ trong bệnh lý hẹp ống sống cổ đa tầng	Lần	5,474,500
1127	Phẫu thuật tạo hình điều trị dị tật lộ bàng quang bẩm sinh	Lần	5,712,200
1128	Phẫu thuật tạo hình điều trị lỗ niệu đạo mặt lưng dương vật	Lần	2,490,900
1129	Phẫu thuật nội soi triệt sản nữ	Lần	5,186,800
1130	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật dính ngón tay	Lần	3,044,900
1131	Phẫu thuật tạo hình điều trị tật thừa ngón tay	Lần	3,226,900
1132	Phẫu thuật tạo hình nhân nhầy đĩa đệm cột sống cổ bằng sóng cao tần	Lần	1,876,600
1133	Phẫu thuật tạo hình nhân nhầy đĩa đệm cột sống thắt lưng bằng sóng cao tần	Lần	1,876,600
1134	Phẫu thuật tạo hình tổn thương dây chằng mạn tính của ngón I	Lần	3,302,900
1135	Phẫu thuật tháo khớp chi	Lần	3,994,900
1136	Phẫu thuật tháo khớp cổ tay	Lần	2,396,200
1137	Phẫu thuật tháo khớp vai	Lần	3,011,900
1138	Phẫu thuật thắt các mạch máu lớn ngoại vi	Lần	3,433,300
1139	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống cổ	Lần	5,712,200
1140	Phẫu thuật nội soi vét hạch tiểu khung	Lần	6,964,200
1141	Phẫu thuật thay đĩa đệm nhân tạo cột sống thắt lưng - cùng	Lần	5,798,100
1142	Phẫu thuật thay đoạn xương ghép bảo quản bằng kỹ thuật cao	Lần	4,974,500
1143	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	Lần	3,602,500
1144	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	Lần	4,102,500
1145	Phẫu thuật thay khớp vai nhân tạo	Lần	7,692,200
1146	Phẫu thuật thay toàn bộ khớp háng	Lần	5,474,500
1147	Phẫu thuật thương tích phần mềm các cơ quan vận động	Lần	5,204,600

1148	Phẫu thuật tổn thương dây chằng của đốt bàn - ngón tay	Lần	3,302,900
1149	Phẫu thuật tổn thương gân Achille	Lần	3,302,900
1150	Phẫu thuật nội soi xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	7,279,100
1151	Phẫu thuật tổn thương gân chày trước	Lần	3,302,900
1152	Phẫu thuật tổn thương gân cơ chày sau	Lần	3,302,900
1153	Phẫu thuật tổn thương gân cơ mác bên	Lần	3,302,900
1154	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi cẳng và bàn ngón tay	Lần	3,302,900
1155	Phẫu thuật tổn thương gân duỗi dài ngón I	Lần	3,302,900
1156	Phẫu thuật tổn thương gân gấp bàn - cổ tay	Lần	3,302,900
1157	Phẫu thuật tổn thương gân gấp của cổ tay và cẳng tay	Lần	3,302,900
1158	Phẫu thuật tổn thương gân gấp dài ngón I	Lần	3,302,900
1159	Phẫu thuật tổn thương gân gấp ở vùng cẳng (Vùng II)	Lần	3,302,900
1160	Phẫu thuật tràn dịch màng tinh hoàn	Lần	1,509,500
1161	Phẫu thuật second-look trong ung thư buồng trứng	Lần	4,451,200
1162	Phẫu thuật trật báng chè bẩm sinh	Lần	3,411,300
1163	Phẫu thuật trật bánh chè mắc phải	Lần	3,411,300
1164	Phẫu thuật trật khớp háng sau chấn thương	Lần	3,602,500
1165	Phẫu thuật treo thận	Lần	3,131,800
1166	Phẫu thuật trượt bán lè cổ chẩm	Lần	5,592,600
1167	Phẫu thuật tụ mủ dưới màng cứng	Lần	7,667,700
1168	Phẫu thuật tụ mủ ngoài màng cứng	Lần	7,667,700
1169	Phẫu thuật u da đầu thâm nhiễm xương-màng cứng sọ	Lần	5,602,400
1170	Phẫu thuật U máu	Lần	3,311,900
1171	Phẫu thuật u thần kinh ngoại biên	Lần	2,698,800
1172	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	Lần	6,640,200
1173	Phẫu thuật u thần kinh trên da	Lần	771,000
1174	Phẫu thuật u thân não, bằng đường mở nắp sọ	Lần	7,594,200
1175	Phẫu thuật u trong nhu mô tiểu não, bằng đường mở nắp sọ	Lần	7,594,200
1176	Phẫu thuật u xương hóc mắt	Lần	5,602,400
1177	Phẫu thuật u xương sọ vòm sọ	Lần	5,602,400
1178	Phẫu thuật vá da diện tích >10 cm ²	Lần	4,699,100
1179	Phẫu thuật vá da diện tích từ 5-10 cm ²	Lần	3,044,900
1180	Phẫu thuật và điều trị trật khớp quay trụ dưới	Lần	3,433,300
1181	Phẫu thuật vá khuyết sọ sau chấn thương sọ não	Lần	5,074,300
1182	Phẫu thuật vá màng cứng hoặc tạo hình màng cứng	Lần	6,419,200
1183	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	Lần	4,230,100
1184	Phẫu thuật vết thương bàn tay	Lần	2,396,200
1185	Phẫu thuật vết thương bàn tay tổn thương gân duỗi	Lần	3,302,900
1186	Phẫu thuật vết thương khớp	Lần	3,011,900
1187	Phẫu thuật vết thương phần mềm đơn giản/rách da đầu	Lần	2,767,900
1188	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Lần	5,204,600
1189	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương gân gấp	Lần	3,302,900
1190	Phẫu thuật vết thương phần mềm tổn thương thần kinh giữa, thần kinh trụ, thần kinh quay	Lần	5,204,600
1191	Phẫu thuật vết thương sọ não (có rách màng não)	Lần	5,966,400

1192	Phẫu thuật vết thương tùy sống	Lần	5,201,900
1193	Phẫu thuật vết thương tùy sống kết hợp cố định cột sống	Lần	5,798,100
1194	Mở khí quản cấp cứu	Lần	759,800
1195	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)	Lần	5,324,200
1196	Phẫu thuật viêm xương	Lần	3,226,900
1197	Phẫu thuật viêm xương sọ	Lần	6,095,200
1198	Phẫu thuật viên tẩy bao hoạt dịch bàn tay	Lần	3,011,900
1199	Phẫu thuật vít trực tiếp móm nha trong điều trị gãy móm nha	Lần	5,592,600
1200	Phẫu thuật vỡ lún xương sọ hở	Lần	5,966,400
1201	Phẫu thuật vỡ vật hang do gãy dương vật	Lần	1,509,500
1202	Phẫu thuật xơ cứng cơ ức đòn chũm	Lần	3,923,600
1203	Phẫu thuật xơ cứng đơn giản	Lần	3,923,600
1204	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tam đầu cánh tay	Lần	3,923,600
1205	Phẫu thuật xơ cứng gân cơ tứ đầu đùi	Lần	3,923,600
1206	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	Lần	5,142,900
1207	Phẫu thuật xơ cứng phức tạp	Lần	3,923,600
1208	Phẫu thuật xơ cứng trật khớp gối	Lần	3,923,600
1209	Phẫu thuật xoắn, vỡ tinh hoàn	Lần	2,490,900
1210	Phẫu thuật xử lý lún sọ không có vết thương	Lần	5,966,400
1211	Phẫu thuật xử lý vết thương da đầu phức tạp	Lần	5,204,600
1212	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang hơi trán	Lần	5,966,400
1213	Phẫu thuật xử lý vết thương xoang tĩnh mạch sọ	Lần	5,966,400
1214	Rút đinh/tháo phương tiện kết hợp xương	Lần	1,857,900
1215	Tái tạo phục hồi tổn thương gân gấp 2 thì	Lần	3,302,900
1216	Tán sỏi qua đường hầm Kehr hoặc qua da	Lần	4,733,300
1217	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	Lần	3,596,900
1218	Tạo hình khúc nối bể thận - niệu quản (Phương pháp Foley, Anderson - Hynes	Lần	3,279,000
1219	Tạo hình niệu quản do phình to niệu quản	Lần	3,279,000
1220	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có bóng	Lần	5,996,400
1221	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học có lồng titan	Lần	5,996,400
1222	Tạo hình thân đốt sống bằng bơm cement sinh học qua cuống	Lần	5,996,400
1223	Thăm dò kết hợp với tiêm cồn hoặc đốt sóng cao tần hoặc áp lạnh	Lần	2,683,900
1224	Thăm dò, sinh thiết gan	Lần	2,683,900
1225	Tháo lồng ruột non	Lần	2,705,700
1226	Tháo xoắn ruột non	Lần	2,705,700
1227	Thắt động mạch gan (riêng, phải, trái)	Lần	3,433,300
1228	Phẫu thuật TOT điều trị són tiểu	Lần	5,817,300
1229	Thắt tĩnh mạch tinh trên bẹn	Lần	1,509,500
1230	Thương tích bàn tay phức tạp	Lần	5,204,600
1231	Trật khớp háng bẩm sinh	Lần	3,602,500
1232	Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục	Lần	4,553,300
1233	Nội soi nong niệu quản hẹp	Lần	950,500
1234	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe lạnh thất lưng do lao	Lần	3,142,500
1235	Phẫu thuật viêm ruột thừa	Lần	2,815,900
1236	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Lần	2,818,700

1237	Phẫu thuật nội soi cắt khối chứa ngoài tử cung	Lần	2,434,500
1238	Phẫu thuật nội soi cắt ruột thừa	Lần	2,818,700
1239	Phẫu thuật treo tử cung	Lần	3,131,800
1240	Nội soi bàng quang tán sỏi	Lần	1,345,000
1241	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	Lần	239,500
1242	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm dưới	Lần	398,600
1243	Phẫu thuật nhổ răng khôn mọc lệch hàm trên	Lần	398,600
1244	Nhổ răng vĩnh viễn	Lần	239,500
1245	Phẫu thuật TVT điều trị són tiểu	Lần	5,817,300
1246	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng ngang	Lần	4,663,800
1247	Phẫu thuật nội soi cắt đại tràng phải	Lần	4,663,800
1248	Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)	Lần	6,895,100
1249	Phẫu thuật nội soi cắt đoạn đại tràng	Lần	4,663,800
1250	Phẫu thuật nội soi làm hậu môn nhân tạo	Lần	2,434,500
1251	Phẫu thuật điều trị thoát vị bẹn bằng phương pháp Lichtenstein	Lần	3,512,900
1252	Phẫu thuật nội soi cắt sụn chêm	Lần	3,602,500
1253	Triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Lần	3,191,500
1254	Nội soi bóc u tiền liệt tuyến lành tính	Lần	3,279,000
1255	Điều trị u xơ tiền liệt tuyến bằng laser	Lần	3,015,000
1256	Phẫu thuật nội soi tái tạo lại dây chằng chéo trước	Lần	4,594,500
1257	Phẫu thuật nội soi tái tạo dây chằng chéo sau	Lần	4,594,500
1258	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt túi mật	Lần	4,281,900
1259	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + nối ống mật chủ - hồng tràng	Lần	4,281,900
1260	Vi phẫu thuật tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	Lần	7,946,300
1261	Phẫu thuật nội soi khâu cầm máu vỡ gan	Lần	3,781,900
1262	Nội soi tán sỏi niệu đạo	Lần	1,596,600
1263	Cắt u phì đại lành tính tuyến tiền liệt qua nội soi	Lần	4,302,500
1264	Phẫu thuật nội soi cắt xơ hẹp niệu đạo	Lần	1,596,600
1265	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật	Lần	3,431,900
1266	Nội soi cắt nang tuyến thượng thận	Lần	4,596,000
1267	Mở khí quản thường quy	Lần	759,800
1268	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần	1,369,400
1269	Phẫu thuật nội soi cắt chòm nang thận sau phúc mạc	Lần	4,596,000
1270	Nội soi cắt đốt u lành tuyến tiền liệt qua đường niệu đạo (TURP)	Lần	3,015,000
1271	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	Lần	1,326,200
1272	Phẫu thuật nội soi cắt thận tận gốc	Lần	4,781,900
1273	Phẫu thuật nội soi lấy sỏi niệu quản	Lần	4,497,100
1274	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì tán sỏi niệu quản	Lần	1,345,000
1275	Nội soi niệu quản 2 bên 1 thì gấp sỏi niệu quản	Lần	4,497,100
1276	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	Lần	3,059,900
1277	Phẫu thuật nội soi điều trị ổ cận màng phổi	Lần	5,081,300
1278	Phẫu thuật nội soi lấy dị vật phổi - màng phổi	Lần	5,081,300
1279	Phẫu thuật nội soi xử trí tràn máu, tràn khí màng phổi	Lần	5,859,300
1280	Cắt 2 thùy phổi 2 bên lồng ngực trong một phẫu thuật	Lần	9,583,300
1281	Cắt âm hộ ung thư, vét hạch bẹn hai bên	Lần	4,158,300

1282	Cắt âm vật, vết hạch bên 2 bên do ung thư	Lần	4,158,300
1283	Cắt bán phần lưỡi có tạo hình bằng vật cân cơ	Lần	7,249,700
1284	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Lần	2,971,900
1285	Cắt bỏ dương vật ung thư có vết hạch	Lần	4,621,100
1286	Cắt bỏ khối u màn hầu	Lần	3,300,700
1287	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Lần	952,100
1288	Cắt u Amidan qua đường miệng	Lần	1,217,100
1289	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	Lần	3,228,100
1290	Cắt bỏ tạng trong tiêu khung, từ 2 tạng trở lên	Lần	9,970,200
1291	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm	Lần	3,397,900
1292	Cắt bỏ u xương thái dương	Lần	3,638,600
1293	Cắt bỏ u xương thái dương - tạo hình vật cơ da	Lần	3,638,600
1294	Cắt bỏ ung thư Amydan và nạo vết hạch cổ	Lần	5,980,000
1295	Cắt buồng trứng, hai bên phần phụ trong điều trị ung thư vú	Lần	3,217,800
1296	Cắt bướu nephroblastome sau phúc mạc	Lần	6,419,200
1297	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính 5 đến 10 cm	Lần	1,208,800
1298	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	Lần	771,000
1299	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Lần	771,900
1300	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính trên 10 cm	Lần	1,322,100
1301	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính 5 đến 10 cm	Lần	1,208,800
1302	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính dưới 5 cm	Lần	771,000
1303	Cắt các loại u vùng mặt có đường kính trên 10 cm	Lần	1,322,100
1304	Cắt các u ác tuyến dưới hàm	Lần	4,944,000
1305	Cắt các u ác tuyến giáp	Lần	6,955,600
1306	Cắt các u ác tuyến giáp	Lần	4,561,600
1307	Cắt các u ác tuyến mang tai	Lần	4,944,000
1308	Cắt các u lành tuyến giáp	Lần	2,140,700
1309	Cắt các u lành vùng cổ	Lần	2,928,100
1310	Trích nhọt ống tai ngoài	Lần	218,500
1311	Cắt các u nang giáp móng	Lần	2,289,300
1312	Cắt các u nang mang	Lần	1,322,100
1313	Cắt chậu sàn miệng, tạo hình và vết hạch cổ	Lần	9,470,200
1314	Cắt chi và vết hạch do ung thư	Lần	3,994,900
1315	Cắt cổ tử cung trên người bệnh đã mổ cắt tử cung bán phần (đường bụng, đường âm đạo)	Lần	5,982,300
1316	Cắt cụt cẳng chân do ung thư	Lần	3,994,900
1317	Cắt cụt đùi do ung thư	Lần	3,994,900
1318	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư	Lần	4,621,100
1319	Cắt cụt toàn bộ bộ phận sinh dục ngoài do ung thư + nạo vết hạch bên hai bên	Lần	4,621,100
1320	Dẫn lưu áp xe bìu/tinh hoàn	Lần	218,500
1321	Cắt hạ họng bán phần	Lần	5,352,100
1322	Cắt khối u khẩu cái	Lần	3,300,700
1323	Cắt khối u vùng họng miệng bằng laser	Lần	7,480,000
1324	Cắt một bên phổi do ung thư	Lần	9,583,300

1325	Cắt một nửa lưỡi + vết hạch cổ	Lần	4,944,000
1326	Cắt 1 thùy kèm cắt một phần thùy điển hình do ung thư	Lần	9,583,300
1327	Cắt 1 thùy phổi hoặc một phần thùy phổi do ung thư	Lần	9,583,300
1328	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	Lần	521,000
1329	Cắt nang buồng trứng tinh hai bên	Lần	3,300,700
1330	Cắt nang buồng trứng tinh một bên	Lần	2,140,700
1331	Khâu da mi	Lần	1,595,200
1332	Cắt nang vùng sàn miệng	Lần	3,078,100
1333	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	4,944,000
1334	Cắt nang xương hàm khó	Lần	3,228,100
1335	Cắt phổi không điển hình do ung thư	Lần	9,583,300
1336	Cắt phổi và màng phổi	Lần	9,583,300
1337	Cắt polyp cổ tử cung	Lần	2,104,900
1338	Cắt polyp mũi	Lần	705,900
1339	Cắt polyp ống tai	Lần	2,122,100
1340	Cắt polyp ống tai	Lần	634,500
1341	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường tiết niệu	Lần	4,703,100
1342	Khâu da mi	Lần	897,100
1343	Cắt thanh quản bán phần	Lần	5,352,100
1344	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm một mảnh thành ngực	Lần	9,583,300
1345	Cắt thùy phổi hoặc cắt một bên phổi kèm vết hạch trung thất	Lần	9,583,300
1346	Cắt thùy phổi, phần phổi còn lại	Lần	9,583,300
1347	Cắt toàn bộ hạ họng - thực quản, tái tạo ống họng thực quản bằng dạ dày - ruột	Lần	8,490,300
1348	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Lần	4,703,100
1349	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Lần	4,308,300
1350	Cắt toàn bộ tử cung, hai phần phụ và mạc nối lớn điều trị ung thư buồng trứng	Lần	6,836,200
1351	Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	Lần	4,944,000
1352	Cắt toàn bộ u lợi 1 hàm	Lần	521,000
1353	Khâu kết mạc	Lần	1,595,200
1354	Cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + vết hạch chậu	Lần	6,849,100
1355	Cắt u Amidan	Lần	4,003,900
1356	Cắt u bao gân	Lần	2,140,700
1357	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Lần	2,928,100
1358	Cắt u cuộn cánh	Lần	8,131,800
1359	Cắt u dây thần kinh số VIII	Lần	6,572,800
1360	Cắt u hốc mắt bằng đường xuyên sọ	Lần	6,111,300
1361	Cắt u hốc mắt bên và sau nhãn cầu có mở xương hốc mắt	Lần	1,322,100
1362	Cắt u hốc mắt không mở xương hốc mắt	Lần	1,322,100
1363	Cắt u họng - thanh quản bằng laser	Lần	6,984,300
1364	Khâu kết mạc	Lần	897,100
1365	Khâu kết mạc	Lần	897,100
1366	Cắt u kết mạc không vấ	Lần	768,600
1367	Cắt u kết mạc, giác mạc có ghép kết mạc, màng ối hoặc giác mạc	Lần	930,200
1368	Cắt u lành dương vật	Lần	2,396,200

1369	Cắt u lành phần mềm đường kính dưới 10 cm	Lần	2,140,700
1370	Cắt u lành phần mềm đường kính trên 10 cm	Lần	2,140,700
1371	Cắt u lợi đường kính 2 cm trở lên	Lần	521,000
1372	Cắt u lợi đường kính dưới hoặc bằng 2 cm	Lần	481,000
1373	Cắt u lưỡi lành tính	Lần	3,300,700
1374	Cắt u mạch máu lớn trên 10 cm vùng sàn miệng, dưới hàm, cạnh cổ	Lần	3,331,900
1375	Cắt u mạch máu lớn vùng hàm mặt, khi cắt bỏ kèm thắt động mạch cảnh 1 hay 2 bên	Lần	3,488,600
1376	Khâu vết thương âm hộ, âm đạo	Lần	289,500
1377	Cắt u máu - bạch mạch vùng hàm mặt	Lần	3,488,600
1378	Cắt u máu khu trú, đường kính dưới 5 cm	Lần	2,140,700
1379	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính 5 - 10 cm	Lần	3,311,900
1380	Cắt u máu, u bạch huyết thành ngực đường kính dưới 5 cm	Lần	2,396,200
1381	Cắt u máu, u bạch huyết trong lồng ngực đường kính trên 10 cm	Lần	9,270,200
1382	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó	Lần	3,488,600
1383	Cắt u máu/u bạch mạch dưới da đường kính từ 5 - 10 cm	Lần	3,300,700
1384	Cắt u máu/u bạch mạch lan toả, đường kính bằng và trên 10 cm	Lần	3,488,600
1385	Cắt u mi cả bề dày ghép sụn kết mạc và chuyển vạt da	Lần	1,322,100
1386	Cắt u mi cả bề dày không vá	Lần	812,100
1387	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	1,351,400
1388	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Lần	1,385,400
1389	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Lần	874,800
1390	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	Lần	1,385,400
1391	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	Lần	874,800
1392	Cắt u môi lành tính có tạo hình	Lần	1,322,100
1393	Cắt u nang bao hoạt dịch (cổ tay, khoeo chân, cổ chân)	Lần	1,456,700
1394	Cắt u nang buồng trứng	Lần	3,217,800
1395	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Lần	3,217,800
1396	Cắt u nang men răng, ghép xương	Lần	1,172,800
1397	Cắt u nang phổi hoặc u nang phế quản	Lần	7,392,200
1398	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	698,800
1399	Cắt u nang tiêu xương, ghép xương	Lần	4,085,900
1400	Cắt u nội nhãn	Lần	6,111,300
1401	Cắt u sắc tố vùng hàm mặt	Lần	1,322,100
1402	Cắt u sùi đầu miệng sáo	Lần	1,456,700
1403	Cắt u tế bào khổng lồ, ghép xương	Lần	4,085,900
1404	Cắt u thần kinh vùng hàm mặt	Lần	3,488,600
1405	Cắt u thận lành	Lần	3,433,300
1406	Cắt u thành âm đạo	Lần	2,268,300
1407	Cắt u tiền phòng	Lần	1,322,100
1408	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	Lần	6,815,100
1409	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	1,572,200
1410	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	Lần	4,944,000
1411	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	4,944,000
1412	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	3,397,900

1413	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi	Lần	3,397,900
1414	Cắt u tuyến nước bọt dưới lưỡi	Lần	3,397,900
1415	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	Lần	4,944,000
1416	Cắt u tuyến nước bọt phụ	Lần	4,944,000
1417	Cắt u tuyến nước bọt phụ	Lần	3,397,900
1418	Cắt u vú lành tính	Lần	3,135,800
1419	Cắt u vùng hàm mặt phức tạp	Lần	3,331,900
1420	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	935,200
1421	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	Lần	1,322,100
1422	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	Lần	1,322,100
1423	Cắt u xương sụn lành tính	Lần	4,085,900
1424	Cắt u xương sụn 1 xương	Lần	4,085,900
1425	Cắt u xương sụn nhiều xương	Lần	4,085,900
1426	Cắt u xương, sụn	Lần	4,085,900
1427	Cắt ung thư buồng trứng lan rộng	Lần	6,836,200
1428	Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vật tại chỗ	Lần	8,570,200
1429	Cắt ung thư da vùng mi mắt dưới và tạo hình	Lần	4,421,700
1430	Cắt ung thư da vùng mi mắt trên và tạo hình	Lần	4,421,700
1431	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	1,188,600
1432	Cắt ung thư hàm trên kèm hồ mắt và xương gò má	Lần	3,638,600
1433	Cắt ung thư hàm trên, hàm dưới kèm vết hạch, tạo hình bằng vật da, cơ	Lần	3,638,600
1434	Cắt ung thư hồ mắt đã xâm lấn các xoang: xoang hàm, xoang sàng ...	Lần	6,111,300
1435	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ	Lần	7,249,700
1436	Cắt ung thư lưỡi, nạo vét hạch và tạo hình bằng vật từ xa	Lần	9,470,200
1437	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính dưới 5 cm	Lần	1,322,100
1438	Cắt ung thư môi có tạo hình đường kính trên 5 cm	Lần	1,322,100
1439	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng ghép da hoặc niêm mạc	Lần	3,300,700
1440	Cắt ung thư niêm mạc miệng và tạo hình bằng vật tại chỗ	Lần	3,300,700
1441	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính bằng và trên 5 cm	Lần	3,300,700
1442	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	1,833,000
1443	Cắt ung thư phần mềm chi trên hoặc chi dưới đường kính dưới 5 cm	Lần	2,140,700
1444	Cắt ung thư sàng hàm	Lần	3,638,600
1445	Cắt ung thư thanh quản, hạ họng bằng laser	Lần	6,984,300
1446	Cắt ung thư vòm khẩu cái, tạo hình	Lần	8,570,200
1447	Cắt ung thư vú tiết kiệm da - tạo hình ngay	Lần	5,507,100
1448	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	Lần	8,570,200
1449	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật tại chỗ	Lần	8,570,200
1450	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vật từ xa	Lần	8,570,200
1451	Cắt vú theo phương pháp Patey + Cắt buồng trứng hai bên	Lần	5,507,100
1452	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	1,387,000
1453	Cắt, nạo vét hạch cổ tiết căn	Lần	4,287,100
1454	Mổ bóc nhân xơ vú	Lần	1,079,400
1455	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	Lần	3,595,500

1456	Nạo vét tổ chức hốc mắt	Lần	1,322,100
1457	Phẫu thuật bảo tồn, vét hạch nách trong ung thư tuyến vú	Lần	5,507,100
1458	Phẫu thuật bóc kén màng phổi	Lần	3,595,500
1459	Phẫu thuật bóc kén trong nhu mô phổi	Lần	3,595,500
1460	Nội soi niệu đạo, bàng quang chẩn đoán	Lần	975,300
1461	Phẫu thuật bóc u thành ngực	Lần	2,396,200
1462	Phẫu thuật cạnh mũi lấy u hốc mũi	Lần	3,638,600
1463	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú cải biên (Patey) do ung thư vú	Lần	5,507,100
1464	Phẫu thuật cắt kén khí phổi	Lần	3,595,500
1465	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú	Lần	3,135,800
1466	Phẫu thuật cắt polyp buồng tử cung	Lần	4,110,800
1467	Phẫu thuật cắt u sụn phế quản	Lần	7,392,200
1468	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	3,217,800
1469	Phẫu thuật mở bụng cắt u nang hoặc cắt buồng trứng trên người bệnh có thai	Lần	3,217,800
1470	Mô quặm bẩm sinh	Lần	698,800
1471	Nội soi tháo sonde JJ	Lần	953,800
1472	Phẫu thuật phì đại tuyến vú nam	Lần	3,135,800
1473	Phẫu thuật second-look trong ung thư buồng trứng	Lần	4,451,200
1474	Phẫu thuật tái tạo vú bằng các vật tự thân	Lần	3,720,600
1475	Phẫu thuật vét hạch nách	Lần	3,300,700
1476	Sinh thiết hạch gác cửa trong ung thư vú	Lần	2,367,500
1477	Tái tạo tuyến vú sau cắt ung thư vú	Lần	3,720,600
1478	Tháo khớp cổ chân do ung thư	Lần	3,300,700
1479	Tháo khớp cổ tay do ung thư	Lần	3,994,900
1480	Tháo khớp gối do ung thư	Lần	3,011,900
1481	Tháo khớp háng do ung thư	Lần	3,994,900
1482	Nong niệu đạo	Lần	273,500
1483	Tháo khớp khuỷu tay do ung thư	Lần	3,994,900
1484	Tháo khớp vai do ung thư đầu trên xương cánh tay	Lần	7,770,200
1485	Tháo nửa bàn chân trước do ung thư	Lần	3,300,700
1486	Vết hạch cổ, truyền hóa chất động mạch cảnh	Lần	5,980,000
1487	Cắt bè củng giác mạc (Trabeculectomy)	Lần	1,202,600
1488	Cắt bỏ nhãn cầu có hoặc không cắt thị thần kinh dài	Lần	830,200
1489	Cắt bỏ túi lệ	Lần	930,200
1490	Cắt củng mạc sâu có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Lần	1,202,600
1491	Cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn	Lần	1,322,100
1492	Phẫu thuật cắt Amidan gây tê hoặc gây mê	Lần	1,217,100
1493	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính	Lần	1,322,100
1494	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	Lần	1,322,100
1495	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	Lần	1,032,600
1496	Cắt thể thủy tinh, dịch kính có hoặc không cố định IOL	Lần	1,344,100
1497	Cắt u da mi không ghép	Lần	812,100
1498	Cắt u mi cả bề dày không ghép	Lần	812,100
1499	Trích mủ mắt	Lần	510,700
1500	Cố định bao tenon tạo củng đồ dưới	Lần	1,244,100

1501	Đặt van dẫn lưu tiền phòng điều trị glôcôm	Lần	1,644,100
1502	Điều trị glôcôm bằng tạo hình vùng bè (Trabeculoplasty)	Lần	342,400
1503	Phẫu thuật nội soi cắt u nhú tai, mũi, họng	Lần	489,500
1504	Gọt giác mạc đơn thuần	Lần	860,200
1505	Khâu cò mi, tháo cò	Lần	452,400
1506	Khâu củng mạc	Lần	849,600
1507	Khâu củng mạc	Lần	1,244,100
1508	Khâu lại mép mỡ giác mạc, củng mạc	Lần	799,600
1509	Khâu phủ kết mạc	Lần	698,800
1510	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	813,600
1511	Lấy dị vật hốc mắt	Lần	1,013,600
1512	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	1,351,400
1513	Lấy dị vật tiền phòng	Lần	1,244,100
1514	Lấy dị vật trong củng mạc	Lần	1,013,600
1515	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính có hoặc không cố định IOL	Lần	1,344,100
1516	Mở bao sau bằng phẫu thuật	Lần	680,200
1517	Mở bè có hoặc không cắt bè	Lần	1,202,600
1518	Mức nội nhãn	Lần	599,800
1519	Nạo vết tổ chức hốc mắt	Lần	1,322,100
1520	Nối thông lệ mũi có hoặc không đặt ống silicon có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Lần	1,130,200
1521	Phẫu thuật bong võng mạc, cắt dịch kính có hoặc không laser nội nhãn, có hoặc không dùng dầu/khí nội nhãn	Lần	3,206,300
1522	Phẫu thuật cắt móng mắt chu biên	Lần	570,300
1523	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	698,800
1524	Phẫu thuật cố định IOL thì hai + cắt dịch kính	Lần	1,322,100
1525	Phẫu thuật đặt thể thủy tinh nhân tạo (IOL) thì 2 (không cắt dịch kính)	Lần	2,020,300
1526	Phẫu thuật Epicanthus	Lần	930,200
1527	Phẫu thuật gấp cân cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	Lần	1,402,600
1528	Phẫu thuật glôcôm ác tính trên mắt độc nhất, gần mù	Lần	3,206,300
1529	Phẫu thuật hẹp khe mi	Lần	763,600
1530	Phẫu thuật lác phức tạp (di thực cơ, phẫu thuật cơ chéo, faden...)	Lần	913,600
1531	Phẫu thuật lác thông thường	Lần	830,200
1532	Phẫu thuật lác thông thường	Lần	1,220,300
1533	Phẫu thuật lấy thể thủy tinh ngoài bao có hoặc không đặt IOL	Lần	1,722,100
1534	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	1,572,200
1535	Phẫu thuật mở rộng khe mi	Lần	763,600
1536	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Lần	930,200
1537	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	Lần	930,200
1538	Phẫu thuật quặm	Lần	2,068,800
1539	Phẫu thuật rút ngắn cơ nâng mi trên điều trị sụp mi	Lần	1,402,600
1540	Phẫu thuật tán nhuyễn thể thủy tinh bằng siêu âm (phaco) có hoặc không đặt IOL	Lần	2,752,600

1541	Phẫu thuật tạo cùng đồ để lắp mắt giả	Lần	1,244,100
1542	Phẫu thuật tạo hình nếp mi	Lần	930,200
1543	Phẫu thuật tạo hình nếp mi	Lần	1,213,600
1544	Phẫu thuật treo mi - cơ trán (bằng silicon, cân cơ đuôi...) điều trị sụp mi	Lần	1,402,600
1545	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	935,200
1546	Rửa chất nhân tiền phòng	Lần	830,200
1547	Rửa tiền phòng (máu, xuất tiết, mù, hóa chất...)	Lần	830,200
1548	Sinh thiết tổ chức hốc mắt	Lần	151,000
1549	Sinh thiết tổ chức kết mạc	Lần	151,000
1550	Sinh thiết tổ chức mi	Lần	151,000
1551	Tách dính mi cầu, ghép kết mạc rời hoặc màng ối	Lần	2,561,900
1552	Tái tạo lệ quản kết hợp khâu mi	Lần	1,644,100
1553	Thăm dò, khâu vết thương cùng mạc	Lần	1,244,100
1554	Vá da tạo hình mi	Lần	1,194,100
1555	Vá da, niêm mạc tạo cùng đồ có hoặc không tách dính mi cầu	Lần	1,244,100
1556	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	1,188,600
1557	Xử lý vết thương phần mềm, tổn thương nông vùng mắt	Lần	1,043,500
1558	Chỉnh hình tai giữa có tái tạo chuỗi xương con	Lần	6,641,000
1559	Chỉnh hình tai giữa không tái tạo chuỗi xương con	Lần	4,058,900
1560	Đặt ống thông khí màng nhĩ	Lần	3,209,900
1561	Khâu phục hồi tổn thương đơn giản miệng, họng	Lần	1,075,700
1562	Mở sào bào	Lần	4,058,900
1563	Mở sào bào, thượng nhĩ	Lần	4,058,900
1564	Mở sào bào thượng nhĩ, vá nhĩ	Lần	4,058,900
1565	Nâng xương chính mũi sau chấn thương	Lần	2,804,100
1566	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	1,833,000
1567	Nội soi cầm máu sau phẫu thuật vùng hạ họng, thanh quản	Lần	3,045,800
1568	Phẫu thuật cắt Amidan	Lần	1,761,400
1569	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	Lần	2,122,100
1570	Phẫu thuật cắt bỏ u ống tai ngoài	Lần	634,500
1571	Phẫu thuật cắt xoang hơi cuốn mũi giữa	Lần	4,211,900
1572	Phẫu thuật cắt polyp mũi bằng laser	Lần	3,391,900
1573	Phẫu thuật cắt u Amidan	Lần	1,761,400
1574	Phẫu thuật chấn thương xoang sàng- hàm	Lần	5,657,000
1575	Phẫu thuật chấn thương xoang trán	Lần	5,657,000
1576	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Lần	1,632,200
1577	Phẫu thuật quặm (Panas, Cuenod, Nataf, Trabut)	Lần	1,387,000
1578	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới	Lần	4,211,900
1579	Phẫu thuật chỉnh hình cuốn mũi dưới bằng laser	Lần	4,211,900
1580	Phẫu thuật chỉnh hình hốc mũi tiết căn xương chũm	Lần	4,058,900
1581	Phẫu thuật chỉnh hình sống mũi sau chấn thương	Lần	2,804,100
1582	Phẫu thuật chỉnh hình tai giữa type I, II, III, IV	Lần	5,530,000
1583	Phẫu thuật chỉnh hình vách ngăn	Lần	3,526,900
1584	Phẫu thuật cuốn mũi dưới bằng sóng cao tần	Lần	4,211,900
1585	Phẫu thuật dính mép trước dây thanh	Lần	2,333,000

1586	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Lần	580,400
1587	Phẫu thuật lấy đường rò luân nhĩ	Lần	3,209,900
1588	Phẫu thuật quặm bằng ghép niêm mạc môi (Sapejko)	Lần	1,387,000
1589	Phẫu thuật mở cạnh mũi	Lần	5,244,100
1590	Phẫu thuật mở hòm nhĩ kiểm tra/lấy tổn thương, lấy dị vật	Lần	1,646,800
1591	Phẫu thuật mở khí quản thể khó (trẻ sơ sinh, sau xạ trị, u vùng cổ, K tuyến giáp,...)	Lần	2,333,000
1592	Phẫu thuật mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Lần	1,075,700
1593	Phẫu thuật mở xoang hàm	Lần	1,646,800
1594	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	Lần	4,936,000
1595	Phẫu thuật nạo VA nội soi	Lần	3,045,800
1596	Phẫu thuật nạo vét sụn vành tai	Lần	1,075,700
1597	Phẫu thuật nội soi bịt lỗ thủng vách ngăn mũi	Lần	3,526,900
1598	Phẫu thuật nội soi bơm chất làm đầy dây thanh	Lần	3,180,600
1599	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da dưới hướng dẫn của cắt lớp hoặc cộng hưởng từ	Lần	764,500
1600	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi	Lần	2,981,800
1601	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau nạo VA (gây mê)	Lần	1,075,700
1602	Phẫu thuật nội soi cầm máu sau phẫu thuật nội soi mũi xoang	Lần	1,658,900
1603	Phẫu thuật nội soi cắt cuốn dưới	Lần	4,211,900
1604	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh	Lần	6,045,000
1605	Phẫu thuật nội soi cắt dây thanh bằng laser	Lần	4,936,000
1606	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản (papiloma, kén hơi thanh quản,...) (gây tê/gây mê)	Lần	4,535,700
1607	Phẫu thuật nội soi cắt u lành tính thanh quản bằng laser	Lần	4,535,700
1608	Phẫu thuật nội soi cắt u mũi xoang	Lần	9,611,800
1609	Phẫu thuật nội soi cắt u nang hạ họng/hở lưỡi thanh thiệt	Lần	3,340,900
1610	Bít thông liên nhĩ [dưới DSA]	Lần	7,118,100
1611	Phẫu thuật nội soi cắt u vùng vòm mũi họng	Lần	3,045,800
1612	Phẫu thuật nội soi cắt u xơ mạch vòm mũi họng	Lần	9,151,800
1613	Phẫu thuật nội soi cắt vách mũi xoang	Lần	3,526,900
1614	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi dưới	Lần	4,211,900
1615	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình cuốn mũi giữa	Lần	4,211,900
1616	Phẫu thuật nội soi chỉnh hình vách ngăn mũi	Lần	3,526,900
1617	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ	Lần	3,209,900
1618	Phẫu thuật nội soi mở các xoang sàng, hàm, trán, bướm	Lần	9,076,600
1619	Phẫu thuật nội soi mở dẫn lưu/cắt bỏ u nhày xoang	Lần	5,244,100
1620	Phẫu thuật nội soi mở lỗ thông mũi xoang qua khe dưới	Lần	1,075,700
1621	Bít thông liên thất [dưới DSA]	Lần	7,118,100
1622	Phẫu thuật nội soi mở xoang hàm	Lần	3,180,600
1623	Phẫu thuật nội soi mở xoang sàng	Lần	3,180,600
1624	Phẫu thuật nội soi mở xoang trán	Lần	4,211,900
1625	Phẫu thuật nội soi nạo VA bằng dụng cụ cắt hút	Lần	1,658,900
1626	Phẫu thuật nội soi tách dính dây thanh	Lần	3,180,600
1627	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi	Lần	1,646,800
1628	Phẫu thuật nội soi tách dính niêm mạc hốc mũi bằng laser	Lần	1,646,800

1629	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm	Lần	5,201,900
1630	Phẫu thuật nội soi tiết căn xương chũm cải biên	Lần	5,201,900
1631	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/ polyp/ hạt xo/u hạt dây thanh (gây tê/gây mê)	Lần	3,180,600
1632	Phẫu thuật nội soi vi phẫu thanh quản cắt u nang/polyp/hạt xo/u hạt dây thanh bằng ống soi mềm gây tê	Lần	3,180,600
1633	Phẫu thuật rò xoang lê	Lần	4,936,000
1634	Phẫu thuật tai xương chũm trong viêm màng não	Lần	5,537,100
1635	Phẫu thuật tạo hình chít hẹp ống tai ngoài	Lần	4,058,900
1636	Phẫu thuật tạo hình màng nhĩ	Lần	3,209,900
1637	Phẫu thuật tạo hình tai giữa	Lần	5,530,000
1638	Phẫu thuật thủng vách ngăn mũi	Lần	3,526,900
1639	Phẫu thuật tiết căn xương chũm	Lần	5,537,100
1640	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên	Lần	5,537,100
1641	Chụp và bơm thuốc tiêu sợi huyết đường động mạch điều trị tắc động mạch não cấp số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1642	Phẫu thuật tiết căn xương chũm cải biên - chỉnh hình tai giữa	Lần	5,537,100
1643	Phẫu thuật tịt lỗ mũi sau bẩm sinh	Lần	4,211,900
1644	Phẫu thuật treo sụn phễu	Lần	2,333,000
1645	Phẫu thuật vá nhĩ bằng nội soi	Lần	3,209,900
1646	Phẫu thuật vỡ xoang hàm	Lần	5,657,000
1647	Phẫu thuật xoang hàm Caldwell-Luc	Lần	1,646,800
1648	Phẫu thuật xử trí chảy máu sau cắt Amidan (gây mê)	Lần	3,045,800
1649	Phẫu thuật xương chũm đơn thuần	Lần	4,058,900
1650	Vá nhĩ đơn thuần	Lần	4,058,900
1651	Cắt dị dạng bạch mạch đầu mặt cổ	Lần	3,488,600
1652	Chụp và can thiệp các bệnh lý hệ tĩnh mạch não số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1653	Cắt u máu vùng đầu mặt cổ	Lần	3,488,600
1654	Khâu phục hồi bờ mi	Lần	813,600
1655	Nối gân duỗi	Lần	3,302,900
1656	Nối gân gấp	Lần	3,302,900
1657	Phẫu thuật cắt bỏ khối u da ác tính mi mắt	Lần	4,421,700
1658	Phẫu thuật cắt bỏ tuyến vú phụ	Lần	3,135,800
1659	Phẫu thuật cắt bỏ u da ác tính vành tai	Lần	4,421,700
1660	Phẫu thuật cắt bỏ u tuyến vú lành tính philoid	Lần	3,135,800
1661	Phẫu thuật cắt bỏ u xơ vú	Lần	3,135,800
1662	Phẫu thuật cắt bỏ vú thừa	Lần	3,135,800
1663	Chụp và can thiệp động mạch chủ ngực dưới X-quang tăng sáng	Lần	8,118,100
1664	Phẫu thuật điều trị ung thư da vú bằng vật da tại chỗ	Lần	5,363,900
1665	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da lân cận	Lần	3,720,600
1666	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng các vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1667	Phẫu thuật điều trị vết thương bàn tay bằng ghép da tự thân	Lần	5,449,400
1668	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da lân cận	Lần	3,720,600
1669	Phẫu thuật điều trị vết thương ngón tay bằng các vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1670	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng chất liệu nhân tạo	Lần	5,074,300
1671	Phẫu thuật độn khuyết xương sọ bằng xương tự thân	Lần	5,074,300

1672	Phẫu thuật gãy đốt bàn ngón tay kết hợp xương với Kirschner hoặc nẹp vít	Lần	4,102,500
1673	Phẫu thuật ghép da tự thân các khuyết phần mềm cẳng tay	Lần	5,449,400
1674	Chụp và can thiệp lấy huyết khối động mạch não số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1675	Phẫu thuật ghép da tự thân vùng mi mắt	Lần	3,044,900
1676	Phẫu thuật ghép mỡ trung bì tự thân điều trị lõm mắt	Lần	4,630,500
1677	Phẫu thuật ghép mỡ tự thân coleman điều trị lõm mắt	Lần	4,630,500
1678	Phẫu thuật ghép xương tự thân tức thì sau cắt đoạn xương hàm trên	Lần	5,105,100
1679	Phẫu thuật hẹp khe mi	Lần	763,600
1680	Phẫu thuật khâu đơn giản vết thương vùng mặt cổ	Lần	2,767,900
1681	Phẫu thuật khâu vết thương thẩu má và ống tuyến nước bọt	Lần	3,493,200
1682	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	3,493,200
1683	Phẫu thuật sửa sẹo co khuỷu bằng vật tại chỗ	Lần	3,720,600
1684	Phẫu thuật sửa sẹo co nách bằng vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1685	Phẫu thuật mông có ghép (kết mạc rời tự thân, màng ối...) có hoặc không áp thuốc chống chuyển hóa	Lần	1,083,600
1686	Chụp và can thiệp mạch chủ bụng số hóa xóa nền	Lần	9,368,100
1687	Phẫu thuật sửa sẹo vùng cổ, mặt bằng vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1688	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi hai bên	Lần	2,988,600
1689	Phẫu thuật tạo hình biến dạng môi trong sẹo khe hở môi một bên	Lần	2,888,600
1690	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng ghép da lân cận	Lần	3,720,600
1691	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng bàn chân bằng vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1692	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da lân cận	Lần	3,720,600
1693	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng cẳng chân bằng vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1694	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da lân cận	Lần	3,720,600
1695	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng đùi bằng vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1696	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da lân cận	Lần	3,720,600
1697	Chụp và can thiệp mạch chủ ngực số hóa xóa nền	Lần	9,368,100
1698	Phẫu thuật tạo hình các khuyết da vùng khoeo bằng vật da tại chỗ	Lần	3,720,600
1699	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vật lân cận	Lần	3,720,600
1700	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cẳng tay bằng vật tại chỗ	Lần	3,720,600
1701	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vật lân cận	Lần	3,720,600
1702	Phẫu thuật tạo hình các khuyết phần mềm phức tạp cánh tay bằng vật tại chỗ	Lần	3,720,600
1703	Phẫu thuật tạo vật da lân cận che phủ các khuyết da đầu	Lần	5,363,900
1704	Phẫu thuật tạo vật da lân cận cho vết thương khuyết da mi	Lần	5,363,900
1705	Phẫu thuật tạo vật da tại chỗ cho vết thương khuyết da mi	Lần	5,363,900
1706	Phẫu thuật vết thương phần mềm vùng hàm mặt không thiếu hồng tổ chức	Lần	2,767,900
1707	Phẫu thuật vết thương vùng hàm mặt do hoá khí	Lần	3,493,200
1708	Chụp và điều trị phình động mạch não bằng thay đổi dòng chảy số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1709	Tạo hình khuyết da đầu bằng vật da tại chỗ	Lần	5,363,900

1710	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Lần	178,900
1711	Cấy lại răng bị bật khỏi ổ răng	Lần	601,000
1712	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gãy mê hoặc gãy tê)	Lần	3,197,900
1713	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng buộc nút Ivy cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
1714	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
1715	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít neo chặn cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
1716	Điều trị tủy lại	Lần	987,500
1717	Điều trị tủy răng sữa	Lần	296,100
1718	Chụp và nong hẹp động mạch nội sọ số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1719	Điều trị tủy răng sữa	Lần	415,500
1720	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Lần	631,000
1721	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Lần	861,000
1722	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Lần	455,500
1723	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội	Lần	991,000
1724	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Lần	631,000
1725	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Lần	861,000
1726	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Lần	455,500
1727	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay cầm tay	Lần	991,000
1728	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Lần	631,000
1729	Chụp và nút dị dạng mạch tủy số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1730	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Lần	861,000
1731	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Lần	455,500
1732	Điều trị tủy răng và hàn kín hệ thống ống tủy bằng Gutta percha nguội có sử dụng trâm xoay máy	Lần	991,000
1733	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Lần	1,832,000
1734	Phẫu thuật cắt phanh lưỡi	Lần	344,200
1735	Phẫu thuật cắt phanh má	Lần	344,200
1736	Phẫu thuật cắt phanh môi	Lần	344,200
1737	Phẫu thuật điều trị đa chấn thương vùng hàm mặt	Lần	4,733,900
1738	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng chỉ thép	Lần	3,297,900
1739	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
1740	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch màng cứng số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1741	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort I bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,297,900
1742	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,297,900
1743	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng chỉ thép	Lần	3,297,900
1744	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
1745	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort III bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,297,900
1746	Phẫu thuật điều trị gãy lõm cầu xương hàm dưới bằng chỉ thép	Lần	2,997,900

1747	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	3,197,900
1748	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,197,900
1749	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	3,197,900
1750	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng chỉ thép	Lần	2,897,900
1751	Chụp và nút dị dạng thông động tĩnh mạch não số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1752	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,897,900
1753	Phẫu thuật điều trị gãy xương hàm dưới bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,897,900
1754	Phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt hai bên	Lần	4,133,900
1755	Phẫu thuật điều trị khe hở chéo mặt một bên	Lần	4,133,900
1756	Phẫu thuật điều trị khe hở môi hai bên	Lần	2,988,600
1757	Phẫu thuật điều trị khe hở môi một bên	Lần	2,888,600
1758	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng không toàn bộ	Lần	2,888,600
1759	Phẫu thuật điều trị khe hở vòm miệng toàn bộ	Lần	2,888,600
1760	Phẫu thuật lấy sỏi ống Wharton tuyến dưới hàm	Lần	1,051,700
1761	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần	369,500
1762	Chụp và nút phình động mạch não số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1763	Phẫu thuật rạch dẫn lưu viêm tấy lan toả vùng hàm mặt	Lần	2,497,500
1764	Nội soi màng phổi sinh thiết	Lần	5,859,300
1765	Nội soi màng phổi, gây dính bằng thuốc/hóa chất	Lần	5,081,300
1766	Nội soi màng phổi, sinh thiết màng phổi	Lần	5,859,300
1767	Bóc màng phổi trong dày dính màng phổi	Lần	7,392,200
1768	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần	1,369,400
1769	Bóc, cắt u bã đậu, u mỡ dưới da đầu đường kính trên 10 cm	Lần	1,208,800
1770	Bơm hơi tiền phòng	Lần	1,244,100
1771	Bóp sỏi bằng quang qua nội soi (bóp sỏi cơ học)	Lần	1,345,000
1772	Chụp và tạo luồn thông cửa chủ qua da (TIPS) số hóa xóa nền	Lần	9,418,100
1773	Cấp cứu nối niệu đạo do vỡ xương chậu	Lần	4,621,100
1774	Cắt 1 phổi	Lần	9,583,300
1775	Cắt 1 thùy hay 1 phân thùy phổi	Lần	9,583,300
1776	Cắt 1 thùy kèm cắt 1 phân thùy phổi điển hình	Lần	9,583,300
1777	Cắt 2/3 dạ dày do loét, viêm, u lành	Lần	5,495,300
1778	Cắt bàng quang, đưa niệu quản ra ngoài da	Lần	5,887,300
1779	Cắt bề có sử dụng thuốc chống chuyển hóa: Áp hoặc tiêm 5FU	Lần	1,344,100
1780	Cắt bề có sử dụng thuốc chống chuyển hóa: Áp mytomicin C	Lần	1,344,100
1781	Cắt bỏ nang ống mật chủ và nối mật ruột	Lần	4,870,100
1782	Chụp, nong và đặt stent điều trị hẹp động mạch ngoài sọ (mạch cảnh, đốt sống) số hóa xóa nền	Lần	9,968,100
1783	Cắt bỏ nang xương hàm dưới 2 cm	Lần	3,228,100
1784	Cắt bỏ nang xương hàm từ 2-5 cm	Lần	3,228,100
1785	Cắt bỏ nhãn cầu ± cắt thị thần kinh dài	Lần	830,200
1786	Cắt bỏ tinh hoàn	Lần	2,490,900
1787	Cắt bỏ tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,490,900
1788	Cắt bỏ trĩ vòng	Lần	2,816,900
1789	Cắt bỏ túi lệ	Lần	930,200
1790	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm trên 5 cm	Lần	3,397,900

1791	Cắt bỏ u lành tính vùng tuyến nước bọt mang tai hoặc dưới hàm từ 2-5 cm	Lần	3,397,900
1792	Cắt chỉ và vét hạch do ung thư	Lần	3,994,900
1793	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	Lần	1,632,200
1794	Cắt chỏm nang thận nội soi sau phúc mạc	Lần	4,596,000
1795	Cắt cơ tròn trong	Lần	2,816,900
1796	Cắt củng mạc sâu đơn thuần	Lần	1,202,600
1797	Cắt cụt cẳng chân	Lần	3,994,900
1798	Cắt cụt cẳng chân do ung thư	Lần	3,994,900
1799	Cắt cụt cẳng tay	Lần	3,994,900
1800	Cắt cụt cánh tay	Lần	3,994,900
1801	Cắt cụt cổ tử cung	Lần	3,019,800
1802	Cắt cụt cổ tử cung	Lần	3,019,800
1803	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	2,566,900
1804	Cắt cụt đuôi do ung thư chi dưới	Lần	3,994,900
1805	Cắt cụt dưới mấu chuyển xương đùi	Lần	3,994,900
1806	Cắt đại trực tràng nội soi, nối máy	Lần	4,663,800
1807	Cắt dịch kính điều trị tổ chức hóa dịch kính	Lần	3,206,300
1808	Cắt dịch kính điều trị viêm mủ nội nhãn	Lần	3,206,300
1809	Cắt đoạn đại tràng	Lần	4,941,100
1810	Cắt đoạn đại tràng nội soi, nối tay	Lần	4,663,800
1811	Cắt đoạn khớp khuỷu	Lần	3,994,900
1812	Cắt đoạn ống mật chủ, nối rốn gan - hồng tràng	Lần	4,870,100
1813	Cắt đoạn ruột non	Lần	5,100,100
1814	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	2,566,900
1815	Cắt đơn vị thận phụ với niệu quản lạc chỗ trong thận niệu quản đôi	Lần	4,703,100
1816	Cắt đuôi tụy	Lần	4,955,100
1817	Cắt đường rò bàng quang rốn, khâu lại bàng quang	Lần	4,886,100
1818	Cắt đường rò bàng quang - rốn, khâu lại bàng quang	Lần	4,886,100
1819	Cắt eo thận móng ngựa qua nội soi	Lần	4,781,900
1820	Cắt gan khâu vết thương mạch máu: tĩnh mạch trên gan, tĩnh mạch chủ dưới	Lần	9,075,300
1821	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan lớn	Lần	9,075,300
1822	Cắt gan không điển hình do vỡ gan, cắt gan nhỏ	Lần	9,075,300
1823	Cắt gan phải hoặc gan trái	Lần	9,075,300
1824	Cắt hạ phân thùy gan	Lần	9,075,300
1825	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	4,251,300
1826	Cắt khối tá - tụy	Lần	11,801,200
1827	Cắt khối u vùng họng miệng bằng laser	Lần	7,480,000
1828	Cắt lách bán phần do chấn thương	Lần	4,943,100
1829	Cắt lách bệnh lý do ung thư, áp xe, xơ lách, huyết tán...	Lần	4,943,100
1830	Cắt lách toàn bộ do chấn thương	Lần	4,943,100
1831	Cắt lại đại tràng	Lần	4,941,100
1832	Cắt lọc da, cơ, cân trên 3% diện tích cơ thể	Lần	3,226,900
1833	Cắt lọc vết thương gãy xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Lần	5,204,600

1834	Cắt lọc vết thương gây xương hở, nắn chỉnh cố định tạm thời	Lần	5,204,600
1835	Cắt lọc, khâu vết thương rách da đầu	Lần	2,767,900
1836	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,701,300
1837	Cắt màng thành ngực điều trị ổ cận màng phổi (Schede)	Lần	7,392,200
1838	Cắt màng xuất tiết diện đồng tử, cắt màng đồng tử	Lần	1,032,600
1839	Cắt một nửa thận	Lần	4,703,100
1840	Cắt một phần bàng quang	Lần	5,887,300
1841	Cắt 1 thùy kèm cắt một phần thùy điển hình do ung thư	Lần	9,583,300
1842	Cắt 1 thùy phổi hoặc một phần thùy phổi do ung thư	Lần	9,583,300
1843	Cắt nang giáp móng	Lần	2,289,300
1844	Cắt nang giáp móng	Lần	2,289,300
1845	Cắt nang răng đường kính dưới 2 cm	Lần	3,228,100
1846	Cắt nang vùng sàn miệng	Lần	3,078,100
1847	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,319,300
1848	Cắt nang vùng sàn miệng và tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	4,944,000
1849	Cắt nang/polyp rốn	Lần	1,509,500
1850	Cắt nối niệu đạo sau	Lần	4,621,100
1851	Cắt nối niệu đạo trước	Lần	4,621,100
1852	Cắt nối niệu quản	Lần	6,374,200
1853	Cắt phổi không điển hình do ung thư	Lần	9,583,300
1854	Cắt phổi và cắt màng phổi	Lần	9,583,300
1855	Cắt polyp ống tai	Lần	2,122,100
1856	Cắt polyp trực tràng	Lần	1,108,300
1857	Cắt rò xoang lệ	Lần	4,936,000
1858	Cắt bỏ hoại tử tiếp tuyến bóng sâu từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	3,701,300
1859	Cắt teratoma/u tế bào mầm vùng cùng cụt bằng đường mổ cùng cụt	Lần	5,141,100
1860	Cắt teratoma/u tế bào mầm vùng tiểu khung, ổ bụng bằng đường mổ cùng cụt kết hợp đường bụng	Lần	5,141,100
1861	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi qua phúc mạc	Lần	4,781,900
1862	Cắt thận bệnh lý lành tính nội soi sau phúc mạc	Lần	4,781,900
1863	Cắt thận đơn thuần	Lần	4,703,100
1864	Cắt thận tận gốc qua nội soi ổ bụng hay mổ mở (bướu wilm)	Lần	4,781,900
1865	Cắt thận và niệu quản do u niệu quản, u đường bài xuất	Lần	4,703,100
1866	Cắt thân + đuôi tụy	Lần	4,955,100
1867	Cắt thị thần kinh	Lần	830,200
1868	Cắt thùy phổi hoặc cắt lá phổi kèm cắt một mảng thành ngực	Lần	9,583,300
1869	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bóng sâu dưới 1% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	2,595,900
1870	Cắt thùy phổi hoặc cắt lá phổi kèm vết hạch trung thất	Lần	9,583,300
1871	Cắt thùy phổi, phần phổi còn lại	Lần	9,583,300
1872	Cắt toàn bộ bàng quang kèm tạo hình ruột - bàng quang	Lần	5,887,300
1873	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Lần	4,703,100
1874	Cắt toàn bộ thận và niệu quản	Lần	4,703,100
1875	Cắt toàn bộ tử cung, đường bụng	Lần	4,308,300
1876	Cắt toàn bộ tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	Lần	4,944,000
1877	Cắt trĩ từ 2 búi trở lên	Lần	2,816,900

1878	Cắt túi mật	Lần	4,993,100
1879	Cắt túi thừa tá tràng	Lần	4,764,100
1880	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu dưới 3% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	2,595,900
1881	Cắt túi thừa thực quản cổ	Lần	8,225,300
1882	Cắt túi thừa thực quản ngực	Lần	8,225,300
1883	Cắt tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	4,944,000
1884	Cắt u Amidan qua đường miệng	Lần	2,487,100
1885	Cắt u Amidan qua đường miệng	Lần	1,761,400
1886	Cắt u bạch mạch, đường kính bằng và trên 10 cm	Lần	3,488,600
1887	Cắt u cơ vùng hàm mặt	Lần	2,928,100
1888	Cắt u cuộn cảnh	Lần	8,131,800
1889	Cắt u da đầu lạnh, đường kính dưới 5 cm	Lần	771,000
1890	Cắt u da đầu lạnh, đường kính từ 5 cm trở lên	Lần	1,208,800
1891	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,718,300
1892	Cắt u da vùng mặt, tạo hình	Lần	1,322,100
1893	Cắt u kết mạc không vá	Lần	768,600
1894	Cắt u kết mạc, giác mạc không vá	Lần	768,600
1895	Cắt u máu - bạch mạch vùng hàm mặt	Lần	3,488,600
1896	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính 5 đến 10 cm	Lần	1,208,800
1897	Cắt u máu dưới da đầu có đường kính trên 10 cm	Lần	1,208,800
1898	Cắt u máu hay bạch mạch vùng cổ, vùng trên xương đòn, vùng nách xâm lấn các mạch máu lớn	Lần	3,488,600
1899	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính 5 - 10 cm	Lần	3,311,900
1900	Cắt u máu, u bạch huyết đường kính trên 10 cm	Lần	3,311,900
1901	Phẫu thuật mộng có ghép (kết mạc tự thân, màng ối...) có hoặc không sử dụng keo dán sinh học	Lần	1,083,600
1902	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu trên 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	4,188,300
1903	Cắt u máu, u bạch mạch vùng đầu phức tạp, khó	Lần	3,488,600
1904	Cắt u máu, u bạch mạch vùng phức tạp, khó	Lần	3,488,600
1905	Cắt u mi cả bề dày không vá	Lần	812,100
1906	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính dưới 5 cm	Lần	2,928,100
1907	Cắt u mỡ, u bã đậu vùng hàm mặt đường kính trên 5 cm	Lần	2,928,100
1908	Cắt u nang buồng trứng	Lần	3,217,800
1909	Cắt u nang buồng trứng	Lần	3,217,800
1910	Cắt u nang buồng trứng và phần phụ	Lần	3,217,800
1911	Cắt u nang buồng trứng xoắn	Lần	3,217,800
1912	Cắt u nang hạ họng - thanh quản qua nội soi	Lần	3,340,900
1913	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 1% - 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,245,200
1914	Cắt u thận kèm lấy huyết khối tĩnh mạch chủ dưới	Lần	4,703,100
1915	Cắt u thành âm đạo	Lần	2,268,300
1916	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	Lần	6,815,100
1917	Cắt u tuyến mang tai bảo tồn dây thần kinh VII	Lần	4,944,000
1918	Cắt u tuyến nước bọt dưới hàm	Lần	3,397,900
1919	Cắt u tuyến nước bọt mang tai	Lần	4,944,000
1920	Cắt u tuyến thượng thận	Lần	6,823,200

1921	Cắt u vú lành tính	Lần	3,135,800
1922	Cắt u vùng tuyến mang tai	Lần	4,944,000
1923	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính dưới 3 cm	Lần	2,928,100
1924	Cắt bỏ hoại tử toàn lớp bỏng sâu từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	3,718,300
1925	Cắt u xơ vùng hàm mặt đường kính trên 3 cm	Lần	2,928,100
1926	Cắt u xương sườn 1 xương	Lần	4,085,900
1927	Cắt u xương sườn nhiều xương	Lần	4,085,900
1928	Cắt u xương, sụn	Lần	4,085,900
1929	Cắt ung thư Amidan/thanh quản và nạo vét hạch cổ	Lần	5,980,000
1930	Cắt ung thư biểu mô vùng mặt + tạo hình vạt da, đóng khuyết da bằng phẫu thuật tạo hình thẩm mỹ đường kính từ 5 cm trở lên	Lần	8,570,200
1931	Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt toàn bộ tử cung và mạc nối lớn	Lần	8,769,200
1932	Cắt ung thư buồng trứng kèm cắt tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Lần	6,836,200
1933	Cắt ung thư- buồng trứng lan rộng	Lần	6,836,200
1934	Cắt ung thư da có vảy da rộng đường kính dưới 5 cm	Lần	8,570,200
1935	Cắt sẹo ghép da dày toàn lớp kiểu wolf- krause	Lần	4,938,500
1936	Cắt ung thư da có vảy da rộng đường kính trên 5 cm	Lần	8,570,200
1937	Cắt ung thư da vùng hàm mặt và tạo hình bằng vạt tại chỗ	Lần	8,570,200
1938	Cắt ung thư lưỡi và tạo hình tại chỗ	Lần	7,249,700
1939	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt từ xa	Lần	8,570,200
1940	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm và hạch cổ	Lần	8,570,200
1941	Cắt ung thư vùng hàm mặt có nạo vét hạch dưới hàm, hạch cổ và tạo hình bằng vạt tại chỗ	Lần	8,570,200
1942	Trích áp xe tầng sinh môn	Lần	873,000
1943	Trích mủ mắt	Lần	510,700
1944	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	Lần	4,005,600
1945	Trích rạch màng trinh điều trị ứ dịch âm đạo, tử cung	Lần	885,400
1946	Chỉnh hình tai giữa	Lần	5,530,000
1947	Chọc hút dịch tụ huyết vành tai	Lần	64,300
1948	Chuyển vạt da có cuống mạch	Lần	3,720,600
1949	Chuyển xoay vạt da ghép có cuống mạch liền không nối	Lần	3,720,600
1950	Chuyển xoay vạt da, cơ ghép có cuống mạch liền không nối	Lần	3,720,600
1951	Cố định cột sống bằng vít qua cuống	Lần	5,798,100
1952	Cố định cột sống và hàn khớp qua liên thân đường sau (PLiP)	Lần	5,798,100
1953	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng các nút Ivy	Lần	2,897,900
1954	Cố định điều trị gãy xương hàm dưới bằng vít	Lần	2,897,900
1955	Cắt sẹo khâu kín	Lần	3,683,600
1956	Cố định Kirschner trong gãy đầu trên xương cánh tay	Lần	4,324,900
1957	Cố định nẹp vít gãy liên lồi cầu cánh tay	Lần	4,102,500
1958	Cố định nẹp vít gãy thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
1959	Cố định nẹp vít gãy trật khớp vai	Lần	4,102,500
1960	Cố định ngoài điều trị gãy khung chậu	Lần	4,102,500
1961	Cố định ngoài điều trị gãy xương cẳng chân	Lần	4,102,500

1962	Cố định ngoài điều trị gãy xương đùi	Lần	4,102,500
1963	Dẫn lưu áp xe cơ đùi chậu	Lần	3,142,500
1964	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành	Lần	3,142,500
1965	Dẫn lưu áp xe dưới cơ hoành có cắt xương sườn	Lần	3,142,500
1966	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 3% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,065,600
1967	Dẫn lưu áp xe hậu môn đơn giản	Lần	873,000
1968	Dẫn lưu áp xe ruột thừa	Lần	3,142,500
1969	Dẫn lưu áp xe tụy	Lần	3,142,500
1970	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Lần	2,917,900
1971	Dẫn lưu đường mật ra da	Lần	2,917,900
1972	Dẫn lưu nang ống mật chủ	Lần	2,917,900
1973	Dẫn lưu não thất	Lần	4,474,500
1974	Dẫn lưu niệu quản ra thành bụng 1 bên/2 bên	Lần	2,917,900
1975	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của máy chụp cắt lớp vi tính	Lần	1,251,400
1976	Dẫn lưu ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	729,400
1977	Ghép da tự thân mảnh lớn dưới 5% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	3,065,600
1978	Dẫn lưu túi mật	Lần	2,917,900
1979	Dẫn lưu túi mật và dẫn lưu hậu cung mạc nối kèm lấy tổ chức tụy hoại tử	Lần	2,917,900
1980	Dẫn lưu viêm tấy quanh thận, áp xe thận	Lần	2,917,900
1981	Đánh xẹp thành ngực trong ổ cận màng phổi	Lần	7,392,200
1982	Đặt đinh nẹp gãy xương đùi (xuôi dòng)	Lần	4,102,500
1983	Đặt nẹp điều trị vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	Lần	4,102,500
1984	Đặt nẹp vít điều trị gãy mâm chày và đầu trên xương chày	Lần	4,102,500
1985	Đặt nẹp vít gãy đầu dưới xương chày	Lần	4,102,500
1986	Đặt nẹp vít gãy mắt cá trong, ngoài hoặc Dupuytren	Lần	4,102,500
1987	Đặt nẹp vít gãy thân xương chày	Lần	4,102,500
1988	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	4,415,300
1989	Đặt nẹp vít trong gãy trật xương chêm	Lần	4,102,500
1990	Đặt ống silicon tiên phòng điều trị glôcôm	Lần	1,644,100
1991	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	Lần	1,251,400
1992	Đặt vít gãy thân xương sên	Lần	4,102,500
1993	Đặt vít gãy trật xương thuyền	Lần	4,102,500
1994	Điều trị di lệch góc mắt	Lần	930,200
1995	Điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nắn chỉnh (có gãy mê hoặc gãy tê)	Lần	3,197,900
1996	Điều trị gãy xương hàm dưới bằng cung cố định 2 hàm	Lần	2,897,900
1997	Điều trị sỏi thận bằng phương pháp nội soi ngược dòng bằng ống soi mềm + tán sỏi bằng laser	Lần	1,345,000
1998	Ghép da tự thân mảnh lớn trên 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	4,808,400
1999	Điều trị tủy lại	Lần	987,500
2000	Đóng đinh xương chày mở	Lần	4,102,500
2001	Đóng đinh xương đùi mở, ngược dòng	Lần	4,102,500
2002	Đóng hậu môn nhân tạo	Lần	4,764,100
2003	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu- sinh dục	Lần	4,545,300

2004	Đục nạo xương viêm và chuyển vạt che phủ	Lần	3,720,600
2005	FESS giải quyết các u lành tính	Lần	4,535,700
2006	Găm đinh Kirschner gây đốt bàn nhiều đốt bàn	Lần	4,102,500
2007	Găm Kirschner trong gãy mắt cá	Lần	4,102,500
2008	Ghép da hay vạt da điều trị hở mí do sẹo	Lần	3,044,900
2009	Phẫu thuật mống đơn thuần	Lần	960,200
2010	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 3% - 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,831,300
2011	Ghép da rời rộng mỗi chiều trên 5 cm	Lần	3,263,800
2012	Ghép khuyết xương sọ	Lần	5,074,300
2013	Ghép màng ối, kết mạc điều trị loét, thủng giác mạc	Lần	1,430,500
2014	Ghép trong mắt đoạn xương	Lần	5,105,100
2015	Ghép xương chấn thương cột sống cổ	Lần	5,105,100
2016	Ghép xương chấn thương cột sống thắt lưng	Lần	5,105,100
2017	Gỡ dính gân	Lần	3,302,900
2018	Gỡ dính thần kinh	Lần	3,405,300
2019	Kéo dài cẳng chân bằng phương pháp Ilizarov	Lần	5,265,900
2020	Ghép da tự thân mảnh lớn từ 5% - 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	4,415,300
2021	Kéo dài chi trên bằng phương pháp Ilizarov	Lần	5,265,900
2022	Kéo dài đùi bằng phương pháp Ilizarov	Lần	5,265,900
2023	Kết hợp xương bằng đinh Sign không mở ổ gãy	Lần	4,102,500
2024	Kết hợp xương cột sống cổ lõi sau	Lần	5,592,600
2025	Kết hợp xương cột sống cổ lõi trước	Lần	5,592,600
2026	Kết hợp xương điều trị gãy xương bàn, xương ngón chân	Lần	4,102,500
2027	Kết hợp xương trong gãy xương mác	Lần	4,102,500
2028	Kết xương đinh nẹp khối gãy trên lõi cầu, liên lõi cầu	Lần	4,324,900
2029	Kết xương đinh nẹp một khối gãy liên mấu chuyển hoặc dưới mấu chuyển	Lần	4,102,500
2030	Khâu cơ hoành bị rách hay thủng do chấn thương qua đường ngực	Lần	7,381,300
2031	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq 5\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	5,449,400
2032	Khâu cò mí, tháo cò	Lần	452,400
2033	Khâu củng mạc	Lần	1,322,100
2034	Khâu giác mạc	Lần	799,600
2035	Khâu giác mạc	Lần	1,244,100
2036	Khâu lại mép mô giác mạc, củng mạc	Lần	799,600
2037	Khâu lại vết phẫu thuật lồng ngực bị nhiễm khuẩn	Lần	2,396,200
2038	Khâu lỗ thủng dạ dày, tá tràng đơn thuần	Lần	3,993,400
2039	Khâu nối dây thần kinh ngoại biên	Lần	3,405,300
2040	Khâu nối thần kinh	Lần	3,405,300
2041	Khâu phủ kết mạc	Lần	698,800
2042	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) $\geq 10\%$ diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	5,449,400
2043	Khâu phục hồi bờ mí	Lần	813,600
2044	Khâu rách củng đồ âm đạo	Lần	2,119,400
2045	Khâu vết thương nhu mô phổi	Lần	7,392,200
2046	Khâu vỡ gan do chấn thương, vết thương gan	Lần	5,861,600
2047	Khoan sọ thăm dò	Lần	4,969,100

2048	Làm cứng khớp ở tư- thể chức năng	Lần	4,002,600
2049	Làm hậu môn nhân tạo cấp cứu ở trẻ sơ sinh	Lần	2,683,900
2050	Làm hậu môn nhân tạo trẻ lớn	Lần	2,683,900
2051	Làm lại thành âm đạo, tăng sinh môn	Lần	3,116,800
2052	Lấy bỏ sụn chêm khớp gối	Lần	3,447,900
2053	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	5,449,400
2054	Lấy bỏ tổ chức u điều trị u xương	Lần	4,085,900
2055	Lấy dị vật hóc mắt	Lần	1,013,600
2056	Lấy dị vật tiền phòng	Lần	1,244,100
2057	Lấy dị vật trong củng mạc	Lần	1,013,600
2058	Lấy máu tụ tầng sinh môn	Lần	2,501,900
2059	Lấy máu tụ trong sọ, ngoài màng cứng, dưới màng cứng, trong não	Lần	5,669,600
2060	Lấy sỏi bàng quang lần 2, đóng lỗ rò bàng quang	Lần	4,569,100
2061	Lấy sỏi bể thận ngoài xoang	Lần	4,569,100
2062	Lấy sỏi mở bể thận trong xoang	Lần	4,569,100
2063	Lấy sỏi mở bể thận, đài thận có dẫn lưu thận	Lần	4,569,100
2064	Ghép da tự thân mắt lưới (mesh graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	5,449,400
2065	Lấy sỏi niệu quản	Lần	4,569,100
2066	Lấy sỏi niệu quản đoạn sát bàng quang	Lần	4,569,100
2067	Lấy sỏi niệu quản tái phát, phẫu thuật lại	Lần	4,569,100
2068	Lấy sỏi ống mật chủ kèm cắt phần thủy gan	Lần	9,075,300
2069	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr kèm tạo hình cơ thắt Oddi	Lần	4,970,100
2070	Lấy sỏi ống mật chủ, dẫn lưu ống Kehr, phẫu thuật lại	Lần	7,651,700
2071	Lấy sỏi ống Wirsung, nối Wirsung - hồng tràng	Lần	4,870,100
2072	Lấy sỏi san hô mở rộng thận (Bivalve) có hạ nhiệt	Lần	4,569,100
2073	Lấy sỏi san hô thận	Lần	4,569,100
2074	Lấy thể thủy tinh sa, lệch trong bao phối hợp cắt dịch kính ± cố định IOL	Lần	2,020,300
2075	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) ≥ 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	4,802,600
2076	Lấy thể tinh sa, lệch bằng phương pháp Phaco, phối hợp cắt dịch kính ± IOL	Lần	2,752,600
2077	Lấy u xương, ghép xương tự thân hoặc ghép xương đồng loại điều trị u xương	Lần	5,105,100
2078	Mở bề ± cắt bề	Lần	1,202,600
2079	Mổ bóc nhân xơ vú	Lần	1,079,400
2080	Mở bụng thăm dò	Lần	2,683,900
2081	Mở cung sau cột sống ngực	Lần	4,969,100
2082	Mở dạ dày lấy bã thức ăn	Lần	2,683,900
2083	Mở khí quản	Lần	759,800
2084	Mổ lấy khối máu tụ nội sọ do chấn thương sọ não phức tạp	Lần	5,669,600
2085	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) ≥ 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	4,449,400
2086	Mổ lấy sỏi bàng quang	Lần	4,569,100

2087	Mở lồng ngực lấy dị vật trong phổi	Lần	7,392,200
2088	Mở lồng ngực thăm dò	Lần	3,595,500
2089	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	Lần	3,595,500
2090	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi có cắt thùy phổi	Lần	9,583,300
2091	Mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi trong tràn khí màng phổi tái phát	Lần	7,392,200
2092	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	2,068,800
2093	Mở thông bàng quang	Lần	405,500
2094	Mở thông dạ dày	Lần	2,683,900
2095	Mức nội nhãn	Lần	599,800
2096	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	4,449,400
2097	Nắn gãy Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	Lần	4,102,500
2098	Nắn sai khớp thái dương hàm	Lần	110,800
2099	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Lần	1,832,000
2100	Nắn sống mũi sau chấn thương	Lần	2,804,100
2101	Nắn trượt và cố định cột sống trong trượt đốt sống	Lần	5,798,100
2102	Nâng sàn hốc mắt	Lần	2,925,900
2103	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 1 bên	Lần	4,287,100
2104	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 2 bên	Lần	4,287,100
2105	Nạo vét lỗ đáo có viêm xương	Lần	694,000
2106	Nạo vét lỗ đáo không viêm xương	Lần	649,800
2107	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,777,300
2108	Nạo vét tổ chức hốc mắt	Lần	1,322,100
2109	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gãy xương bánh chè	Lần	4,102,500
2110	Nội dạ dày - ruột (omega hay Roux-en-Y)	Lần	4,764,100
2111	Nội gân đuôi	Lần	3,302,900
2112	Nội gân gấp	Lần	3,302,900
2113	Nội nang tụy - dạ dày	Lần	2,917,900
2114	Nội nang tụy - hồng tràng	Lần	4,870,100
2115	Nội niệu quản - đài thận	Lần	6,374,200
2116	Nội niệu quản - niệu quản trong thận niệu quản đôi còn chức năng	Lần	6,374,200
2117	Nội ống mật chủ - hồng tràng	Lần	4,870,100
2118	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mắt	Lần	2,856,600
2119	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Lần	905,700
2120	Khâu giác mạc	Lần	1,244,100
2121	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	Lần	3,136,900
2122	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	Lần	2,705,700
2123	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	Lần	5,597,800
2124	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở người bệnh GEU	Lần	6,346,300
2125	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	Lần	2,636,500
2126	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	Lần	952,100
2127	Phẫu thuật nạo túi lợi	Lần	89,500
2128	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,297,900
2129	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má - cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,197,900
2130	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,636,500

2131	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	2,636,500
2132	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,636,500
2133	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,636,500
2134	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	Lần	2,767,900
2135	Phẫu thuật lấy mảnh xương sọ hoại tử	Lần	2,396,200
2136	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	Lần	4,936,000
2137	Kỹ thuật đặt van một chiều nội phế quản	Lần	3,308,100
2138	Nội soi phế quản - đặt stent khí, phế quản	Lần	7,740,800
2139	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	Lần	3,431,900
2140	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	Lần	2,913,900
2141	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	Lần	3,663,800
2142	Hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,490,900
2143	Nội soi bàng quang cắt u	Lần	5,030,900
2144	Phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng	Lần	4,747,100
2145	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi + cắt gan thùy trái	Lần	6,632,200
2146	Phẫu thuật nội soi mở ống mật chủ lấy sỏi	Lần	3,431,900
2147	Phẫu thuật nội soi điều trị mất vững khớp vai	Lần	3,602,500
2148	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	Lần	3,136,900
2149	Phẫu thuật khâu phục hồi thành bụng do toác vết mổ	Lần	2,833,400
2150	Phẫu thuật nội soi viêm phúc mạc do viêm ruột thừa	Lần	3,136,900
2151	Phẫu thuật kết hợp xương gãy xương đòn	Lần	4,102,500
2152	Phẫu thuật thay khớp háng bán phần	Lần	3,602,500
2153	Phẫu thuật kết hợp xương gãy thân xương cánh tay	Lần	4,102,500
2154	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung chưa vỡ	Lần	5,503,300
2155	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung thể huyết tụ thành nang	Lần	5,503,300
2156	Phẫu thuật nội soi thai ngoài tử cung vỡ	Lần	5,503,300
2157	Mở cung sau cột sống ngực	Lần	4,670,000
2158	Mở dạ dày lấy bã thức ăn	Lần	2,576,000
2159	Mở khí quản	Lần	734,000
2160	Mổ lấy khối máu tụ nội sọ do chấn thương sọ não phức tạp	Lần	5,295,000
2161	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) $\geq 5\%$ diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	4,105,000
2162	Mổ lấy sỏi bàng quang	Lần	4,270,000
2163	Mở lồng ngực lấy dị vật trong phổi	Lần	6,943,000
2164	Mở lồng ngực thăm dò	Lần	3,398,000
2165	Mở lồng ngực thăm dò, sinh thiết	Lần	3,398,000
2166	Mở lồng ngực trong tràn khí màng phổi có cắt thùy phổi	Lần	8,985,000
2167	Mở ngực nhỏ tạo dính màng phổi trong tràn khí màng phổi tái phát	Lần	6,943,000
2168	Mổ quặm bẩm sinh	Lần	1,921,000
2169	Mở thông bàng quang	Lần	384,000
2170	Mở thông dạ dày	Lần	2,576,000
2171	Mức nội nhãn	Lần	561,000
2172	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần	4,105,000
2173	Nắn găm Kirschner trong gãy Pouteau-Colles	Lần	3,878,000
2174	Nắn sai khớp thái dương hàm	Lần	105,000
2175	Nắn sai khớp thái dương hàm dưới gây mê	Lần	1,724,000

2176	Nắn sống mũi sau chấn thương	Lần	2,720,000
2177	Nắn trượt và cố định cột sống trong trượt đốt sống	Lần	5,499,000
2178	Nâng sàn hốc mắt	Lần	2,818,000
2179	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 1 bên	Lần	3,988,000
2180	Nạo vét hạch cổ chọn lọc hoặc chức năng 2 bên	Lần	3,988,000
2181	Nạo vét ổ chảo có viêm xương	Lần	652,000
2182	Nạo vét ổ chảo không viêm xương	Lần	584,000
2183	Ghép da tự thân tem thư (post stom graft) dưới 5% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần	3,502,000
2184	Nạo vét tổ chức hốc mắt	Lần	1,266,000
2185	Néo ép hoặc buộc vòng chỉ thép gây xương bánh chè	Lần	3,878,000
2186	Nối dạ dày-ruột (omega hay Roux-en-Y)	Lần	4,465,000
2187	Nối gân duỗi	Lần	3,087,000
2188	Nối gân gấp	Lần	3,087,000
2189	Nối nang tụy - dạ dày	Lần	2,756,000
2190	Nối nang tụy - hồng tràng	Lần	4,571,000
2191	Nối niệu quản - đài thận	Lần	5,749,000
2192	Nối niệu quản - niệu quản trong thận niệu quản đôi còn chức năng	Lần	5,749,000
2193	Nối ống mật chủ - hồng tràng	Lần	4,571,000
2194	Cắt lọc hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	Lần	2,621,000
2195	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	2,605,000
2196	Nội soi xé sa lồi lỗ niệu quản	Lần	1,507,000
2197	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Lần	854,000
2198	Nội soi ổ bụng chẩn đoán	Lần	1,507,000
2199	Phẫu thuật nội soi rửa bụng, dẫn lưu	Lần	2,265,000
2200	Khâu giác mạc	Lần	1,160,000
2201	Phẫu thuật nội soi sau phúc mạc lấy sỏi niệu quản	Lần	4,198,000
2202		Lần	4,198,000
2203	Phẫu thuật nội soi khâu thủng dạ dày	Lần	2,984,000
2204	Phẫu thuật nội soi gỡ dính ruột	Lần	2,574,000
2205	Phẫu thuật nội soi thắt tĩnh mạch tĩnh	Lần	1,507,000
2206	Phẫu thuật nội soi cắt chỏm nang gan	Lần	2,265,000
2207	Phẫu thuật nội soi cắt 2/3 dạ dày	Lần	5,275,000
2208	Phẫu thuật nội soi cắt 3/4 dạ dày	Lần	5,275,000
2209	Phẫu thuật nội soi cắt góc tử cung ở bệnh nhân GEU	Lần	6,072,000
2210	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng chỉ thép	Lần	2,385,000
2211	Phẫu thuật vật điều trị túi quanh răng	Lần	868,000
2212	Phẫu thuật nạo túi lợi	Lần	79,700
2213	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng chỉ thép	Lần	3,136,000
2214	Phẫu thuật điều trị gãy Lefort II bằng nẹp vít hợp kim	Lần	3,136,000
2215	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,385,000
2216	Phẫu thuật điều trị gãy xương gò má bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,385,000
2217	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng chỉ thép	Lần	2,385,000
2218	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít hợp kim	Lần	2,385,000
2219	Phẫu thuật điều trị gãy cung tiếp bằng nẹp vít tự tiêu	Lần	2,385,000
2220	Phẫu thuật điều trị vết thương phần mềm vùng hàm mặt có thiếu hồng tổ chức	Lần	2,660,000
2221	Phẫu thuật lấy mảnh xương sọ hoại tử	Lần	2,122,000

2222	Phẫu thuật chấn thương thanh khí quản	Lần	4,732,000
2223	Nội soi phế quản ống mềm gây tê	Lần	768,000
2224	Nội soi phế quản ống mềm gây tê có sinh thiết	Lần	1,159,000
2225	Nội soi phế quản ống mềm gây tê lấy dị vật	Lần	2,618,000
2226	Nội soi phế quản sinh thiết xuyên vách phế quản	Lần	1,159,000
2227	Nội soi phế quản qua ống nội khí quản	Lần	2,248,000
2228	Nội soi phế quản ống mềm ở người bệnh có thở máy	Lần	2,248,000
2229	Nội soi phế quản ống mềm	Lần	768,000
2230	Nội soi phế quản ống mềm gây tê có sinh thiết	Lần	1,159,000
2231	Nội soi phế quản ống mềm dưới gây mê	Lần	1,778,000
2232	Nội soi phế quản dưới gây mê không sinh thiết	Lần	1,478,000
2233	Nội soi phế quản dưới gây mê lấy dị vật phế quản	Lần	3,278,000
2234	Nội soi phế quản ống mềm sinh thiết niêm mạc phế quản	Lần	1,778,000
2235	Nội soi phế quản dưới gây mê lấy dị vật phế quản	Lần	3,278,000
2236	Nội soi phế quản dưới gây mê không sinh thiết	Lần	1,478,000
2237	Kỹ thuật đặt van một chiều nội phế quản	Lần	3,278,000
2238	Nội soi phế quản - đặt stent khí, phế quản	Lần	7,364,000
2239	Nội soi chài phế quản chẩn đoán	Lần	1,159,000
2240	Nội soi chài phế quản chẩn đoán	Lần	1,778,000
2241	Nội soi phế quản sinh thiết ở người bệnh thở máy	Lần	2,248,000
2242	Phẫu thuật nội soi cắt túi mật, mở OMC lấy sỏi, dẫn lưu Kehr	Lần	3,216,000
2243	Phẫu thuật nội soi điều trị rò hậu môn	Lần	2,618,000
2244	Phẫu thuật nội soi cắt - đốt hạch giao cảm ngực	Lần	3,395,000
2245	Phẫu thuật đặt Catheter ổ bụng để lọc màng bụng	Lần	6,815,000
2246	Phẫu thuật tạo thông động tĩnh mạch AVF	Lần	1,926,000
2247	Phẫu thuật thăm dò ngoài màng tim hoặc thăm dò lồng ngực	Lần	2,522,000
2248	Phẫu thuật u máu các vị trí	Lần	2,247,000
2249	Phẫu thuật dẫn lưu màng phổi	Lần	1,589,000
2250	Phẫu thuật cắt ruột thừa	Lần	2,116,000
2251	Phẫu thuật nội soi cổ định trực tràng	Lần	3,393,000
2252	Phẫu thuật dẫn lưu trong (nối tắt) hoặc dẫn lưu ngoài	Lần	2,206,000
2253	Phẫu thuật thăm dò ổ bụng hoặc mở thông dạ dày hoặc mở thông hồng tràng hoặc làm hậu môn nhân tạo	Lần	2,169,000
2254	Phẫu thuật thoát vị bẹn hoặc thoát vị đùi hoặc thoát vị thành bụng	Lần	2,655,000
2255	Phẫu thuật dẫn lưu áp xe trong ổ bụng	Lần	2,236,000
2256	Phẫu thuật cắt trĩ hoặc điều trị nứt kẽ hậu môn hoặc điều trị áp xe rò hậu môn	Lần	2,115,000
2257	Bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi di căn âm đạo	Lần	2,154,000
2258	Cắt âm hộ + vết hạch bẹn hai bên	Lần	3,113,000
2259	Cắt bỏ âm hộ đơn thuần	Lần	2,116,000
2260	Cắt cổ tử cung trên bệnh nhân đã mổ cắt tử cung bán phần	Lần	3,493,000
2261	Cắt u thành âm đạo	Lần	1,577,000
2262	Cắt u tiểu khung thuộc tử cung, buồng trứng to, dính, cắm sâu trong tiểu khung	Lần	5,486,000
2263	Đặt mảnh ghép tổng hợp điều trị sa tạng vùng chậu	Lần	5,076,000
2264	Đóng rò trực tràng - âm đạo hoặc rò tiết niệu - sinh dục	Lần	3,362,000

2265	Huỷ thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	Lần	1,857,000
2266	Khâu rách cùng đồ âm đạo	Lần	1,429,000
2267	Khâu tử cung do nạo thủng	Lần	2,303,000
2268	Khoét chóp hoặc cắt cụt cổ tử cung	Lần	2,132,000
2269	Làm lại vết mổ thành bụng (bục, tụ máu, nhiễm khuẩn...) sau phẫu thuật sản phụ khoa	Lần	1,964,000
2270	Lấy dụng cụ tử cung, triệt sản nữ qua đường rạch nhỏ	Lần	2,245,000
2271	Lấy khối máu tụ âm đạo, tầng sinh môn	Lần	1,798,000
2272	Mở bụng bóc nhân ung thư nguyên bào nuôi bảo tồn tử cung	Lần	2,748,000
2273	Nội soi buồng tử cung can thiệp	Lần	3,686,000
2274	Nội soi buồng tử cung chẩn đoán	Lần	2,290,000
2275	Phẫu thuật bảo tồn tử cung do vỡ tử cung	Lần	3,480,000
2276	Phẫu thuật bóc khối lạc nội mạc tử cung ở tầng sinh môn, thành bụng	Lần	2,235,000
2277	Phẫu thuật cắt âm vật phì đại	Lần	2,003,000
2278	Phẫu thuật cắt lọc vết mổ, khâu lại tử cung sau mổ lấy thai	Lần	3,409,000
2279	Phẫu thuật cắt một phần tuyến vú, cắt u vú lành tính	Lần	2,422,000
2280	Phẫu thuật cắt polip buồng tử cung (đường bụng, đường âm đạo)	Lần	3,048,000
2281	Phẫu thuật cắt polip cổ tử cung	Lần	1,428,000
2282	Phẫu thuật cắt tinh hoàn lạc chỗ	Lần	2,088,000
2283	Phẫu thuật cắt tử cung đường âm đạo	Lần	3,122,000
2284	Phẫu thuật cắt ung thư- buồng trứng + tử cung hoàn toàn + 2 phần phụ + mạc nối lớn	Lần	5,505,000
2285	Phẫu thuật cắt vách ngăn âm đạo, mở thông âm đạo	Lần	2,039,000
2286	Phẫu thuật chấn thương tầng sinh môn	Lần	3,183,000
2287	Phẫu thuật Crossen	Lần	3,396,000
2288	Phẫu thuật điều trị són tiểu (TOT, TVT)	Lần	4,545,000
2289	Phẫu thuật khối viêm dính tiểu khung	Lần	2,609,000
2290	Phẫu thuật làm lại tầng sinh môn và cơ vòng do rách phức tạp	Lần	2,366,000
2291	Phẫu thuật lấy thai có kèm các kỹ thuật cầm máu (thắt động mạch tử cung, mũi khâu B- lynch...)	Lần	2,978,000
2292	Phẫu thuật lấy thai lần đầu	Lần	1,600,000
2293	Phẫu thuật lấy thai lần thứ 2 trở lên	Lần	2,357,000
2294	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có bệnh truyền nhiễm (viêm gan nặng, HIV-AIDS, H5N1)	Lần	4,895,000
2295	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh có sẹo mổ bụng cũ phức tạp	Lần	2,960,000
2296	Phẫu thuật lấy thai trên người bệnh mắc bệnh toàn thân hoặc bệnh lý sản khoa	Lần	3,305,000
2297	Phẫu thuật lấy thai và cắt tử cung trong rau cải răng lược	Lần	6,776,000
2298	Phẫu thuật Lefort hoặc Labhart	Lần	2,322,000
2299	Phẫu thuật Manchester	Lần	3,230,000
2300	Phẫu thuật mở bụng bóc u xơ tử cung	Lần	2,699,000
2301	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung	Lần	3,262,000
2302	Phẫu thuật mở bụng cắt tử cung hoàn toàn và vết hạch chậu	Lần	4,067,000
2303	Phẫu thuật mở bụng cắt u buồng trứng hoặc cắt phần phụ	Lần	4,465,000
2304	Phẫu thuật mở bụng tạo hình vòi trứng, nối lại vòi trứng	Lần	3,533,000
2305	Phẫu thuật mở bụng thăm dò, xử trí bệnh lý phụ khoa	Lần	2,928,000

2306	Phẫu thuật mở bụng xử trí viêm phúc mạc tiểu khung, viêm phần phụ, ứ mủ vòi trứng	Lần	2,992,000
2307	Phẫu thuật nội soi buồng tử cung cắt nhân xơ; polip; tách dính; cắt vách ngăn; lấy dị vật	Lần	4,881,000
2308	Phẫu thuật Second Look trong ung thư buồng trứng	Lần	4,938,000
2309	Phẫu thuật tạo hình âm đạo (nội soi kết hợp đường dưới)	Lần	4,791,000
2310	Phẫu thuật tạo hình âm đạo do dị dạng (đường dưới)	Lần	3,486,000
2311	Phẫu thuật tạo hình tử cung (Strassman, Jones)	Lần	3,566,000
2312	Phẫu thuật thắt động mạch hạ vị trong cấp cứu sản phụ khoa	Lần	4,430,000
2313	Phẫu thuật thắt động mạch tử cung trong cấp cứu sản phụ khoa	Lần	2,635,000
2314	Phẫu thuật treo bàng quang và trực tràng sau mổ sa sinh dục	Lần	2,844,000
2315	Phẫu thuật treo tử cung	Lần	2,883,000
2316	Phẫu thuật Wertheim (cắt tử cung tận gốc + vét hạch)	Lần	3,577,000
2317	Nạo vét hạch cổ chọn lọc	Lần	2,705,000
2318	Phẫu thuật mở cạnh cổ dẫn lưu áp xe	Lần	1,463,000
2319	Phẫu thuật mở cạnh mũi	Lần	3,419,000
2320	Phẫu thuật nang rò giáp lưỡi	Lần	2,706,000
2321	Phẫu thuật nội soi cầm máu mũi 1 bên, 2 bên	Lần	1,887,000
2322	Phẫu thuật nội soi đặt ống thông khí màng nhĩ 1 bên, 2 bên	Lần	2,762,000
2323	Vá nhĩ đơn thuần	Lần	2,989,000
2324	Phẫu thuật lấy dị vật vùng hàm mặt	Lần	2,042,000
2325	Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương hai bên	Lần	2,350,000
2326	Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương lồng cầu	Lần	2,349,000
2327	Phẫu thuật tháo nẹp vít sau kết hợp xương một bên	Lần	2,172,000
2328	Cắt lọc mô hoại tử vết thương mạn tính bằng dao thủy lực (chưa tính vật tư dao)	Lần	2,676,000
2329	Cắt sẹo ghép da mảnh trung bình	Lần	2,655,000
2330	Cắt sẹo khâu kín	Lần	2,139,000
2331	Ghép da đồng loại dưới 10% diện tích cơ thể (chưa gồm mảnh da ghép)	Lần	1,140,000
2332	Kỹ thuật giãn da (expander) điều trị sẹo	Lần	2,760,000
2333	Kỹ thuật tiêm huyết tương giàu tiểu cầu điều trị vết thương mạn tính (chưa tính huyết tương)	Lần	2,989,000
2334	Phẫu thuật khoan đục xương, lấy bỏ xương chết trong điều trị bóng sâu	Lần	2,575,000
2335	Phẫu thuật loại bỏ hoại tử ổ loét vết thương mạn tính	Lần	1,842,000
2336	Đặt buồng tiêm truyền dưới da	Lần	946,000
2337	Phẫu thuật cắt thận	Lần	3,279,000
2338	Phẫu thuật lấy sỏi thận hoặc sỏi niệu quản hoặc sỏi bàng quang	Lần	3,248,000
2339	Phẫu thuật cắt bàng quang	Lần	3,937,000
2340	Phẫu thuật cắt u bàng quang	Lần	4,286,000
2341	Phẫu thuật nội soi cắt u bàng quang	Lần	3,426,000
2342	Phẫu thuật nội soi cắt cổ bàng quang	Lần	3,426,000
2343	Phẫu thuật đóng dò bàng quang	Lần	3,555,000
2344	Phẫu thuật bóc u xơ tiền liệt tuyến	Lần	3,859,000
2345	Phẫu thuật điều trị các bệnh lý hoặc chấn thương niệu đạo khác	Lần	3,378,000
2346	Phẫu thuật hạ tinh hoàn ẩn, tinh hoàn lạc chỗ hoặc cắt bỏ tinh hoàn	Lần	1,928,000
2347	Phẫu thuật nội soi đặt Sonde JJ	Lần	1,368,000

2348	Phẫu thuật tạo hình dương vật	Lần	3,408,000
2349	Phẫu thuật cắt cụt chi	Lần	3,014,000
2350	Phẫu thuật đặt lại khớp găm kim cố định	Lần	3,362,000
2351	Phẫu thuật làm cứng khớp	Lần	3,038,000
2352	Phẫu thuật điều trị xơ cứng gân cơ hoặc xơ cứng khớp	Lần	2,960,000
2353	Phẫu thuật gỡ dính khớp hoặc làm sạch khớp	Lần	2,229,000
2354	Phẫu thuật ghép xương	Lần	4,059,000
2355	Phẫu thuật lấy bỏ u xương	Lần	3,123,000
2356	Phẫu thuật nối gân hoặc kéo dài gân (tính 1 gân)	Lần	2,389,000
2357	Phẫu thuật tạo hình thân đốt sống bằng phương pháp bơm xi măng	Lần	4,477,000
2358	Phẫu thuật cắt lọc nạo viêm phần mềm hoặc sửa mòm cụt ngón tay, chân hoặc cắt cụt ngón tay, chân (tính 1 ngón)	Lần	2,278,000
2359	Phẫu thuật nối dây thần kinh (tính 1 dây)	Lần	2,433,000
2360	Phẫu thuật vá da lớn diện tích ≥ 10 cm ²	Lần	3,665,000
2361	Phẫu thuật vá da nhỏ diện tích < 10 cm ²	Lần	2,422,000
2362	Phẫu thuật vết thương phần mềm hoặc rách da đầu	Lần	2,042,000
2363	Phẫu thuật vết thương phần mềm phức tạp	Lần	3,930,000
2364	Phẫu thuật vi phẫu nối mạch chi	Lần	5,679,000

GIÁ DỊCH VỤ THỦ THUẬT

TT	Tên dịch vụ	DVT
1	Bộc lộ tĩnh mạch ngoại vi để truyền dịch điều trị người bệnh bỏng	Lần
2	Dẫn lưu màng phổi sơ sinh	Lần
3	Điều trị bằng tĩnh điện trường	Lần
4	Điều trị bằng từ trường	Lần
5	Điều trị bằng vi sóng	Lần
6	Đo liều sinh học trong điều trị tia tử ngoại	Lần
7	Kỹ thuật bó bột Hip Spica Cast điều trị trật khớp háng bẩm sinh	Lần
8	Kỹ thuật bó bột Hip Spica Cast điều trị trật khớp háng bẩm sinh	Lần
9	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	Lần
10	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	Lần
11	Hào châm	Lần
12	Kéo nắn cột sống cổ	Lần
13	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần
14	laser châm	Lần
15	Mai hoa châm	Lần
16	Nhĩ châm	Lần
17	Ôn châm	Lần
18	Kỹ thuật kéo nắn trị liệu	Lần
19	Thủy châm	Lần
20	Thủy châm điều trị bại liệt trẻ em	Lần
21	Thủy châm điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Lần
22	Thủy châm điều trị bệnh viêm mũi dị ứng	Lần
23	Thủy châm điều trị bí đái cơ năng	Lần
24	Thủy châm điều trị cảm mạo, cúm	Lần
25	Thủy châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần
26	Thủy châm điều trị cơn động kinh cục bộ	Lần
27	Thủy châm điều trị đái dầm	Lần
28	Thủy châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
29	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống ngực - thắt lưng TLSO (điều trị cơn	Lần
30	Thủy châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Lần
31	Thủy châm điều trị đau dây V	Lần
32	Thủy châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần
33	Thủy châm điều trị đau hố mắt	Lần
34	Thủy châm điều trị đau liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
35	Thủy châm điều trị đau lưng	Lần
36	Thủy châm điều trị đau răng	Lần
37	Thủy châm điều trị đau vai gáy	Lần
38	Thủy châm điều trị di tinh	Lần
39	Thủy châm điều trị giảm thị lực	Lần
40	Đặt ống thông dạ dày (hút dịch hoặc nuôi dưỡng) sơ sinh	Lần
41	Kỹ thuật sử dụng áo nẹp chỉnh hình cột sống thắt lưng LSO (điều trị cong vẹo cột	Lần

42	Thủy châm điều trị giảm thính lực	Lần
43	Thủy châm điều trị hen phế quản	Lần
44	Thủy châm điều trị hội chứng dạ dày tá tràng	Lần
45	Thủy châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
46	Thủy châm điều trị hội chứng stress	Lần
47	Thủy châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần
48	Thủy châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần
49	Thủy châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần
50	Thủy châm điều trị huyết áp thấp	Lần
51	Thủy châm điều trị lác cơ năng	Lần
52	Kỹ thuật sử dụng chân giả dưới gối	Lần
53	Thủy châm điều trị liệt chi trên	Lần
54	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần
55	Thủy châm điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần
56	Thủy châm điều trị liệt dương	Lần
57	Thủy châm điều trị liệt hai chi dưới	Lần
58	Thủy châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần
59	Thủy châm điều trị liệt trẻ em	Lần
60	Thủy châm điều trị loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần
61	Thủy châm điều trị mất ngủ	Lần
62	Thủy châm điều trị mày đay	Lần
63	Kỹ thuật sử dụng chân giả tháo khớp háng	Lần
64	Thủy châm điều trị nấc	Lần
65	Thủy châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần
66	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
67	Thủy châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần
68	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
69	Thủy châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần
70	Thủy châm điều trị sa dạ dày	Lần
71	Thủy châm điều trị sa tử cung	Lần
72	Thủy châm điều trị sụp mí	Lần
73	Thủy châm điều trị sụp mí	Lần
74	Kỹ thuật sử dụng chân giả trên gối	Lần
75	Thủy châm điều trị tâm căn suy nhược	Lần
76	Thủy châm điều trị táo bón kéo dài	Lần
77	Thủy châm điều trị thất vận ngôn	Lần
78	Thủy châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần
79	Thủy châm điều trị thông kinh	Lần
80	Thủy châm điều trị trĩ	Lần
81	Thủy châm điều trị viêm amydan	Lần
82	Thủy châm điều trị viêm bàng quang	Lần
83	Thủy châm điều trị viêm mũi xoang	Lần
84	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
85	Kỹ thuật sử dụng nẹp bàn chân FO	Lần

86	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
87	Thủy châm hỗ trợ điều trị bệnh vẩy nến	Lần
88	Thủy châm hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
89	Từ châm	Lần
90	Xoa bóp bấm huyệt bằng tay	Lần
91	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần
92	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bệnh tự kỷ ở trẻ em	Lần
93	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Lần
94	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đái cơ năng	Lần
95	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần
96	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn chân AFO	Lần
97	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng, ngất	Lần
98	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic cơ mặt	Lần
99	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần
100	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần
101	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần
102	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Lần
103	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau bụng kinh	Lần
104	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
105	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần
106	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần
107	Kỹ thuật sử dụng nẹp cổ bàn tay WHO	Lần
108	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
109	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Lần
110	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần
111	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	Lần
112	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực	Lần
113	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần
114	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần
115	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần
116	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
117	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng phân ly	Lần
118	Kỹ thuật sử dụng nẹp dạng khớp háng (SWASH)	Lần
119	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng stress	Lần
120	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần
121	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần
122	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần
123	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần
124	Xoa bóp bấm huyệt điều trị huyết áp thấp	Lần
125	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác cơ năng	Lần
126	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Lần
127	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Lần
128	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần
129	Kỹ thuật sử dụng nẹp gối cổ bàn chân KAFO	Lần

130	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần
131	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	Lần
132	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần
133	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
134	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	Lần
135	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
136	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần
137	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng vận động do chấn thương sọ não	Lần
138	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
139	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
140	Kỹ thuật sử dụng nẹp trên gối có khớp háng HKAFO	Lần
141	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mi	Lần
142	Xoa bóp bấm huyết điều trị tắc tia sữa	Lần
143	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	Lần
144	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	Lần
145	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần
146	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
147	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần
148	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
149	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	Lần
150	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
151	Đặt sonde hậu môn sơ sinh	Lần
152	Kỹ thuật sử dụng tay giả dưới khuỷu	Lần
153	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
154	Xoa bóp bấm huyết hỗ trợ điều trị tăng huyết áp	Lần
155	Xoa bóp bấm huyết phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần
156	Xoa bóp bấm huyết điều trị nấc	Lần
157	Bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Lần
158	Bột Corset Minerve,Cravate	Lần
159	Dẫn lưu đài bể thận qua da	Lần
160	Dẫn lưu thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
161	Đặt ống thông JJ trong hẹp niệu quản	Lần
162	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	Lần
163	Kỹ thuật sử dụng tay giả trên khuỷu	Lần
164	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ 0	Lần
165	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Lần
166	Nắn, bó bột cột sống	Lần
167	Nắn, bó bột cột sống	Lần
168	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần
169	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần
170	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
171	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
172	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
173	Kỹ thuật tập đứng và đi cho người bệnh liệt nửa người	Lần

174	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
175	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Lần
176	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Lần
177	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
178	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
179	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
180	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Lần
181	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Lần
182	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần
183	Tập đi trên các địa hình khác nhau (dốc, sỏi, gồ ghề...)	Lần
184	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần
185	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Lần
186	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Lần
187	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần
188	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần
189	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Lần
190	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Lần
191	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Lần
192	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Lần
193	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Lần
194	Tập đi trên máy thảm lăn (Treadmill)	Lần
195	Nắn, bó bột gãy Cổ xương đùi	Lần
196	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Lần
197	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Lần
198	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Lần
199	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Lần
200	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Lần
201	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Lần
202	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Lần
203	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Lần
204	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Lần
205	Tập đi với bàn xương cá	Lần
206	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Lần
207	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần
208	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần
209	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Lần
210	Nắn, bó bột gãy Pouteau - Colles	Lần
211	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	Lần
212	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ III và độ IV	Lần
213	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần
214	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần
215	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Lần
216	Tập đi với chân giả dưới gối	Lần
217	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Lần

218	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Lần
219	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Lần
220	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần
221	Nắn, bó bột gãy xương đòn	Lần
222	Nắn, bó bột gãy xương đòn	Lần
223	Nắn, bó bột gãy xương hàm	Lần
224	Nắn, bó bột gãy xương hàm	Lần
225	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Lần
226	Tập đi với chân giả trên gối	Lần
227	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Lần
228	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	Lần
229	Nắn, bó bột giai đoạn trong hội chứng Volkmann	Lần
230	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Lần
231	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Lần
232	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Lần
233	Nắn, bó bột trật khớp cùng đòn	Lần
234	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần
235	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần
236	Nắn, bó bột trật khớp háng	Lần
237	Tập đi với gậy	Lần
238	Nắn, bó bột trật khớp háng	Lần
239	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Lần
240	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Lần
241	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần
242	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần
243	Nắn, bó bột trật khớp vai	Lần
244	Nắn, bó bột trật khớp vai	Lần
245	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Lần
246	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Lần
247	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Lần
248	Tập đi với khung tập đi	Lần
249	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Lần
250	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	Lần
251	Nắn, cố định trật khớp háng không chỉ định phẫu thuật	Lần
252	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm bù dịch điều trị sốc bỏng	Lần
253	Đặt dây truyền dịch ngoại vi điều trị người bệnh bỏng	Lần
254	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương mạn tính	Lần
255	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 24h điều trị vết thương, vết bỏng	Lần
256	Hút áp lực âm (VAC) liên tục trong 48h điều trị vết thương, vết bỏng	Lần
257	Khâu cầm máu, thắt mạch máu để cấp cứu chảy máu trong bỏng sâu	Lần
258	Mở khí quản cấp cứu qua tổn thương bỏng	Lần
259	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	Lần
260	Tập đi với khung treo	Lần
261	Rạch hoại tử bỏng giải thoát chèn ép	Lần

262	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần
263	Thay băng điều trị vết bỏng dưới 10% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần
264	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần
265	Thay băng điều trị vết bỏng trên 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần
266	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần
267	Thay băng điều trị vết bỏng từ 10% - 19% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần
268	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần
269	Thay băng điều trị vết bỏng từ 20% - 39% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần
270	Tập đi với nạng (nạng nách, nạng khuỷu)	Lần
271	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40 % - 60% diện tích cơ thể ở trẻ em	Lần
272	Thay băng điều trị vết bỏng từ 40% - 60% diện tích cơ thể ở người lớn	Lần
273	Thay băng điều trị vết thương mạn tính	Lần
274	Bóc nang tuyến Bartholin	Lần
275	Bóc nhân xơ vú	Lần
276	Cắt chỉ khâu vòng cổ tử cung	Lần
277	Trích áp xe tăng sinh môn	Lần
278	Trích áp xe tuyến Bartholin	Lần
279	Chọc dẫn lưu dịch cổ chướng trong ung thư buồng trứng	Lần
280	Chọc dò màng bụng sơ sinh	Lần
281	Tập đi với thanh song song	Lần
282	Chọc dò tủy sống sơ sinh	Lần
283	Chọc nang buồng trứng đường âm đạo dưới siêu âm	Lần
284	Chọc ối điều trị đa ối	Lần
285	Chọc ối làm xét nghiệm tế bào	Lần
286	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh	Lần
287	Đặt ống thông tĩnh mạch trung tâm sơ sinh	Lần
288	Điều trị viêm dính tiểu khung bằng hồng ngoại, sóng ngắn	Lần
289	Giảm đau trong đẻ bằng phương pháp gây tê ngoài màng cứng	Lần
290	Hút thai dưới siêu âm	Lần
291	Tập điều hợp vận động	Lần
292	Hủy thai: chọc óc, kẹp sọ, kéo thai	Lần
293	Khâu phục hồi rách cổ tử cung, âm đạo	Lần
294	Khâu vòng cổ tử cung	Lần
295	Laser điều trị bệnh lý võng mạc sơ sinh (ROP) [thủ thuật laser điều trị]	Lần
296	Laser điều trị bệnh lý võng mạc sơ sinh (ROP) [phẫu thuật bằng laser]	Lần
297	Nạo hút thai trứng	Lần
298	Nội xoay thai	Lần
299	Nong buồng tử cung đặt dụng cụ chống dính	Lần
300	Nong cổ tử cung do bế sản dịch	Lần
301	Nút mạch cầm máu trong sản khoa	Lần
302	Tập đứng thẳng bằng tĩnh và động	Lần
303	Phá thai bằng phương pháp nong và gắp từ tuần thứ 13 đến hết tuần thứ 18	Lần
304	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 8 tuần	Lần
305	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 9 tuần	Lần

306	Phá thai đến hết 7 tuần bằng phương pháp hút chân không	Lần
307	Phá thai người bệnh có sẹo mổ lấy thai cũ	Lần
308	Phá thai từ tuần thứ 6 đến hết 12 tuần bằng phương pháp hút chân không	Lần
309	Rửa dạ dày sơ sinh	Lần
310	Sinh thiết cổ tử cung, âm hộ, âm đạo	Lần
311	Sinh thiết gai rau	Lần
312	Sinh thiết hạch gác (cửa) trong ung thư vú	Lần
313	Tập lên, xuống cầu thang	Lần
314	Thay máu sơ sinh	Lần
315	Thủ thuật cắt, kéo cổ tử cung xử trí băng huyết sau đẻ, sau sảy, sau nạo (*)	Lần
316	Thủ thuật LEEP (cắt cổ tử cung bằng vòng nhiệt điện)	Lần
317	Tiêm hóa chất tại chỗ điều trị chữa ở cổ tử cung	Lần
318	Tiêm nhân Chorio	Lần
319	Cắt bán phần hoặc gần toàn bộ dạ dày cực dưới do ung thư kèm vết hạch hệ thống	Lần
320	Cắt bỏ khối u tá tụy	Lần
321	Cắt bỏ thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình ngay	Lần
322	Cắt bỏ thực quản ngực, tạo hình thực quản bằng ống dạ dày (Phẫu thuật Lewis-S	Lần
323	Cắt dạ dày do ung thư	Lần
324	Tập ngồi thẳng bằng tĩnh và động	Lần
325	Cắt đuôi tụy và cắt lách	Lần
326	Cắt lách bệnh lý, ung thư, áp xe, xơ lách	Lần
327	Cắt lại đại tràng do ung thư	Lần
328	Cắt thân và đuôi tụy	Lần
329	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư tạo hình bằng đoạn ruột non	Lần
330	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư và vết hạch hệ thống	Lần
331	Cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư tiêu hóa	Lần
332	Cắt u bàng quang đường trên	Lần
333	Cắt u lành thực quản	Lần
334	Cắt u sau phúc mạc	Lần
335	Tập tạo thuận thần kinh cơ cảm thụ bản thể chức năng	Lần
336	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	Lần
337	Cắt ung thư thận có hoặc không vết hạch hệ thống	Lần
338	Điều trị bệnh basedow bằng ¹³¹ I	Lần
339	Điều trị bướu cổ đơn thuần bằng ¹³¹ I	Lần
340	Điều trị các khối u sọ não và một số bệnh lý thần kinh sọ não bằng dao Gamma	Lần
341	Điều trị đau dây thần kinh số V nguyên phát bằng dao gamma quay	Lần
342	Điều trị đích trong ung thư	Lần
343	Điều trị ung thư tuyến giáp biệt hóa bằng ¹³¹ I	Lần
344	Đốt nhiệt sóng cao tần điều trị ung thư gan	Lần
345	Gây dính màng phổi bằng bơm hóa chất màng phổi	Lần
346	Tập thẳng bằng với bàn bập bênh	Lần
347	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	Lần
348	Làm hậu môn nhân tạo	Lần
349	Mở thông dạ dày ra da do ung thư	Lần

350	Nổi mắt - hồng trắng do ung thư	Lần
351	Tạo hình thực quản (do ung thư & bệnh lành tính)	Lần
352	Tiêm cồn tuyệt đối vào u gan qua siêu âm	Lần
353	Tập tri giác và nhận thức	Lần
354	Tiêm hóa chất vào màng bụng điều trị ung thư	Lần
355	Tiêm hóa chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi	Lần
356	Truyền hóa chất tĩnh mạch	Lần
357	Điều trị tắc tia sữa bằng sóng ngắn, hồng ngoại	Lần
358	Tập trong bồn bóng nhỏ	Lần
359	Xạ phẫu dị dạng mạch máu não bằng dao gamma quay	Lần
360	Xạ phẫu u dây thần kinh sọ não bằng dao gamma quay	Lần
361	Xạ phẫu u hậu nhãn cầu bằng dao gamma quay	Lần
362	Xạ phẫu u màng não bằng dao gamma quay	Lần
363	Xạ phẫu u màng não thất bằng dao gamma quay	Lần
364	Xạ phẫu u não bằng dao gamma quay	Lần
365	Xạ phẫu u nguyên bào mạch máu nội sọ bằng dao gamma quay	Lần
366	Xạ phẫu u sọ hầu bằng dao gamma quay	Lần
367	Xạ phẫu u thần kinh khứu giác bằng dao gamma quay	Lần
368	Xạ phẫu u thân não bằng dao gamma quay	Lần
369	Tập vận động có kháng trở	Lần
370	Xạ phẫu u tiểu não bằng dao gamma quay	Lần
371	Xạ phẫu u tuyến tùng bằng dao gamma quay	Lần
372	Xạ phẫu u tuyến yên bằng dao gamma quay	Lần
373	Cắt chỉ khâu da mi đơn giản	Lần
374	Tập vận động có trợ giúp	Lần
375	Cắt chỉ khâu giác mạc	Lần
376	Cắt chỉ khâu kết mạc	Lần
377	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác	Lần
378	Cắt chỉ sau phẫu thuật lác, sụp mí	Lần
379	Cắt chỉ sau phẫu thuật sụp mí	Lần
380	Chụp đáy mắt không huỳnh quang	Lần
381	Chụp khu trú dị vật nội nhãn	Lần
382	Chụp OCT bán phần sau nhãn cầu	Lần
383	Chụp OCT bán phần trước nhãn cầu	Lần
384	Điều trị glôcôm bằng tạo hình móng mắt (Iridoplasty)	Lần
385	Tập vận động thụ động	Lần
386	Điều trị glôcôm bằng laser móng mắt chu biên	Lần
387	Điều trị một số bệnh võng mạc bằng laser (bệnh võng mạc tiểu đường, cao huyết	Lần
388	Đo công suất thể thủy tinh nhân tạo bằng siêu âm	Lần
389	Đo độ lác	Lần
390	Đo độ lồi	Lần
391	Đo sắc giác	Lần
392	Đo thị giác 2 mắt	Lần
393	Đo thị giác tương phản	Lần

394	Tập vận động trên bóng	Lần
395	Lấy calci kết mạc	Lần
396	Lấy máu làm huyết thanh	Lần
397	Mở bao sau đục bằng laser	Lần
398	Nặn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Lần
399	Nghiệm pháp phát hiện glôcôm	Lần
400	Rạch áp xe mi	Lần
401	Rạch áp xe túi lệ	Lần
402	Rửa cùng đồ	Lần
403	Siêu âm bán phần trước	Lần
404	Siêu âm mắt	Lần
405	Tập với bàn nghiêng	Lần
406	Tập nhược thị	Lần
407	Test thử cảm giác giác mạc	Lần
408	Xác định sơ đồ song thị	Lần
409	Bẻ cuốn mũi	Lần
410	Bơm hơi vôi nhĩ	Lần
411	Bơm thuốc thanh quản	Lần
412	Cầm máu đơn giản sau phẫu thuật cắt Amidan, nạo VA	Lần
413	Tập với dụng cụ chèo thuyền	Lần
414	Trích rạch màng nhĩ	Lần
415	Chọc hút dịch vành tai	Lần
416	Đốt họng hạt bằng nhiệt	Lần
417	Hút rửa mũi, xoang sau mổ	Lần
418	Làm thuốc tai	Lần
419	Lấy nút biểu bì ống tai ngoài	Lần
420	Nhét bắc mũi sau	Lần
421	Nhét bắc mũi trước	Lần
422	Tập với dụng cụ quay khớp vai	Lần
423	Nội soi sinh thiết u hốc mũi	Lần
424	Nội soi sinh thiết u vòm	Lần
425	Nội soi sinh thiết u vòm	Lần
426	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần
427	Phương pháp Proetz	Lần
428	Thay canuyn	Lần
429	Nội soi mũi hoặc vòm hoặc họng có sinh thiết	Lần
430	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Lần
431	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Lần
432	Tập với ghế tập mạnh cơ tứ đầu đùi	Lần
433	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Composite	Lần
434	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Comp	Lần
435	Nắn sai khớp thái dương hàm	Lần
436	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	Lần
437	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Lần

438	Phục hồi cổ răng bằng GlassIonomer Cement	Lần
439	Trám bít hố rãnh bằng GlassIonomer Cement	Lần
440	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Lần
441	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	Lần
442	Tập với giàn treo các chi	Lần
443	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Lần
444	Điều trị bằng bồn xoáy hoặc bể sục	Lần
445	Điều trị bằng bùn	Lần
446	Điều trị bằng dòng giao thoa	Lần
447	Điều trị bằng máy kéo giãn cột sống	Lần
448	Điều trị bằng nước khoáng	Lần
449	Điều trị bằng oxy cao áp	Lần
450	Điều trị bằng sóng xung kích	Lần
451	Đo áp lực bàng quang bằng cột thước nước	Lần
452	Điều trị tổn thương cổ tử cung bằng đốt điện, đốt nhiệt, đốt laser, áp lạnh...	Lần
453	Tập với máy tập thăng bằng	Lần
454	Đo áp lực bàng quang bằng máy niệu động học	Lần
455	Đo áp lực bàng quang ở người bệnh nhi	Lần
456	Đo áp lực hậu môn trực tràng	Lần
457	Kỹ thuật can thiệp rối loạn đại tiện bằng phản hồi sinh học (biofeedback)	Lần
458	Kỹ thuật tập đường ruột cho người bệnh tổn thương tủy sống	Lần
459	Kỹ thuật thông tiểu ngắt quãng trong phục hồi chức năng tủy sống	Lần
460	Kỹ thuật xoa bóp toàn thân	Lần
461	Kỹ thuật xoa bóp vùng	Lần
462	Phong bế thần kinh bằng Phenol để điều trị co cứng cơ	Lần
463	Tập các kiểu thở	Lần
464	Tập với ròng rọc	Lần
465	Tập cho người thất ngôn	Lần
466	Tập giao tiếp (ngôn ngữ ký hiệu, hình ảnh...)	Lần
467	Tập ho có trợ giúp	Lần
468	Tập mạnh cơ đáy chậu (cơ sàn chậu, pelvis floor)	Lần
469	Tập nuốt	Lần
470	Tập nuốt	Lần
471	Tập sửa lỗi phát âm	Lần
472	Thủy trị liệu toàn thân (bể bơi, bồn ngâm)	Lần
473	Tiêm Botulinum toxine vào điểm vận động để điều trị co cứng cơ	Lần
474	Bít ống động mạch [dưới DSA]	Lần
475	Tập với thang tường	Lần
476	Can thiệp điều trị hẹp đại tràng trước và sau phẫu thuật số hóa xóa nền	Lần
477	Chọc hút dịch màng tim dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
478	Chọc hút dịch ổ khớp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
479	Chọc hút hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
480	Chọc hút hạch hoặc u dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	Lần
481	Chọc hút nang vú dưới hướng dẫn siêu âm	Lần

482	Chọc hút nang, tiêm xơ dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
483	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	Lần
484	Chọc hút ổ dịch, áp xe dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
485	Chọc hút ổ dịch/áp xe não dưới cắt lớp vi tính	Lần
486	Tập với xe đạp tập	Lần
487	Chọc hút tế bào dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
488	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
489	Chọc hút tế bào tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
490	Chọc hút, sinh thiết khối u trung thất qua siêu âm thực quản	Lần
491	Chọc nang tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
492	Chọc ối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
493	Chụp các động mạch tùy [dưới DSA]	Lần
494	Chụp động mạch các loại chọc kim trực tiếp số hóa xóa nền (DSA)	Lần
495	Chụp động mạch chậu số hóa xóa nền (DSA)	Lần
496	Chụp động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền (DSA)	Lần
497	Chụp động mạch chủ số hóa xóa nền (DSA)	Lần
498	Chụp động mạch mạc treo số hóa xóa nền (DSA)	Lần
499	Chụp động mạch não số hóa xóa nền (DSA)	Lần
500	Chụp động mạch phế quản số hóa xóa nền (DSA)	Lần
501	Chụp động mạch phổi số hóa xóa nền (DSA)	Lần
502	Chụp động mạch tạng (gan, lách, thận, tử cung, sinh dục..) số hóa xóa nền (DSA)	Lần
503	Chụp động mạch vành	Lần
504	Chụp mạch vùng đầu mặt cổ số hóa xóa nền (DSA)	Lần
505	Chụp nong động mạch ngoại biên bằng bóng [dưới DSA]	Lần
506	Chụp tĩnh mạch chi số hóa xóa nền (DSA)	Lần
507	Chụp tĩnh mạch lách - cửa đo áp lực số hóa xóa nền (DSA)	Lần
508	Chụp tĩnh mạch lách - cửa số hóa xóa nền (DSA)	Lần
509	Chụp tĩnh mạch số hóa xóa nền (DSA)	Lần
510	Chụp và can thiệp mạch lách số hóa xóa nền	Lần
511	Chụp và can thiệp mạch phổi số hóa xóa nền	Lần
512	Chụp và can thiệp mạch tá tràng số hóa xóa nền	Lần
513	Chụp và can thiệp tĩnh mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Lần
514	Chụp và đặt lưới lọc tĩnh mạch chủ số hóa xóa nền	Lần
515	Chụp và điều trị bơm thuốc tiêu sợi huyết tại chỗ mạch chi qua ống thông số hóa xóa nền	Lần
516	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch dạ dày số hóa xóa nền	Lần
517	Chụp và điều trị giãn tĩnh mạch thực quản xuyên gan qua da số hóa xóa nền	Lần
518	Chụp và điều trị lấy huyết khối qua ống thông điều trị tắc mạch chi số hóa xóa nền	Lần
519	Chụp và nong cầu nối mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Lần
520	Chụp và nong động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Lần
521	Chụp và nút dị dạng động mạch thận số hóa xóa nền	Lần
522	Chụp và nút dị dạng mạch các tạng số hóa xóa nền	Lần
523	Chụp và nút động mạch điều trị cầm máu các tạng số hóa xóa nền	Lần
524	Chụp và nút động mạch đốt sống số hóa xóa nền	Lần
525	Chụp và nút động mạch gan số hóa xóa nền	Lần

526	Chụp và nút động mạch phế quản số hóa xóa nền	Lần
527	Chụp và nút động mạch tử cung số hóa xóa nền	Lần
528	Chụp và nút giãn tĩnh mạch buồng trứng số hóa xóa nền	Lần
529	Chụp và nút giãn tĩnh mạch tinh số hóa xóa nền	Lần
530	Chụp và nút hệ tĩnh mạch cửa gan số hóa xóa nền	Lần
531	Chụp và nút mạch bằng hạt gắn hóa chất điều trị u gan số hóa xóa nền	Lần
532	Chụp và nút mạch dị dạng mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Lần
533	Chụp và nút mạch điều trị bệnh lý dị dạng mạch vùng đầu mặt cổ và hàm mặt số	Lần
534	Chụp và nút mạch điều trị chảy máu mũi số hóa xóa nền	Lần
535	Chụp và nút mạch điều trị lạc nội mạch trong cơ tử cung số hóa xóa nền	Lần
536	Chụp và nút mạch điều trị u gan số hóa xóa nền	Lần
537	Chụp và nút mạch điều trị u xơ mũi họng số hóa xóa nền	Lần
538	Chụp và nút mạch điều trị u xơ tử cung số hóa xóa nền	Lần
539	Chụp và nút mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa nền	Lần
540	Chụp và nút mạch tiền phẫu các khối u số hóa xóa nền	Lần
541	Chụp và nút thông động mạch cảnh xoang hang số hóa xóa nền	Lần
542	Chụp và sinh thiết gan qua tĩnh mạch trên gan số hóa xóa nền	Lần
543	Chụp và test nút động mạch não số hóa xóa nền	Lần
544	Chụp X-quang niệu đồ tĩnh mạch (UIV)	Lần
545	Chụp X-quang đường mật qua Kehr	Lần
546	Chụp X-quang ống tuyến sữa	Lần
547	Chụp X-quang tuyến nước bọt	Lần
548	Chụp, nong động mạch và đặt stent [dưới DSA]	Lần
549	Chụp, nong động mạch vành bằng bóng	Lần
550	Chụp, nong và đặt stent động mạch chi (trên, dưới) số hóa xóa nền	Lần
551	Chụp, nong và đặt stent động mạch mạc treo (tràng trên, tràng dưới) số hóa xóa r	Lần
552	Chụp, nong và đặt stent động mạch thận số hóa xóa nền	Lần
553	Chụp, nong và đặt stent động mạch vành	Lần
554	Đờ đờ ngội ngược (*)	Lần
555	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược dòng	Lần
556	Dẫn lưu áp xe các tạng (gan, lách, thận, ruột thừa..) số hóa xóa nền	Lần
557	Dẫn lưu áp xe ngực/bụng số hóa xóa nền	Lần
558	Dẫn lưu bể thận số hóa xóa nền	Lần
559	Dẫn lưu các ổ dịch ngực/bụng số hóa xóa nền	Lần
560	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn cắt lớp vi tính	Lần
561	Dẫn lưu các ổ dịch trong ổ bụng dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
562	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn cắt lớp bi tính	Lần
563	Dẫn lưu dịch, áp xe, nang dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
564	Dẫn lưu đường mật số hóa xóa nền	Lần
565	Đặt cổng truyền hóa chất dưới da số hóa xóa nền	Lần
566	Chụp X-quang niệu quản - bể thận ngược dòng	Lần
567	Đặt sonde JJ số hóa xóa nền	Lần
568	Điều trị bơm tắc mạch trực tiếp qua da số hóa xóa nền	Lần
569	Điều trị các khối u tạng (thận, lách, tụy...) số hóa xóa nền	Lần

570	Điều trị các tổn thương xương số hóa xóa nền	Lần
571	Điều trị thoát vị đĩa đệm qua da số hóa xóa nền	Lần
572	Điều trị u xương dạng xương số hóa xóa nền	Lần
573	Đổ xi măng cột sống số hóa xóa nền	Lần
574	doppler động mạch cảnh, doppler xuyên sọ	Lần
575	Chụp X-quang tại giường	Lần
576	Đốt sóng cao tần điều trị các khối u số hóa xóa nền	Lần
577	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền	Lần
578	Mở thông dạ dày qua da số hóa xóa nền	Lần
579	Nong đặt stent thực quản, dạ dày số hóa xóa nền	Lần
580	Chụp X-quang tại phòng mổ	Lần
581	Nong và đặt stent điều trị hẹp tắc vị tràng số hóa xóa nền	Lần
582	Nong van động mạch chủ [dưới DSA]	Lần
583	Nong van động mạch phổi [dưới DSA]	Lần
584	Nong van hai lá [dưới DSA]	Lần
585	Sinh thiết cơ tim	Lần
586	Sinh thiết cột sống dưới cắt lớp vi tính	Lần
587	Sinh thiết gan dưới cắt lớp vi tính	Lần
588	Sinh thiết gan dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
589	Sinh thiết gan ghép dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
590	Sinh thiết hạch (hoặc u) dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
591	Chụp X-quang tử cung vòi trứng	Lần
592	Sinh thiết lách dưới cắt lớp vi tính	Lần
593	Sinh thiết lách dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
594	Sinh thiết phần mềm dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
595	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới cắt lớp vi tính	Lần
596	Sinh thiết phổi/màng phổi dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
597	Sinh thiết tạng hay khối ổ bụng dưới cắt lớp vi tính	Lần
598	Sinh thiết thận dưới cắt lớp vi tính	Lần
599	Sinh thiết thận dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
600	Sinh thiết thận ghép dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
601	Chụp X-quang tử cung vòi trứng	Lần
602	Sinh thiết tiền liệt tuyến qua trực tràng dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
603	Sinh thiết trong lòng đường mật qua da số hóa xóa nền	Lần
604	Sinh thiết trung thất dưới cắt lớp vi tính	Lần
605	Sinh thiết tụy dưới cắt lớp vi tính	Lần
606	Sinh thiết tuyến giáp dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
607	Sinh thiết vú dưới hướng dẫn siêu âm	Lần
608	Sinh thiết xương dưới cắt lớp vi tính	Lần
609	Tạo hình và đổ xi măng cột sống (kyphoplasty)	Lần
610	Tiêm phá đông khớp vai số hóa xóa nền	Lần
611	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (sử dụng máy khoan cầm tay)	Lần
612	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (bao gồm kim chọc tủy nhiều lần)	Lần
613	Thủ thuật chọc tủy sống tiêm hóa chất nội tủy	Lần

614	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (bao gồm kim sinh thiết nhiều lần)	Lần
615	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (chưa bao gồm kim sinh thiết một lần)	Lần
616	Thủ thuật sinh thiết tủy xương (sử dụng máy khoan cầm tay)	Lần
617	Bơm rửa phế quản	Lần
618	Chọc dẫn lưu ổ áp xe dưới siêu âm	Lần
619	Chọc dịch tủy sống	Lần
620	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	Lần
621	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	Lần
622	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Lần
623	Thủ thuật chọc hút tủy làm tủy đồ (chưa bao gồm kim chọc tủy một lần)	Lần
624	Dẫn lưu khí màng phổi áp lực thấp	Lần
625	Dẫn lưu màng phổi liên tục	Lần
626	Dẫn lưu não thất cấp cứu	Lần
627	Dẫn lưu ổ bụng trong viêm tụy cấp	Lần
628	Dẫn lưu trung thất liên tục	Lần
629	Đặt canuyn mở khí quản 2 nòng	Lần
630	Đặt catheter động mạch phổi	Lần
631	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm 1 nòng	Lần
632	Đặt dẫn lưu màng ngoài tim cấp cứu bằng catheter qua da	Lần
633	Đặt máy khử rung tự động	Lần
634	Bóp bóng ambu qua mặt nạ	Lần
635	Đặt nội khí quản 2 nòng	Lần
636	Đặt nội khí quản	Lần
637	Đặt nội khí quản có cửa hút trên bóng chèn (Hi-low EVAC)	Lần
638	Đặt ống thông Blakemore vào thực quản cầm máu	Lần
639	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang	Lần
640	Đặt stent khí phế quản	Lần
641	Định lượng nhanh D-Dimer trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	Lần
642	Định lượng nhanh NT-ProBNP trong máu toàn phần tại chỗ bằng máy cầm tay	Lần
643	Định nhóm máu tại giường	Lần
644	Định tính chất độc bằng test nhanh (một lần)	Lần
645	Cấp cứu ngừng tuần hoàn hô hấp cơ bản	Lần
646	Đo các chất khí trong máu	Lần
647	Đo lactat trong máu	Lần
648	Gây dính màng phổi bằng povidone iodine bơm qua ống dẫn lưu màng phổi	Lần
649	Gây dính màng phổi bằng tetracyclin bơm qua ống dẫn lưu màng phổi	Lần
650	Hạ thân nhiệt chủ huy	Lần
651	Hồi phục nhịp xoang cho người bệnh loạn nhịp bằng máy sốc điện	Lần
652	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông kín (có thở r	Lần
653	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở ng	Lần
654	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Lần
655	Chăm sóc lỗ mở khí quản (một lần)	Lần
656	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở ng	Lần
657	Kỹ thuật đánh giá huyết động cấp cứu không xâm nhập bằng USCOM	Lần

658	Lọc huyết tương sử dụng 2 quả lọc	Lần
659	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục	Lần
660	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục	Lần
661	Lọc máu hấp phụ với than hoạt trong ngộ độc cấp	Lần
662	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH)	Lần
663	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh ARDS	Lần
664	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	Lần
665	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy đa tạng	Lần
666	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Lần
667	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh suy thận cấp do tiêu cơ vân n	Lần
668	Lọc máu liên tục cấp cứu (CVVH) cho người bệnh viêm tụy cấp	Lần
669	Lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích	Lần
670	Lọc máu liên tục cấp cứu có thẩm tách (CVVHD)	Lần
671	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF)	Lần
672	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh sốc nhiễm khuẩn	Lần
673	Lọc máu thẩm tách liên tục cấp cứu (CVVHDF) cho người bệnh viêm tụy cấp	Lần
674	Lọc và tách huyết tương chọn lọc	Lần
675	Mở màng phổi cấp cứu	Lần
676	Mở màng phổi tối thiểu bằng trocar	Lần
677	Chọc hút dịch - khí màng phổi bằng kim hay catheter	Lần
678	Rửa bàng quang lấy máu cục	Lần
679	Rửa dạ dày cấp cứu	Lần
680	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	Lần
681	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	Lần
682	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩn giáp	Lần
683	Siêu âm dẫn đường đặt catheter động mạch cấp cứu	Lần
684	Siêu âm dẫn đường đặt catheter tĩnh mạch cấp cứu	Lần
685	Siêu âm doppler mạch cấp cứu tại giường	Lần
686	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Lần
687	Tạo nhịp tim cấp cứu tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	Lần
688	Thăm dò huyết động theo phương pháp PiCCO	Lần
689	Thận nhân tạo cấp cứu	Lần
690	Thay canuyn mở khí quản	Lần
691	Đặt canuyn mũi hầu, miệng hầu	Lần
692	Thay ống nội khí quản	Lần
693	Thông bàng quang	Lần
694	Thông khí nhân tạo CPAP qua van Boussignac	Lần
695	Thông khí nhân tạo không xâm nhập	Lần
696	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP	Lần
697	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP	Lần
698	Thông khí nhân tạo trong khi vận chuyển	Lần
699	Thông khí nhân tạo với khí NO	Lần
700	Thông khí nhân tạo xâm nhập	Lần
701	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức A/C (VCV)	Lần

702	Đặt catheter động mạch	Lần
703	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức APRV	Lần
704	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP	Lần
705	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV	Lần
706	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV	Lần
707	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức SIMV	Lần
708	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức VCV	Lần
709	Vận động trị liệu hô hấp	Lần
710	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường (một lần)	Lần
711	Bít lỗ thông liên nhĩ/liên thất/ống động mạch	Lần
712	Bơm rửa khoang màng phổi	Lần
713	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	Lần
714	Bơm streptokinase vào khoang màng phổi	Lần
715	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị các rối loạn nhịp chậm	Lần
716	Cấy máy tạo nhịp vĩnh viễn điều trị tái đồng bộ tim (CRT)	Lần
717	Chọc dò dịch màng phổi	Lần
718	Chọc dò dịch não tủy	Lần
719	Chọc dò dịch ổ bụng xét nghiệm	Lần
720	Chọc dò màng ngoài tim	Lần
721	Chọc dò trung thất dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
722	Chọc dò và dẫn lưu màng ngoài tim	Lần
723	Chọc hút khí màng phổi	Lần
724	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm nhiều nòng	Lần
725	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Lần
726	Chọc hút tế bào cơ bằng kim nhỏ	Lần
727	Chọc hút tế bào cơ dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
728	Chọc hút tế bào hạch dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
729	Chọc hút tế bào khối u dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
730	Chọc hút tế bào phần mềm bằng kim nhỏ	Lần
731	Chọc hút tế bào phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
732	Chọc hút tế bào xương bằng kim nhỏ	Lần
733	Chọc hút tế bào xương dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
734	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
735	Đặt ống thông dạ dày	Lần
736	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	Lần
737	Chọc tháo dịch ổ bụng điều trị	Lần
738	Chụp bàng quang chẩn đoán trào ngược bàng quang niệu quản	Lần
739	Dẫn lưu bề thận qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
740	Dẫn lưu dịch quanh thận dưới siêu âm	Lần
741	Dẫn lưu màng ngoài tim	Lần
742	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	Lần
743	Dẫn lưu màng phổi, ổ áp xe phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
744	Đặt catheter hai nòng có cuff, tạo đường hầm để lọc máu	Lần
745	Đặt ống thông dẫn lưu bàng quang trên khớp vè	Lần

746	Đặt catheter qua màng nhĩ giáp lấy bệnh phẩm	Lần
747	Đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
748	Đặt máy tạo nhịp tạm thời với điện cực trong buồng tim	Lần
749	Đặt nội khí quản 2 nòng	Lần
750	Đặt ống thông dạ dày	Lần
751	Đặt ống thông hậu môn	Lần
752	Đặt ống thông niệu quản qua nội soi (sonde JJ)	Lần
753	Đặt sonde bàng quang	Lần
754	Điều trị bằng oxy cao áp	Lần
755	Đỡ đẻ từ sinh đôi trở lên	Lần
756	Ghi điện não đồ cấp cứu	Lần
757	Điều trị chứng co thắt nửa mặt bằng tiêm Botulinum Toxin A	Lần
758	Điều trị chứng giật cơ mi mắt bằng tiêm Botulinum Toxin A	Lần
759	Điều trị chứng vẹo cổ bằng tiêm Botulinum Toxin A	Lần
760	Đo áp lực thẩm thấu niệu	Lần
761	Đo chức năng hô hấp	Lần
762	Đo đa ký hô hấp	Lần
763	Đo điện thế kích thích bằng điện cơ	Lần
764	Đo độ nhớt dịch khớp	Lần
765	Đo tốc độ phản xạ Hoffmann và sóng F của thần kinh ngoại vi bằng điện cơ	Lần
766	Gây dính màng phổi bằng thuốc/hóa chất qua ống dẫn lưu màng phổi	Lần
767	Ghi điện cơ bằng điện cực kim	Lần
768	Ghi điện não thường quy	Lần
769	Holter huyết áp	Lần
770	Hút dẫn lưu khoang màng phổi bằng máy hút áp lực âm liên tục	Lần
771	Hút dịch khớp cổ chân	Lần
772	Hút dịch khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
773	Mở khí quản qua da một thì cấp cứu ngạt thở	Lần
774	Hút dịch khớp cổ tay	Lần
775	Hút dịch khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
776	Hút dịch khớp gối	Lần
777	Hút dịch khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
778	Hút dịch khớp háng	Lần
779	Hút dịch khớp khuỷu	Lần
780	Hút dịch khớp khuỷu dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
781	Hút dịch khớp vai	Lần
782	Hút dịch khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
783	Hút đờm hầu họng	Lần
784	Mở khí quản qua màng nhĩ giáp	Lần
785	Hút nang bao hoạt dịch	Lần
786	Hút nang bao hoạt dịch dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
787	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm	Lần
788	Hút ổ viêm/áp xe phần mềm dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
789	Kích thích tim vượt tần số điều trị loạn nhịp	Lần

790	Kỹ thuật tạo đường hầm trên cầu nối (AVF) để sử dụng kim đầu tù trong lọc máu	Lần
791	Lập trình máy tạo nhịp tim	Lần
792	Lọc màng bụng cấp cứu liên tục	Lần
793	Lọc màng bụng chu kỳ (CAPD)	Lần
794	Mở thông bàng quang trên xương mu	Lần
795	Lọc màng bụng liên tục bằng máy	Lần
796	Lọc máu bằng kỹ thuật thẩm tách siêu lọc dịch bù trực tiếp từ dịch lọc (Hemodia	Lần
797	Mở thông dạ dày bằng nội soi	Lần
798	Nghiệm pháp atropin	Lần
799	Nghiệm pháp bàn nghiêng	Lần
800	Nghiệm pháp gắng sức điện tâm đồ	Lần
801	Rửa màng bụng cấp cứu	Lần
802	Nội soi đặt catheter bàng quang niệu quản để chụp UPR	Lần
803	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Lần
804	Nội soi mật tụy ngược dòng - (ERCP)	Lần
805	Nội soi mật tụy ngược dòng can thiệp - cắt cơ oddi	Lần
806	Nội soi niệu quản chẩn đoán	Lần
807	Nội soi ổ bụng	Lần
808	Nội soi ổ bụng có sinh thiết	Lần
809	Soi đáy mắt cấp cứu	Lần
810	Thận nhân tạo thường quy	Lần
811	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Lần
812	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần
813	Nối thông động - tĩnh mạch	Lần
814	Nối thông động - tĩnh mạch có dịch chuyển mạch	Lần
815	Nối thông động - tĩnh mạch sử dụng mạch nhân tạo	Lần
816	Nong hẹp van 2 lá bằng bóng Inoue	Lần
817	Nong màng ngoài tim bằng bóng trong điều trị tràn dịch màng ngoài tim mạn tính	Lần
818	Nong và đặt stent động mạch vành	Lần
819	Nong van động mạch phổi	Lần
820	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Lần
821	Rửa dạ dày cấp cứu	Lần
822	Rửa phổi toàn bộ	Lần
823	Rút catheter đường hầm	Lần
824	Rút ống dẫn lưu màng phổi, ống dẫn lưu ổ áp xe	Lần
825	Rút sonde dẫn lưu bề thận qua da	Lần
826	Rút sonde dẫn lưu tụ dịch - máu quanh thận	Lần
827	Siêu âm can thiệp - chọc hút mũ ổ áp xe gan	Lần
828	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang gan	Lần
829	Siêu âm can thiệp - chọc hút nang giả tụy	Lần
830	Siêu âm can thiệp - chọc hút ổ áp xe trong ổ bụng	Lần
831	Thay băng cho các vết thương hoại tử rộng (một lần)	Lần
832	Siêu âm can thiệp - chọc hút tế bào khối u gan, tụy, khối u ổ bụng bằng kim nhỏ	Lần
833	Siêu âm can thiệp - chọc hút và tiêm thuốc điều trị nang gan	Lần

834	Siêu âm can thiệp - đặt dẫn lưu đường mật, đặt stent đường mật qua da	Lần
835	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu nang giả tụy	Lần
836	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe	Lần
837	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu ổ áp xe gan	Lần
838	Siêu âm can thiệp - điều trị sóng cao tần khối ung thư gan bằng kim đơn cực	Lần
839	Siêu âm can thiệp - tiêm cồn tuyệt đối điều trị ung thư gan	Lần
840	Thụt giữ	Lần
841	Siêu âm màng phổi cấp cứu	Lần
842	Thụt tháo	Lần
843	Siêu âm tim qua thực quản	Lần
844	Siêu lọc máu chậm liên tục (SCUF)	Lần
845	Siêu lọc máu liên tục cấp cứu (SCUF) cho người bệnh quá tải thể tích	Lần
846	Sốc điện điều trị các rối loạn nhịp nhanh	Lần
847	Sốc điện điều trị rung nhĩ	Lần
848	Tán sỏi ngoài cơ thể định vị bằng X-quang hoặc siêu âm	Lần
849	Test chẩn đoán nhược cơ bằng điện sinh lý	Lần
850	Thay canuyn mô khí quản	Lần
851	Chọc dò trung thất dưới hướng dẫn của chụp cắt lớp vi tính	Lần
852	Thay huyết tương trong Lupus ban đỏ rải rác	Lần
853	Thay transfer set ở người bệnh lọc màng bụng liên tục ngoại trú	Lần
854	Thông tim chẩn đoán (dưới DSA)	Lần
855	Thông tim và chụp buồng tim cản quang	Lần
856	Thụt tháo chuẩn bị sạch đại tràng	Lần
857	Thụt tháo phân	Lần
858	Tiêm cân gan chân	Lần
859	Tiêm cạnh cột sống cổ	Lần
860	Tiêm cạnh cột sống ngực	Lần
861	Tiêm cạnh cột sống thắt lưng	Lần
862	Chọc hút dịch nang thận có tiêm cồn tuyệt đối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
863	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai	Lần
864	Tiêm điểm bám gân mỏm cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
865	Tiêm điểm bám gân mỏm trám quay (trâm trụ)	Lần
866	Tiêm gân gấp ngón tay	Lần
867	Tiêm gân gấp ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
868	Tiêm gân gót	Lần
869	Tiêm gân nhị đầu khớp vai	Lần
870	Tiêm gân nhị đầu khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
871	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai)	Lần
872	Tiêm gân trên gai (dưới gai, gân bao xoay khớp vai) dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
873	Chọc hút dịch nang thận dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
874	Tiêm hội chứng DeQuervain	Lần
875	Tiêm hội chứng DeQuervain dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
876	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay	Lần
877	Tiêm hội chứng đường hầm cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần

878	Tiêm khớp bàn ngón chân	Lần
879	Tiêm khớp bàn ngón chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
880	Tiêm khớp bàn ngón tay	Lần
881	Tiêm khớp bàn ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
882	Tiêm khớp cổ chân	Lần
883	Tiêm khớp cổ chân dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
884	Chọc hút dịch quanh thận dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
885	Tiêm khớp cổ tay	Lần
886	Tiêm khớp cổ tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
887	Tiêm khớp cùng chậu	Lần
888	Tiêm khớp đòn - cùng vai	Lần
889	Tiêm khớp đòn - cùng vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
890	Tiêm khớp đốt ngón tay	Lần
891	Tiêm khớp đốt ngón tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
892	Tiêm khớp gối	Lần
893	Tiêm khớp gối dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
894	Tiêm khớp háng	Lần
895	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch cảnh trong để lọc máu	Lần
896	Tiêm khớp háng dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
897	Tiêm khớp khuỷu tay	Lần
898	Tiêm khớp khuỷu tay dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
899	Tiêm khớp thái dương hàm	Lần
900	Tiêm khớp thái dương hàm dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
901	Tiêm khớp ức - sườn	Lần
902	Tiêm khớp ức - sườn dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
903	Tiêm khớp ức đòn	Lần
904	Tiêm khớp ức đòn dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
905	Tiêm khớp vai	Lần
906	Đặt catheter hai nòng tĩnh mạch dưới đòn để lọc máu	Lần
907	Tiêm khớp vai dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
908	Vận động trị liệu hô hấp	Lần
909	Xoa bóp phòng chống loét trong các bệnh thần kinh (một ngày)	Lần
910	Áp nitor lỏng các khối u lành tính ngoài da	Lần
911	Bê cuốn dưới	Lần
912	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Lần
913	Bơm rửa màng phổi	Lần
914	Cầm máu mũi bằng Meroxeo (2 bên)	Lần
915	Điều trị sẹo bóng bằng siêu âm kết hợp với thuốc	Lần
916	Forceps	Lần
917	Đặt catheter tĩnh mạch cảnh để lọc máu cấp cứu	Lần
918	Cắt 2/3 dạ dày do ung thư	Lần
919	Cắt 3/4 dạ dày do u do ung thư	Lần
920	Cắt bán phần dạ dày cực dưới do ung thư kèm vét hạch hệ thống	Lần
921	Cắt bỏ khối u tá tụy	Lần

922	Cắt bỏ thực quản có hay không kèm các tạng khác, tạo hình ngay	Lần
923	Cắt bỏ u thực quản, cắt tạo hình dạ dày - miệng nối thực quản dạ dày (Phẫu thuật	Lần
924	Cắt đoạn ruột non do u	Lần
925	Cắt đoạn trực tràng do ung thư	Lần
926	Cắt đuôi tụy và cắt lách	Lần
927	Lấy sỏi niệu quản qua nội soi	Lần
928	Cắt lách do u, ung thư,	Lần
929	Cắt lại dạ dày do ung thư	Lần
930	Cắt lại đại tràng do ung thư	Lần
931	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết dưới 20% diện tích cơ thể	Lần
932	Cắt lọc, loại bỏ dị vật vảy da, vảy tiết trên 20% diện tích cơ thể	Lần
933	Cắt lợi trùm răng khôn hàm dưới	Lần
934	Cắt thân và đuôi tụy	Lần
935	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư	Lần
936	Cắt toàn bộ dạ dày do ung thư tạo hình bằng đoạn ruột non	Lần
937	Cắt toàn bộ đại tràng do ung thư	Lần
938	Nội soi bằng quang	Lần
939	Cắt từ 3 tạng trở lên trong điều trị ung thư tiêu hóa	Lần
940	Cắt u bàng quang đường trên	Lần
941	Cắt u lành thực quản	Lần
942	Cắt u sau phúc mạc	Lần
943	Cắt u thượng thận	Lần
944	Cắt u trực tràng ống hậu môn đường dưới	Lần
945	Cắt ung thư thận	Lần
946	Châm TCA điều trị sẹo lõm	Lần
947	Trích áp xe quanh Amidan	Lần
948	Trích áp xe tuyến Bartholin	Lần
949	Nội soi bằng quang chẩn đoán (Nội soi bằng quang không sinh thiết)	Lần
950	Trích rạch màng nhĩ	Lần
951	Chọc dịch tụy sống	Lần
952	Chọc dò màng ngoài tim cấp cứu	Lần
953	Chọc dò màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
954	Chọc dò tụy sống trẻ sơ sinh	Lần
955	Chọc hút dịch màng ngoài tim dưới siêu âm	Lần
956	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang giáp	Lần
957	Chọc hút dịch và bơm thuốc điều trị nang giáp	Lần
958	Chọc hút dịch, khí trung thất	Lần
959	Chọc hút tụy xương làm tủy đồ	Lần
960	Nội soi bằng quang để sinh thiết bằng quang đa điểm	Lần
961	Chọc hút tụy xương làm tủy đồ	Lần
962	Chọc hút tụy xương làm tủy đồ	Lần
963	Chọc hút và tiêm thuốc nang gan	Lần
964	Chọc tháo dịch màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
965	Cố định lồng ngực do chấn thương gãy xương sườn	Lần

966	Cố định tạm thời sơ cứu gãy xương hàm	Lần
967	Dẫn lưu áp xe phổi	Lần
968	Dẫn lưu dịch màng ngoài tim cấp cứu	Lần
969	Dẫn lưu dịch, máu màng ngoài tim	Lần
970	Dẫn lưu đường mật ra da do ung thư	Lần
971	Nội soi bàng quang gấp dị vật bàng quang	Lần
972	Đắp mặt nạ điều trị bệnh da	Lần
973	Đặt catheter động mạch	Lần
974	Đặt catheter động mạch phổi	Lần
975	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	Lần
976	Đặt catheter tĩnh mạch trung tâm	Lần
977	Đặt dẫn lưu đường mật xuống tá tràng theo đường qua da	Lần
978	Đặt dẫn lưu ổ dịch/áp xe ổ bụng sau mổ dưới siêu âm	Lần
979	Đặt sonde dẫn lưu khoang màng phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
980	Điều trị basedow bằng ^{131}I	Lần
981	Điều trị bệnh basedow bằng ^{131}I	Lần
982	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần
983	Điều trị bớt sắc tố, chứng tăng sắc tố bằng laser: YAG-KTP, Rubi, IPL...	Lần
984	Điều trị các thương tổn có sùi bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
985	Điều trị chai chân bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
986	Điều trị chứng dày sừng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng, gọt cắt bỏ	Lần
987	Điều trị dày sừng da dầu, ánh sáng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
988	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
989	Điều trị hạt cơm phẳng bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
990	Điều trị K giáp biệt hóa sau phẫu thuật bằng I^{131}	Lần
991	Nội soi bơm rửa bàng quang, bơm hóa chất	Lần
992	Điều trị răng sữa viêm tủy có hồi phục	Lần
993	Điều trị sản cục bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
994	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng Eugenate	Lần
995	Điều trị sâu ngà răng phục hồi bằng GlassIonomer Cement (GIC) kết hợp Compoglass	Lần
996	Điều trị sẹo lõm bằng tiêm Acid hyaluronic	Lần
997	Điều trị sẹo xấu bằng hóa chất	Lần
998	Điều trị sùi mào gà ở nam giới bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
999	Điều trị sùi mào gà ở phụ nữ bằng đốt điện, plasma, laser, nitơ lỏng	Lần
1000	Điều trị tủy răng sữa	Lần
1001	Nội soi bơm rửa bàng quang, lấy máu cục	Lần
1002	Điều trị tủy răng sữa	Lần
1003	Điều trị viêm loét niêm mạc miệng trẻ em	Lần
1004	Đo điện thính giác thân não	Lần
1005	Đo thị giác tương phản	Lần
1006	Đốt lạnh họng hạt	Lần
1007	Đốt nhiệt họng hạt	Lần
1008	Gây dính màng phổi bằng các loại thuốc, hóa chất	Lần
1009	Giảm mẫn cảm dưới lưỡi mặt nhà	Lần

1010	Giảm mẫn cảm đường tiêm và dưới da	Lần
1011	Hào châm	Lần
1012	Kéo nắn cột sống cổ	Lần
1013	Kéo nắn cột sống thắt lưng	Lần
1014	Kích thích tim tạm thời với điện cực ngoài lồng ngực	Lần
1015	Kích thích tim với tần số cao	Lần
1016	Làm Proetz	Lần
1017	Làm thuốc tai	Lần
1018	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	Lần
1019	Giác hút	Lần
1020	Laser châm	Lần
1021	Lấy calci đông dưới kết mạc	Lần
1022	Lấy dị vật hạ họng	Lần
1023	Lấy máu làm huyết thanh	Lần
1024	Lọc màng bụng cấp cứu	Lần
1025	Lọc máu hấp thụ bằng than hoạt	Lần
1026	Lọc máu liên tục (CRRT)	Lần
1027	Mở khí quản qua da cấp cứu	Lần
1028	Mổ thăm dò ổ bụng, sinh thiết u	Lần
1029	Mổ thông bàng quang trên xương mu	Lần
1030	Mổ thông dạ dày bằng nội soi	Lần
1031	Mổ thông dạ dày ra da do ung thư	Lần
1032	Nắn sai khớp thái dương hàm đến muộn có gây tê	Lần
1033	Nắn tuyến bờ mi, đánh bờ mi	Lần
1034	Nắn, bó bột gãy xương gót	Lần
1035	Nắn, bó bột trật khớp háng	Lần
1036	Nắn, bó bột trật khớp háng	Lần
1037	Nắn, bó bột trật khớp vai	Lần
1038	Nắn, bó bột trật khớp vai	Lần
1039	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	Lần
1040	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	Lần
1041	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	Lần
1042	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	Lần
1043	Nắn, cố định trật khớp háng không có chỉ định phẫu thuật	Lần
1044	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần
1045	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Lần
1046	Nhét bắc mũi sau	Lần
1047	Nhét bắc mũi trước	Lần
1048	Nhĩ châm	Lần
1049	Nhổ chân răng sữa	Lần
1050	Nhổ răng sữa	Lần
1051	Nổi mật-Hồng tràng do ung thư	Lần
1052	Nội soi bàng quang, đưa catheter lên niệu quản bơm rửa niệu quản sau tán sỏi ng	Lần
1053	Nội soi đặt dẫn lưu đường mật qua nội soi tá tràng	Lần

1054	Nội soi đặt ống thông niệu quản (sonde JJ)	Lần
1055	Nội soi màng phổi để chẩn đoán	Lần
1056	Nội soi mật tụy ngược dòng để cắt cơ vòng oddi dẫn lưu mật hoặc lấy sỏi đường	Lần
1057	Nội soi mật tụy ngược dòng để chẩn đoán bệnh lý đường mật tụy	Lần
1058	Nội soi mật tụy ngược dòng để đặt stent đường mật tụy	Lần
1059	Nội soi mở thông dạ dày	Lần
1060	Nội soi nong đường mật, oddi	Lần
1061	Nội soi tán sỏi niệu quản (búa khí nén, siêu âm, laser)	Lần
1062	Nong động mạch thận	Lần
1063	Nong hẹp thực quản, môn vị, tá tràng	Lần
1064	Nút động mạch kết hợp hóa chất điều trị ung thư gan trước phẫu thuật	Lần
1065	Nút động mạch kết hợp hóa chất điều trị ung thư thận trước phẫu thuật	Lần
1066	Ôn châm	Lần
1067	PET/CT	Lần
1068	Phản ứng phân hủy Mastocyte	Lần
1069	Phát hiện chất độc bằng sắc ký khí	Lần
1070	Phong bế ngoài màng cứng	Lần
1071	Phục hồi cổ răng bằng Composite	Lần
1072	Phục hồi cổ răng bằng Glassionomer Cement (GiC)	Lần
1073	Rửa cùng đồ	Lần
1074	Rửa dạ dày cấp cứu	Lần
1075	Rửa dạ dày loại bỏ chất độc bằng hệ thống kín	Lần
1076	Rửa toàn bộ hệ thống tiêu hóa (dạ dày, tiểu tràng, đại tràng)	Lần
1077	Rút sonde dẫn lưu màng phổi, sonde dẫn lưu ổ áp xe	Lần
1078	Sắc thuốc thang	Lần
1079	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Lần
1080	Siêu âm doppler mạch máu cấp cứu	Lần
1081	Siêu lọc máu tái hấp phụ phân tử (gan nhân tạo) (MARS)	Lần
1082	Hô hấp áp lực dương liên tục (CPAP) không xâm nhập ở trẻ sơ sinh (thở CPAP c	Lần
1083	Sinh thiết gan bằng kim/dụng cụ sinh thiết dưới siêu âm	Lần
1084	Sinh thiết thận qua da dưới siêu âm	Lần
1085	Sốc điện ngoài lồng ngực cấp cứu	Lần
1086	Sốc điện phá rung nhĩ, cơn tim đập nhanh	Lần
1087	Soi dạ dày thực quản chẩn đoán và cầm máu	Lần
1088	Soi đại tràng cầm máu	Lần
1089	Soi đại tràng chẩn đoán bằng ống soi mềm	Lần
1090	Soi trực tràng	Lần
1091	Tạo nhịp tim cấp cứu với điện cực ngoài	Lần
1092	Tập nhược thị	Lần
1093	Test áp (Patch test) với các loại thuốc	Lần
1094	Test Denver đánh giá phát triển tâm thần vận động	Lần
1095	Test hành vi cảm xúc CBCL	Lần
1096	Test lấy da (Prick test) với các loại thuốc	Lần
1097	Test lấy da với các dị nguyên	Lần

1098	Test lấy da với các dị nguyên	Lần
1099	Test nội bì	Lần
1100	Test nội bì	Lần
1101	Tháo lồng bằng bơm khí/nước	Lần
1102	Thay huyết tương	Lần
1103	Thông vòi nhĩ	Lần
1104	Thủ thuật nong vòi nhĩ	Lần
1105	Thủ thuật nong vòi nhĩ	Lần
1106	Thuỷ châm điều trị bại não	Lần
1107	Thuỷ châm điều trị bệnh hổ mắt	Lần
1108	Thuỷ châm điều trị bệnh tự kỷ	Lần
1109	Thuỷ châm điều trị bệnh vảy nến	Lần
1110	Thuỷ châm điều trị bí đái	Lần
1111	Thuỷ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Lần
1112	Thuỷ châm điều trị chứng tic	Lần
1113	Thuỷ châm điều trị chứng ù tai	Lần
1114	Thuỷ châm điều trị cơn đau quặn thận	Lần
1115	Thuỷ châm điều trị đái dầm	Lần
1116	Thuỷ châm điều trị đau dạ dày	Lần
1117	Thuỷ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
1118	Thuỷ châm điều trị đau lưng	Lần
1119	Thuỷ châm điều trị đau mỏi cơ	Lần
1120	Thuỷ châm điều trị đau ngực, sườn	Lần
1121	Thuỷ châm điều trị đau răng	Lần
1122	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
1123	Thuỷ châm điều trị đau thần kinh tọa	Lần
1124	Thuỷ châm điều trị đau vùng ngực	Lần
1125	Thuỷ châm điều trị dị ứng	Lần
1126	Thuỷ châm điều trị động kinh	Lần
1127	Thuỷ châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần
1128	Thuỷ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần
1129	Nong niệu đạo và đặt sonde tiểu	Lần
1130	Thuỷ châm điều trị giảm khứ giác	Lần
1131	Thuỷ châm điều trị giảm thị lực	Lần
1132	Thuỷ châm điều trị giảm thính lực	Lần
1133	Thuỷ châm điều trị hen phế quản	Lần
1134	Thuỷ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
1135	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần
1136	Thuỷ châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần
1137	Thuỷ châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần
1138	Thuỷ châm điều trị huyết áp thấp	Lần
1139	Rửa bàng quang	Lần
1140	Thuỷ châm điều trị khàn tiếng	Lần
1141	Thuỷ châm điều trị lác	Lần

1142	Thủy châm điều trị liệt	Lần
1143	Thủy châm điều trị liệt chi dưới	Lần
1144	Thủy châm điều trị liệt chi trên	Lần
1145	Thủy châm điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần
1146	Thủy châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần
1147	Thủy châm điều trị liệt nửa người	Lần
1148	Thủy châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
1149	Thủy châm điều trị mất ngủ	Lần
1150	Rửa bàng quang lấy máu cục	Lần
1151	Thủy châm điều trị nôn, nấc	Lần
1152	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác	Lần
1153	Thủy châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
1154	Thủy châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần
1155	Thủy châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Lần
1156	Thủy châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
1157	Thủy châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
1158	Thủy châm điều trị rối loạn vận ngôn	Lần
1159	Thủy châm điều trị sa dạ dày	Lần
1160	Thủy châm điều trị stress	Lần
1161	Rút sonde JJ qua đường nội soi bàng quang	Lần
1162	Thủy châm điều trị sụp mí	Lần
1163	Thủy châm điều trị tăng huyết áp	Lần
1164	Thủy châm điều trị táo bón	Lần
1165	Thủy châm điều trị teo cơ	Lần
1166	Thủy châm điều trị thất ngôn	Lần
1167	Thủy châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần
1168	Thủy châm điều trị thoái hóa khớp	Lần
1169	Thủy châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
1170	Thủy châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần
1171	Thủy châm điều trị trĩ	Lần
1172	Rút sonde modelage qua đường nội soi bàng quang	Lần
1173	Thủy châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần
1174	Thủy châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
1175	Thủy châm điều trị viêm mũi dị ứng	Lần
1176	Thủy châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
1177	Thủy châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
1178	Thủy châm điều trị viêm xoang	Lần
1179	Tiêm bắp thịt	Lần
1180	Tiêm cạnh nhãn cầu	Lần
1181	Tiêm chất nhờn vào khớp	Lần
1182	Tiêm chất nhờn vào khớp	Lần
1183	Hút buồng tử cung do rong kinh, rong huyết	Lần
1184	Siêu âm can thiệp - chọc dịch ổ bụng xét nghiệm	Lần
1185	Tiêm corticoide vào khớp	Lần

1186	Tiêm corticoide vào khớp	Lần
1187	Tiêm dưới da	Lần
1188	Tiêm dưới kết mạc	Lần
1189	Tiêm hậu nhãn cầu	Lần
1190	Tiêm hóa chất vào nhân ung thư nguyên bào nuôi	Lần
1191	Tiêm thuốc điều trị u bạch huyết	Lần
1192	Tiêm tĩnh mạch	Lần
1193	Tiêm trong da	Lần
1194	Trám bít hố rãnh bằng Glassionomer Cement (GiC)	Lần
1195	Siêu âm can thiệp - đặt ống thông dẫn lưu dịch màng bụng liên tục	Lần
1196	Trám bít hố rãnh bằng nhựa Sealant	Lần
1197	Trám bít hố rãnh với Composite hóa trùng hợp	Lần
1198	Trám bít hố rãnh với Composite quang trùng hợp	Lần
1199	Trám bít hố rãnh với Glassionomer Cement (GiC) quang trùng hợp	Lần
1200	Truyền hóa chất tĩnh mạch	Lần
1201	Truyền hóa chất vào ổ bụng	Lần
1202	Truyền hóa động mạch	Lần
1203	Truyền tĩnh mạch	Lần
1204	Vận động trị liệu bằng quang	Lần
1205	Xông hơi thuốc	Lần
1206	Xông khói thuốc	Lần
1207	Xông thuốc bằng máy	Lần
1208	Chụp và phân tích da bằng máy phân tích da	Lần
1209	Đắp mặt nạ điều trị một số bệnh da	Lần
1210	Điều trị bớt sùi bằng Nitơ lỏng	Lần
1211	Sinh thiết màng phổi mù	Lần
1212	Điều trị các bệnh lý của da bằng PUVA tại chỗ	Lần
1213	Điều trị hạt cơm bằng Nitơ lỏng	Lần
1214	Điều trị hạt cơm bằng Plasma	Lần
1215	Điều trị rụng tóc bằng tiêm Triamcinolon dưới da	Lần
1216	Điều trị sần cục bằng Nitơ lỏng	Lần
1217	Sinh thiết phần mềm bằng kim bắn dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
1218	Điều trị sẹo lồi bằng Nitơ lỏng	Lần
1219	Điều trị sẹo lồi bằng tiêm Triamcinolon trong thương tổn	Lần
1220	Điều trị u mềm lây bằng nạo thương tổn	Lần
1221	Sinh thiết phần mềm bằng súng dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
1222	Điều trị viêm da cơ địa bằng máy	Lần
1223	Sinh thiết móng	Lần
1224	Bảng nghiệm kê nhân cách hướng nội hướng ngoại (EPI)	Lần
1225	Đo điện não vi tính	Lần
1226	Đo lưu huyết não	Lần
1227	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp	Lần
1228	Chọc hút dịch điều trị u nang giáp có hướng dẫn của siêu âm	Lần
1229	Chọc hút tế bào tuyến giáp	Lần

1230	Chọc hút u giáp có hướng dẫn của siêu âm	Lần
1231	Sinh thiết tuyến nước bọt	Lần
1232	Gọt chai chân (gọt nốt chai) trên người bệnh đái tháo đường	Lần
1233	Đặt thuốc YHCT	Lần
1234	Giác hơi điều trị các chứng đau	Lần
1235	Giác hơi điều trị cảm cúm	Lần
1236	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần
1237	Giác hơi điều trị ngoại cảm phong nhiệt	Lần
1238	Nắn, bó gãy xương cẳng chân bằng phương pháp YHCT	Lần
1239	Nắn, bó gãy xương cẳng tay bằng phương pháp YHCT	Lần
1240	Sinh thiết u phổi dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần
1241	Nắn, bó gãy xương cánh tay bằng phương pháp YHCT	Lần
1242	Ngâm thuốc YHCT bộ phận	Lần
1243	Ngâm thuốc YHCT toàn thân	Lần
1244	Sắc thuốc thang	Lần
1245	Sắc thuốc thang và đóng gói thuốc bằng máy	Lần
1246	Xoa bóp bấm huyệt bằng máy	Lần
1247	Xông hơi thuốc	Lần
1248	Xông khói thuốc	Lần
1249	Xông thuốc bằng máy	Lần
1250	Bó bột ống trong gãy xương bánh chè	Lần
1251	Soi đáy mắt cấp cứu tại giường	Lần
1252	Cắt gan có sử dụng kỹ thuật cao (dao siêu âm, sóng cao tần...)	Lần
1253	Dẫn lưu bằng quang bằng chọc troca	Lần
1254	Nắn, cố định trật khớp hàm	Lần
1255	Nắn, cố định trật khớp hàm	Lần
1256	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Lần
1257	Nắn, bó bột gãy xương gót	Lần
1258	Làm thuốc vết khâu tăng sinh môn nhiễm khuẩn	Lần
1259	Test chẩn đoán chết não bằng điện não đồ	Lần
1260	Đo khúc xạ khách quan (soi bóng đồng tử - Skiascope)	Lần
1261	Đo khúc xạ máy	Lần
1262	Khí dung mũi họng	Lần
1263	Khí dung thuốc cấp cứu (một lần)	Lần
1264	Khí dung thuốc qua thở máy (một lần)	Lần
1265	Xét nghiệm đông máu nhanh tại giường	Lần
1266	Khí dung thuốc giãn phế quản	Lần
1267	Khí dung thuốc cấp cứu	Lần
1268	Khí dung thuốc thở máy	Lần
1269	Khí dung vòm họng trong điều trị ung thư vòm	Lần
1270	Lấy dị vật âm đạo	Lần
1271	Test nhanh tìm hồng cầu ẩn trong phân	Lần
1272	Luyện tập dưỡng sinh	Lần
1273	Thay băng các vết loét hoại tử rộng sau TBMMN	Lần

1274	Bỏ thuốc	Lần
1275	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	Lần
1276	Nhổ chân răng vĩnh viễn	Lần
1277	Phẫu thuật nhổ răng lạc chỗ	Lần
1278	Hủy thai: cắt thai nhi trong ngôi ngang	Lần
1279	Đặt ống thông dạ dày	Lần
1280	Phẫu thuật nhổ răng ngầm	Lần
1281	Cắt các loại u vùng da đầu, cổ có đường kính dưới 5 cm	Lần
1282	Kỹ thuật điều trị bàn chân khoèo bẩm sinh theo phương pháp Ponsetti	Lần
1283	Cắt lọc tổ chức hoại tử hoặc cắt lọc vết thương đơn giản	Lần
1284	Thay băng vết mổ	Lần
1285	Hút đờm qua ống nội khí quản/canuyn mở khí quản bằng ống thông một lần ở ng	Lần
1286	Nạo sót thai, nạo sót rau sau sảy, sau đẻ	Lần
1287	Cấy chỉ khâu điều trị liệt các dây thần kinh	Lần
1288	Cấy chỉ điều trị bại não	Lần
1289	Phối hợp thận nhân tạo (HD) và hấp thụ máu (HP) bằng quả hấp phụ máu	Lần
1290	Cấy chỉ điều trị bệnh tâm căn suy nhược	Lần
1291	Thay băng vết mổ	Lần
1292	Đỡ đẻ thường ngôi chỏm	Lần
1293	Đặt đường truyền vào xương (qua đường xương)	Lần
1294	Nhổ răng thừa	Lần
1295	Nhổ răng vĩnh viễn lung lay	Lần
1296	Lấy dị vật hạ họng	Lần
1297	Làm thuốc tai, mũi, thanh quản	Lần
1298	Bơm thuốc thanh quản	Lần
1299	Truyền hóa chất tĩnh mạch	Lần
1300	Cấy chỉ điều trị bệnh tự kỷ	Lần
1301	Truyền hóa chất tĩnh mạch	Lần
1302	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Lần
1303	Khai thông mạch não bằng điều trị thuốc tiêu sợi huyết trong nhồi máu não cấp	Lần
1304	Hút đờm khí phế quản ở người bệnh sau đặt nội khí quản, mở khí quản, thở máy	Lần
1305	Điều trị thái độc bằng phương pháp tăng cường bài niệu	Lần
1306	Cấy chỉ điều trị bí đái	Lần
1307	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Lần
1308	Cấy chỉ điều trị bứt rứt cổ đơn thuần	Lần
1309	Cấy chỉ điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Lần
1310	Cấy chỉ điều trị chứng ù tai	Lần
1311	Cấy chỉ điều trị đái dầm	Lần
1312	Cấy chỉ điều trị đại, tiểu tiện không tự chủ	Lần
1313	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai đến hết 7 tuần	Lần
1314	Cấy chỉ điều trị đau dạ dày	Lần
1315	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
1316	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Lần
1317	Cấy chỉ điều trị đau mỗi cơ	Lần

1318	Cây chỉ điều trị đau ngực, sườn	Lần
1319	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
1320	Cây chỉ điều trị đau thần kinh tọa	Lần
1321	Cây chỉ điều trị di chứng bại liệt	Lần
1322	Cây chỉ điều trị dị ứng	Lần
1323	Cây chỉ điều trị động kinh	Lần
1324	Phá thai bằng thuốc cho tuổi thai từ 13 tuần đến hết tuần 22	Lần
1325	Cây chỉ điều trị giảm đau do ung thư	Lần
1326	Cây chỉ điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần
1327	Cây chỉ điều trị giảm khứu giác	Lần
1328	Cây chỉ điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Lần
1329	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	Lần
1330	Cây chỉ điều trị hen phế quản	Lần
1331	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
1332	Cây chỉ điều trị hội chứng vai gáy	Lần
1333	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	Lần
1334	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	Lần
1335	Phá thai to từ 13 tuần đến 22 tuần bằng phương pháp đặt túi nước	Lần
1336	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần
1337	Cây chỉ điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần
1338	Cây chỉ điều trị liệt nửa người	Lần
1339	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
1340	Cây chỉ điều trị mất ngủ	Lần
1341	Cây chỉ điều trị nôn, nấc	Lần
1342	Cây chỉ điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần
1343	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
1344	Cây chỉ điều trị rối loạn tiền đình	Lần
1345	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	Lần
1346	Cây chỉ điều trị táo bón	Lần
1347	Cây chỉ điều trị teo cơ	Lần
1348	Cây chỉ điều trị thất ngôn	Lần
1349	Cây chỉ điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần
1350	Cây chỉ điều trị thoái hóa khớp	Lần
1351	Cây chỉ điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
1352	Cây chỉ điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	Lần
1353	Cây chỉ điều trị trĩ	Lần
1354	Cây chỉ điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần
1355	Cây chỉ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
1356	Soi ối	Lần
1357	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Lần
1358	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
1359	Cây chỉ điều trị viêm xoang	Lần
1360	Trích áp xe phần mềm lớn	Lần
1361	Trích áp xe quanh Amidan	Lần

1362	Trích chấp, lẹo, trích áp xe mi, kết mạc	Lần
1363	Trích hạch viêm mủ	Lần
1364	Trích rạch áp xe nhỏ	Lần
1365	Chọc áp xe gan qua siêu âm	Lần
1366	Chọc dịch khớp	Lần
1367	Thủ thuật xoắn polyp cổ tử cung, âm đạo	Lần
1368	Chọc dịch màng bụng	Lần
1369	Chọc dò ổ bụng cấp cứu	Lần
1370	Chọc dò túi cùng Douglas	Lần
1371	Chọc dò túi cùng Douglas	Lần
1372	Chọc hút áp xe thành bụng	Lần
1373	Chọc hút dịch khí phế quản qua màng nhĩn giáp	Lần
1374	Chọc hút nước tiểu trên xương mu	Lần
1375	Chọc hút/dẫn lưu dịch màng phổi	Lần
1376	Chọc thăm dò màng phổi	Lần
1377	Bơm thông lệ đạo	Lần
1378	Chườm ngải	Lần
1379	Cứu điều trị bại não thể hàn	Lần
1380	Cứu điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Lần
1381	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Lần
1382	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Lần
1383	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Lần
1384	Cứu điều trị đau bụng ỉa chảy thể hàn	Lần
1385	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần
1386	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Lần
1387	Cứu điều trị đau thần kinh tọa thể hàn	Lần
1388	Bơm thông lệ đạo	Lần
1389	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần
1390	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	Lần
1391	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Lần
1392	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần
1393	Cứu điều trị liệt do bệnh của cơ thể hàn	Lần
1394	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần
1395	Cứu điều trị liệt thần kinh VII ngoại biên thể hàn	Lần
1396	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần
1397	Cứu điều trị nôn nấc thể hàn	Lần
1398	Cứu điều trị rối loạn cảm giác đầu chi thể hàn	Lần
1399	Trích chấp, lẹo, nang lông mi; trích áp xe mi, kết mạc	Lần
1400	Cứu điều trị rối loạn đại tiểu tiện thể hàn	Lần
1401	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Lần
1402	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Lần
1403	Cứu điều trị ù tai thể hàn	Lần
1404	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Lần
1405	Cứu điều trị liệt thể hàn	Lần

1406	Dẫn lưu áp xe phổi	Lần
1407	Dẫn lưu bể thận ngược dòng cấp cứu bằng nội soi	Lần
1408	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Lần
1409	Dẫn lưu dịch màng bụng	Lần
1410	Dẫn lưu ổ bụng cấp cứu	Lần
1411	Đặt catheter lọc máu cấp cứu	Lần
1412	Đặt dẫn lưu khí, dịch màng phổi	Lần
1413	Đặt nội khí quản 2 nòng	Lần
1414	Đặt nội khí quản	Lần
1415	Đặt ống thông dạ dày	Lần
1416	Đặt sonde hậu môn	Lần
1417	Đặt sonde hậu môn	Lần
1418	Điện châm điều trị rối loạn trị đại, tiểu tiện	Lần
1419	Đo nhãn áp	Lần
1420	Điện châm điều trị bại não	Lần
1421	Điện châm điều trị bệnh hó mắt	Lần
1422	Điện châm điều trị bệnh tự kỷ	Lần
1423	Điện châm điều trị bí đái	Lần
1424	Điện châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Lần
1425	Điện châm điều trị cảm cúm	Lần
1426	Điện châm điều trị chắp lẹo	Lần
1427	Điện châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Lần
1428	Điện châm điều trị chứng tic	Lần
1429	Đo thị trường chu biên	Lần
1430	Điện châm điều trị chứng ù tai	Lần
1431	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Lần
1432	Điện châm điều trị đái dầm	Lần
1433	Điện châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
1434	Điện châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Lần
1435	Điện châm điều trị đau lưng	Lần
1436	Điện châm điều trị đau mỏi cơ	Lần
1437	Điện châm điều trị đau ngực sườn	Lần
1438	Điện châm điều trị đau răng	Lần
1439	Điện châm điều trị đau thần kinh tọa	Lần
1440	Đo thị trường trung tâm, thị trường ám điểm	Lần
1441	Điện châm điều trị di chứng bại liệt	Lần
1442	Điện châm điều trị động kinh cục bộ	Lần
1443	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần
1444	Điện châm điều trị giảm đau do Zona	Lần
1445	Điện châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần
1446	Điện châm điều trị giảm khuru giác	Lần
1447	Điện châm điều trị giảm thị lực	Lần
1448	Điện châm điều trị giảm thính lực	Lần
1449	Điện châm điều trị hen phế quản	Lần

1450	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lần
1451	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
1452	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần
1453	Điện châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần
1454	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần
1455	Điện châm điều trị khản tiếng	Lần
1456	Điện châm điều trị lác	Lần
1457	Điện châm điều trị liệt chi dưới	Lần
1458	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần
1459	Điện châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần
1460	Điện châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần
1461	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tăng sinh môn	Lần
1462	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lần
1463	Điện châm điều trị liệt nửa người	Lần
1464	Điện châm điều trị mất ngủ	Lần
1465	Điện châm điều trị nôn nấc	Lần
1466	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác	Lần
1467	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
1468	Điện châm điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần
1469	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
1470	Điện châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
1471	Điện châm điều trị stress	Lần
1472	Điện châm điều trị sụp mi	Lần
1473	Lấy dị vật giác mạc sâu	Lần
1474	Điện châm điều trị tăng huyết áp	Lần
1475	Điện châm điều trị táo bón	Lần
1476	Điện châm điều trị teo cơ	Lần
1477	Điện châm điều trị thất ngôn	Lần
1478	Điện châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần
1479	Điện châm điều trị thoái hóa khớp	Lần
1480	Điện châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
1481	Điện châm điều trị tổn thương gây liệt rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần
1482	Điện châm điều trị viêm Amidan cấp	Lần
1483	Điện châm điều trị viêm bàng quang cấp	Lần
1484	Lấy dị vật kết mạc	Lần
1485	Điện châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần
1486	Điện châm điều trị viêm đa dây thần kinh	Lần
1487	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Lần
1488	Điện châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
1489	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần
1490	Điện châm điều trị viêm phần phụ	Lần
1491	Điện châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
1492	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
1493	Soi đáy mắt trực tiếp	Lần

1494	Soi góc tiền phòng	Lần
1495	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức BiPAP	Lần
1496	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PCV	Lần
1497	Tiêm cạnh nhãn cầu	Lần
1498	Thở máy bằng xâm nhập	Lần
1499	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức PSV	Lần
1500	Thông khí nhân tạo xâm nhập phương thức CPAP	Lần
1501	Cắt, đốt sùi mào gà âm hộ; âm đạo; tầng sinh môn	Lần
1502	Trích nhọt ống tai ngoài	Lần
1503	Tiêm dưới kết mạc	Lần
1504	Tiêm hậu nhãn cầu	Lần
1505	Truyền hóa chất tĩnh mạch	Lần
1506	Truyền hóa chất tĩnh mạch	Lần
1507	Tiêm nhu mô giác mạc	Lần
1508	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần
1509	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần
1510	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần
1511	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
1512	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
1513	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
1514	Điện móng châm điều trị bí đái	Lần
1515	Điện não đồ thường quy	Lần
1516	Trích áp xe vú	Lần
1517	Cắt phanh lưỡi	Lần
1518	Cắt phanh lưỡi	Lần
1519	Trích áp xe quanh Amidan	Lần
1520	Trích áp xe quanh Amidan	Lần
1521	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	Lần
1522	Trích áp xe sàn miệng	Lần
1523	Điều trị sùi mào gà (gây tê tùy sống) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	Lần
1524	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	Lần
1525	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	Lần
1526	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Lần
1527	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10 cm	Lần
1528	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Lần
1529	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10 cm	Lần
1530	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1531	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1532	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1533	Trích áp xe sàn miệng	Lần
1534	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1535	Lấy dị vật âm đạo	Lần
1536	Lấy dị vật giác mạc	Lần
1537	Lấy dị vật giác mạc	Lần

1538	Lấy dị vật giác mạc	Lần
1539	Lấy dị vật giác mạc	Lần
1540	Lấy dị vật kết mạc	Lần
1541	Lấy dị vật tai	Lần
1542	Lấy dị vật tai	Lần
1543	Lấy dị vật tai	Lần
1544	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Lần
1545	Lọc màng bụng chu kỳ	Lần
1546	Lọc màng bụng chu kỳ	Lần
1547	Mở màng phổi tối thiểu	Lần
1548	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Lần
1549	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Lần
1550	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Lần
1551	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Lần
1552	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Lần
1553	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Lần
1554	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Lần
1555	Nắn, bó bột cột sống	Lần
1556	Nắn, bó bột cột sống	Lần
1557	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần
1558	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần
1559	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
1560	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
1561	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Lần
1562	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Lần
1563	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Lần
1564	Chọc rửa xoang hàm	Lần
1565	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Lần
1566	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
1567	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
1568	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Lần
1569	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Lần
1570	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Lần
1571	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Lần
1572	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Lần
1573	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Lần
1574	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần
1575	Đặt nội khí quản	Lần
1576	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần
1577	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Lần
1578	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Lần
1579	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần
1580	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần
1581	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Lần

1582	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Lần
1583	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Lần
1584	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Lần
1585	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Lần
1586	Chọc dò túi cùng Douglas	Lần
1587	Đốt điện cuốn mũi dưới	Lần
1588	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Lần
1589	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Lần
1590	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Lần
1591	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Lần
1592	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Lần
1593	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Lần
1594	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Lần
1595	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Lần
1596	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Lần
1597	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Lần
1598	Đốt điện cuốn mũi dưới	Lần
1599	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Lần
1600	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần
1601	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần
1602	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Lần
1603	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Lần
1604	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ 1V	Lần
1605	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ 1V	Lần
1606	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần
1607	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần
1608	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Lần
1609	Khâu vết rách vành tai	Lần
1610	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Lần
1611	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Lần
1612	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Lần
1613	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Lần
1614	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Lần
1615	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần
1616	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần
1617	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Lần
1618	Lấy dị vật hạ họng	Lần
1619	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Lần
1620	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần
1621	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần
1622	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Lần
1623	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Lần
1624	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Lần
1625	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Lần

1626	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Lần
1627	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Lần
1628	Nắn, cố định trật khớp hàm	Lần
1629	Lấy dị vật họng miệng	Lần
1630	Nắn, cố định trật khớp hàm	Lần
1631	Nội soi bàng quang	Lần
1632	Nội soi bàng quang sinh thiết	Lần
1633	Nội soi bàng quang tìm xem đài dương chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để	Lần
1634	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	Lần
1635	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần
1636	Nội soi lấy sỏi niệu quản	Lần
1637	Nội soi niệu quản chẩn đoán	Lần
1638	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Lần
1639	Lấy dị vật mũi	Lần
1640	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	Lần
1641	Rạch áp xe túi lệ	Lần
1642	Rửa bàng quang lấy máu cục	Lần
1643	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	Lần
1644	Soi đại tràng sinh thiết	Lần
1645	Lấy dị vật mũi	Lần
1646	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Lần
1647	Soi đáy mắt cấp cứu	Lần
1648	Soi đáy mắt trực tiếp	Lần
1649	Soi góc tiền phòng	Lần
1650	Thăm dò chức năng hô hấp	Lần
1651	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch)	Lần
1652	Lấy dị vật tai	Lần
1653	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần
1654	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần
1655	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần
1656	Thở máy bằng xâm nhập	Lần
1657	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, thở BiPAP)	Lần
1658	Thông tiểu	Lần
1659	Thụt tháo phân	Lần
1660	Thụt tháo phân	Lần
1661	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Lần
1662	Lấy dị vật tai	Lần
1663	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại	Lần
1664	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	Lần
1665	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	Lần
1666	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần
1667	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần
1668	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần
1669	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đài dầm	Lần

1670	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	Lần
1671	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
1672	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm	Lần
1673	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần
1674	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	Lần
1675	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	Lần
1676	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	Lần
1677	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
1678	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	Lần
1679	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	Lần
1680	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	Lần
1681	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Lần
1682	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần
1683	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	Lần
1684	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứ giác	Lần
1685	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Lần
1686	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần
1687	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần
1688	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần
1689	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần
1690	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hysteria	Lần
1691	Xoa bóp bấm huyệt điều trị lác	Lần
1692	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt	Lần
1693	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt các dây thần kinh	Lần
1694	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi dưới	Lần
1695	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt chi trên	Lần
1696	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần
1697	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần
1698	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt do viêm não	Lần
1699	Xoa bóp bấm huyệt điều trị liệt nửa người	Lần
1700	Xoa bóp bấm huyệt điều trị mất ngủ	Lần
1701	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Lần
1702	Xoa bóp bấm huyệt điều trị nôn, nấc	Lần
1703	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác	Lần
1704	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Lần
1705	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
1706	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần
1707	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
1708	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
1709	Xoa bóp bấm huyệt điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Lần
1710	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sa trực tràng	Lần
1711	Xoa bóp bấm huyệt điều trị stress	Lần
1712	Xoa bóp bấm huyệt điều trị sụp mí	Lần
1713	Xoa bóp bấm huyệt điều trị tâm căn suy nhược	Lần

1714	Xoa bóp bấm huyết điều trị tăng huyết áp	Lần
1715	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Lần
1716	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	Lần
1717	Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ	Lần
1718	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hóa khớp	Lần
1719	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
1720	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần
1721	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần
1722	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
1723	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	Lần
1724	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
1725	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Lần
1726	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ	Lần
1727	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
1728	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	Lần
1729	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần
1730	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
1731	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	Lần
1732	Điều trị bớt sùi bằng laser CO2	Lần
1733	Điều trị bớt sùi bằng Plasma	Lần
1734	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB tại chỗ	Lần
1735	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	Lần
1736	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng laser CO2	Lần
1737	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma	Lần
1738	Điều trị dày sừng da dầu bằng đốt điện	Lần
1739	Điều trị dày sừng da dầu bằng laser CO2	Lần
1740	Điều trị dày sừng da dầu bằng Plasma	Lần
1741	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	Lần
1742	Điều trị hạt cơm bằng laser CO2	Lần
1743	Điều trị sần cục bằng đốt điện	Lần
1744	Điều trị sần cục bằng laser CO2	Lần
1745	Điều trị sần cục bằng Plasma	Lần
1746	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	Lần
1747	Điều trị sùi mào gà bằng laser CO2	Lần
1748	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma	Lần
1749	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	Lần
1750	Điều trị u mềm treo bằng laser CO2	Lần
1751	Điều trị u mềm treo bằng Plasma	Lần
1752	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng laser CO2	Lần
1753	Sinh thiết hạch, cơ, thần kinh và các u dưới da	Lần
1754	Sinh thiết niêm mạc	Lần
1755	Bỏ thuốc	Lần
1756	Cấy chỉ	Lần
1757	Cấy chỉ khâu điều trị hội chứng dạ dày - tá tràng	Lần

1758	Cây chỉ điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần
1759	Cây chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần
1760	Cây chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	Lần
1761	Cây chỉ điều trị đái dầm	Lần
1762	Cây chỉ điều trị đau bụng kinh	Lần
1763	Cây chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
1764	Cây chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần
1765	Cây chỉ điều trị đau lưng	Lần
1766	Cây chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
1767	Cây chỉ điều trị di tinh	Lần
1768	Cây chỉ điều trị giảm thị lực	Lần
1769	Cây chỉ điều trị giảm thính lực	Lần
1770	Cây chỉ điều trị hen phế quản	Lần
1771	Cây chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
1772	Cây chỉ điều trị hội chứng thắt lưng hông	Lần
1773	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền đình	Lần
1774	Cây chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần
1775	Cây chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	Lần
1776	Cây chỉ điều trị huyết áp thấp	Lần
1777	Cây chỉ điều trị khàn tiếng	Lần
1778	Cây chỉ điều trị liệt chi dưới	Lần
1779	Cây chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần
1780	Cây chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần
1781	Cây chỉ điều trị liệt dương	Lần
1782	Cây chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần
1783	Cây chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
1784	Cây chỉ điều trị mất ngủ	Lần
1785	Cây chỉ điều trị mày đay	Lần
1786	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	Lần
1787	Cây chỉ điều trị nấc	Lần
1788	Cây chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần
1789	Cây chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần
1790	Cây chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
1791	Cây chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	Lần
1792	Cây chỉ điều trị sa dạ dày	Lần
1793	Cây chỉ điều trị sa tử cung	Lần
1794	Cây chỉ điều trị tâm căn suy nhược	Lần
1795	Cây chỉ điều trị táo bón kéo dài	Lần
1796	Cây chỉ điều trị thất vận ngôn	Lần
1797	Cây chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần
1798	Cây chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Lần
1799	Cây chỉ điều trị viêm mũi xoang	Lần
1800	Cây chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
1801	Cây chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	Lần

1802	Cây chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
1803	Sinh thiết u họng miệng	Lần
1804	Điều trị bằng các dòng điện xung	Lần
1805	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	Lần
1806	Điều trị bằng điện trường cao áp	Lần
1807	Chích lễ	Lần
1808	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Lần
1809	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Lần
1810	Chườm ngải	Lần
1811	Cứu	Lần
1812	Cứu điều trị bí đại thể hàn	Lần
1813	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Lần
1814	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần
1815	Cứu điều trị đại dâm thể hàn	Lần
1816	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Lần
1817	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần
1818	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Lần
1819	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần
1820	Điều trị bằng ion tĩnh điện	Lần
1821	Cứu điều trị di tinh thể hàn	Lần
1822	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Lần
1823	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Lần
1824	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	Lần
1825	Cứu điều trị khản tiếng thể hàn	Lần
1826	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Lần
1827	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần
1828	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Lần
1829	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	Lần
1830	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần
1831	Điều trị bằng laser công suất thấp	Lần
1832	Cứu điều trị nấc thể hàn	Lần
1833	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần
1834	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Lần
1835	Cứu điều trị rối loạn thần kinh thực vật thể hàn	Lần
1836	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Lần
1837	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	Lần
1838	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	Lần
1839	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Lần
1840	Điện châm	Lần
1841	Điện châm điều trị bí đại cơ năng	Lần
1842	Điều trị bằng Parafin	Lần
1843	Điện châm điều trị cảm mạo	Lần
1844	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần
1845	Điện châm điều trị chấp lẹo	Lần

1846	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Lần
1847	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Lần
1848	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần
1849	Điện châm điều trị đau hố mắt	Lần
1850	Điện châm điều trị đau răng	Lần
1851	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần
1852	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Lần
1853	Điều trị bằng siêu âm	Lần
1854	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Lần
1855	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
1856	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần
1857	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần
1858	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần
1859	Điện châm điều trị khản tiếng	Lần
1860	Điện châm điều trị lác cơ năng	Lần
1861	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần
1862	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Lần
1863	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Lần
1864	Điều trị bằng sóng cực ngắn	Lần
1865	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần
1866	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
1867	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Lần
1868	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần
1869	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
1870	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần
1871	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần
1872	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
1873	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần
1874	Điện châm điều trị sa tử cung	Lần
1875	Điều trị bằng sóng ngắn	Lần
1876	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần
1877	Điện châm điều trị trĩ	Lần
1878	Điện châm điều trị ù tai	Lần
1879	Điện châm điều trị viêm Amidan	Lần
1880	Điện châm điều trị viêm bàng quang	Lần
1881	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Lần
1882	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần
1883	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
1884	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần
1885	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	Lần
1886	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	Lần
1887	Lấy cao răng	Lần
1888	Lấy cao răng	Lần
1889	Bơm thông lệ đạo	Lần

1890	Cắt chỉ khâu kết mạc	Lần
1891	Thông khí nhân tạo không xâm nhập phương thức CPAP	Lần
1892	Nội soi khí phế quản lấy dị vật	Lần
1893	Cắt, đốt sỏi mào gà âm hộ, âm đạo, tăng sinh môn	Lần
1894	Chích rạch nhọt, Áp xe nhỏ dẫn lưu	Lần
1895	Điện mãng châm điều trị liệt nửa người	Lần
1896	Tiêm dưới kết mạc	Lần
1897	Điện mãng châm điều trị liệt sau giai đoạn cấp	Lần
1898	Điện mãng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
1899	Điện mãng châm điều trị liệt VII ngoại biên	Lần
1900	Điện mãng châm điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Lần
1901	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
1902	Điện mãng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần
1903	Điện mãng châm điều trị rối loạn tiêu hoá	Lần
1904	Điện mãng châm điều trị sa dạ dày	Lần
1905	Điện mãng châm điều trị stress	Lần
1906	Điện mãng châm điều trị tâm căn suy nhược	Lần
1907	Tiêm hậu nhãn cầu	Lần
1908	Điện mãng châm điều trị tăng huyết áp	Lần
1909	Điện mãng châm điều trị teo cơ	Lần
1910	Điện mãng châm điều trị thất ngôn	Lần
1911	Điện mãng châm điều trị thoái hoá khớp	Lần
1912	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
1913	Điện mãng châm điều trị tổn thương dây, rễ và đám rối thần kinh	Lần
1914	Điện mãng châm điều trị trĩ	Lần
1915	Điện mãng châm điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần
1916	Điện mãng châm điều trị viêm da thần kinh	Lần
1917	Điện mãng châm điều trị viêm kết mạc	Lần
1918	Tiêm nhu mô giác mạc	Lần
1919	Điện mãng châm điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
1920	Điện mãng châm điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
1921	Điện mãng châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
1922	Điện mãng châm điều trị viêm tuyến vú, tắc tia sữa	Lần
1923	Điện mãng châm điều trị bí đái	Lần
1924	Điện não đồ thường quy	Lần
1925	Điện nhĩ châm điều trị bại não	Lần
1926	Điện nhĩ châm điều trị bệnh hồ mắt	Lần
1927	Điện nhĩ châm điều trị bệnh tự kỷ	Lần
1928	Điện nhĩ châm điều trị béo phì	Lần
1929	Tiêm nội nhãn (Kháng sinh, antiVEGF, corticoid...)	Lần
1930	Điện nhĩ châm điều trị bí đái	Lần
1931	Điện nhĩ châm điều trị bướu cổ đơn thuần	Lần
1932	Điện nhĩ châm điều trị chấp lẹo	Lần
1933	Điện nhĩ châm điều trị chứng nói ngọng, nói lắp	Lần
1934	Điện nhĩ châm điều trị chứng ù tai	Lần
1935	Điện nhĩ châm điều trị đái dầm	Lần

1936	Điện nhĩ châm điều trị đau dạ dày	Lần
1937	Điện nhĩ châm điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
1938	Điện nhĩ châm điều trị đau lưng	Lần
1939	Điện nhĩ châm điều trị đau mắt cơ	Lần
1940	Chích áp xe vú	Lần
1941	Cắt phanh lưỡi	Lần
1942	Điện nhĩ châm điều trị đau ngực, sườn	Lần
1943	Điện nhĩ châm điều trị đau răng	Lần
1944	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
1945	Điện nhĩ châm điều trị đau thần kinh tọa	Lần
1946	Điện nhĩ châm điều trị động kinh	Lần
1947	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần
1948	Điện nhĩ châm điều trị giảm đau ung thư	Lần
1949	Điện nhĩ châm điều trị giảm khúu giác	Lần
1950	Điện nhĩ châm điều trị giảm thị lực	Lần
1951	Điện nhĩ châm điều trị giảm thính lực	Lần
1952	Cắt phanh lưỡi	Lần
1953	Điện nhĩ châm điều trị hen phế quản	Lần
1954	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
1955	Điện nhĩ châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần
1956	Điện nhĩ châm điều trị huyết áp thấp	Lần
1957	Điện nhĩ châm điều trị khản tiếng	Lần
1958	Điện nhĩ châm điều trị lác	Lần
1959	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi dưới	Lần
1960	Điện nhĩ châm điều trị liệt chi trên	Lần
1961	Điện nhĩ châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần
1962	Điện nhĩ châm điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần
1963	Chích áp xe quanh Amidan	Lần
1964	Điện nhĩ châm điều trị liệt nửa người	Lần
1965	Điện nhĩ châm điều trị mất ngủ	Lần
1966	Điện nhĩ châm điều trị nôn, nấc	Lần
1967	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn đại tiện	Lần
1968	Điện nhĩ châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
1969	Điện nhĩ châm điều trị sa dạ dày	Lần
1970	Điện nhĩ châm điều trị sa trực tràng	Lần
1971	Điện nhĩ châm điều trị sụp mi	Lần
1972	Điện nhĩ châm điều trị tăng huyết áp	Lần
1973	Điện nhĩ châm điều trị táo bón	Lần
1974	Chích áp xe quanh Amidan	Lần
1975	Điện nhĩ châm điều trị thất ngôn	Lần
1976	Điện nhĩ châm điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần
1977	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
1978	Điện nhĩ châm điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần
1979	Điện nhĩ châm điều trị trĩ	Lần
1980	Điện nhĩ châm điều trị viêm kết mạc	Lần
1981	Điện nhĩ châm điều trị viêm mũi dị ứng	Lần

1982	Điện nhĩ châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
1983	Điện nhĩ châm điều trị viêm xoang	Lần
1984	Điều trị sùi mào gà (gây mê) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	Lần
1985	Chích áp xe sàn miệng	Lần
1986	Điều trị sùi mào gà (gây tê tùy sống) bằng đốt điện, plasma, laser, nito lỏng	Lần
1987	Hỗ trợ hô hấp xâm nhập qua nội khí quản	Lần
1988	Khâu lại da vết phẫu thuật sau nhiễm khuẩn	Lần
1989	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	Lần
1990	Khâu vết thương phần mềm dài dưới 10cm	Lần
1991	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	Lần
1992	Khâu vết thương phần mềm dài trên 10cm	Lần
1993	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1994	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1995	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1996	Chích áp xe sàn miệng	Lần
1997	Khâu vết thương phần mềm vùng đầu cổ	Lần
1998	Lấy dị vật âm đạo	Lần
1999	Lấy dị vật giác mạc	Lần
2000	Lấy dị vật giác mạc	Lần
2001	Lấy dị vật giác mạc	Lần
2002	Lấy dị vật giác mạc	Lần
2003	Lấy dị vật kết mạc	Lần
2004	Lấy dị vật tai	Lần
2005	Lấy dị vật tai	Lần
2006	Lấy dị vật tai	Lần
2007	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Lần
2008	Lọc màng bụng chu kỳ	Lần
2009	Lọc màng bụng chu kỳ	Lần
2010	Mở màng phổi tối thiểu	Lần
2011	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Lần
2012	Nắn bó bột gãy và trật khớp khuỷu	Lần
2013	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Lần
2014	Nắn, bó bột bong sụn tiếp khớp khuỷu, khớp cổ tay	Lần
2015	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Lần
2016	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ O	Lần
2017	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Lần
2018	Chích áp xe thành sau họng gây tê/gây mê	Lần
2019	Nắn, bó bột chỉnh hình chân chữ X	Lần
2020	Nắn, bó bột cột sống	Lần
2021	Nắn, bó bột cột sống	Lần
2022	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần
2023	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng chân	Lần
2024	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
2025	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới hai xương cẳng tay	Lần
2026	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Lần
2027	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới thân xương cánh tay	Lần

2028	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Lần
2029	Chọc rửa xoang hàm	Lần
2030	Nắn, bó bột gãy 1/3 dưới xương đùi	Lần
2031	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
2032	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng chân	Lần
2033	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Lần
2034	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa thân xương cánh tay	Lần
2035	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Lần
2036	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa xương đùi	Lần
2037	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Lần
2038	Nắn, bó bột gãy 1/3 giữa hai xương cẳng tay	Lần
2039	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần
2040	Đặt nội khí quản	Lần
2041	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng chân	Lần
2042	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Lần
2043	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên hai xương cẳng tay	Lần
2044	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần
2045	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên thân xương cánh tay	Lần
2046	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Lần
2047	Nắn, bó bột gãy 1/3 trên xương đùi	Lần
2048	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Lần
2049	Nắn, bó bột gãy cổ xương cánh tay	Lần
2050	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Lần
2051	Chọc dò túi cùng Douglas	Lần
2052	Đốt điện cuốn mũi dưới	Lần
2053	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi	Lần
2054	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Lần
2055	Nắn, bó bột gãy cổ xương đùi, vỡ ổ cối và trật khớp háng	Lần
2056	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Lần
2057	Nắn, bó bột gãy Dupuytren	Lần
2058	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Lần
2059	Nắn, bó bột gãy lồi cầu xương đùi	Lần
2060	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Lần
2061	Nắn, bó bột gãy mâm chày	Lần
2062	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Lần
2063	Đốt điện cuốn mũi dưới	Lần
2064	Nắn, bó bột gãy Monteggia	Lần
2065	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần
2066	Nắn, bó bột gãy một xương cẳng tay	Lần
2067	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Lần
2068	Nắn, bó bột gãy Pouteau-Colles	Lần
2069	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ 1V	Lần
2070	Nắn, bó bột gãy trên lồi cầu xương cánh tay trẻ em độ 3 và độ 1V	Lần
2071	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần
2072	Nắn, bó bột gãy xương bàn chân	Lần
2073	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Lần

2074	Khâu vết rách vành tai	Lần
2075	Nắn, bó bột gãy xương bàn, ngón tay	Lần
2076	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần
2077	Nắn, bó bột gãy xương chày	Lần
2078	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Lần
2079	Nắn, bó bột gãy xương ngón chân	Lần
2080	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Lần
2081	Nắn, bó bột trật khớp cổ chân	Lần
2082	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần
2083	Nắn, bó bột trật khớp gối	Lần
2084	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Lần
2085	Lấy dị vật hạ họng	Lần
2086	Nắn, bó bột trật khớp háng bẩm sinh	Lần
2087	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần
2088	Nắn, bó bột trật khớp khuỷu	Lần
2089	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Lần
2090	Nắn, bó bột trật khớp xương đòn	Lần
2091	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Lần
2092	Nắn, bó bột trong bong sụn tiếp khớp gối, khớp háng	Lần
2093	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Lần
2094	Nắn, bó bột gãy xương chậu	Lần
2095	Nắn, cố định trật khớp hàm	Lần
2096	Lấy dị vật họng miệng	Lần
2097	Nắn, cố định trật khớp hàm	Lần
2098	Nội soi bàng quang	Lần
2099	Nội soi bàng quang sinh thiết	Lần
2100	Nội soi bàng quang tìm xem đài dương chấp, đặt catheter lên thận bơm thuốc để	Lần
2101	Nội soi bàng quang, bơm rửa lấy máu cục tránh phẫu thuật	Lần
2102	Nội soi bàng quang, lấy dị vật, sỏi	Lần
2103	Nội soi khí phế quản hút đờm	Lần
2104	Nội soi lấy sỏi niệu quản	Lần
2105	Nội soi niệu quản chẩn đoán	Lần
2106	Nội soi ổ bụng để thăm dò, chẩn đoán	Lần
2107	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Lần
2108	Nội soi ổ bụng- sinh thiết	Lần
2109	Nội soi phế quản ống mềm	Lần
2110	Nội soi phế quản ống mềm	Lần
2111	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	Lần
2112	Nội soi thực quản, dạ dày, tá tràng có thể kết hợp sinh thiết	Lần
2113	Rạch áp xe túi lệ	Lần
2114	Rửa bàng quang lấy máu cục	Lần
2115	Siêu âm màng ngoài tim cấp cứu	Lần
2116	Siêu âm màng phổi	Lần
2117	Soi đại tràng sinh thiết	Lần
2118	Lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Lần
2119	Soi đáy mắt bằng kính 3 mặt gương	Lần

2120	Soi đáy mắt cấp cứu	Lần
2121	Soi đáy mắt trực tiếp	Lần
2122	Soi góc tiền phòng	Lần
2123	Thăm dò chức năng hô hấp	Lần
2124	Thận nhân tạo (ở người đã có mở thông động tĩnh mạch)	Lần
2125	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)	Lần
2126	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần
2127	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần
2128	Thay băng, cắt chỉ vết mổ	Lần
2129	Thở máy bằng xâm nhập	Lần
2130	Thở máy không xâm nhập (thở CPAP, Thở BiPAP)	Lần
2131	Thông tiểu	Lần
2132	Thụt tháo phân	Lần
2133	Thụt tháo phân	Lần
2134	Từ châm	Lần
2135	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Lần
2136	Lấy dị vật tai (gậy mê/ gậy tê)	Lần
2137	Xoa bóp bấm huyệt điều trị béo phì	Lần
2138	Xoa bóp bấm huyệt điều trị bí đại	Lần
2139	Xoa bóp bấm huyệt điều trị choáng ngất	Lần
2140	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng tic	Lần
2141	Xoa bóp bấm huyệt điều trị chứng ù tai	Lần
2142	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi dưới	Lần
2143	Xoa bóp bấm huyệt điều trị cứng khớp chi trên	Lần
2144	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đái dầm	Lần
2145	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau dạ dày	Lần
2146	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
2147	Nội soi chọc thông xoang trán/xoang bướm gây tê/gây mê	Lần
2148	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau lưng	Lần
2149	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau mỏi cơ	Lần
2150	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau ngực, sườn	Lần
2151	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau răng	Lần
2152	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
2153	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau thần kinh tọa	Lần
2154	Xoa bóp bấm huyệt điều trị đau vùng ngực	Lần
2155	Xoa bóp bấm huyệt điều trị động kinh	Lần
2156	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau do ung thư	Lần
2157	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm đau sau phẫu thuật	Lần
2158	Chọc hút dịch màng bụng, màng phổi do quá kích buồng trứng	Lần
2159	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	Lần
2160	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm khứu giác	Lần
2161	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thị lực do teo gai thị	Lần
2162	Xoa bóp bấm huyệt điều trị giảm thính lực	Lần
2163	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hen phế quản	Lần
2164	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng tiền đình	Lần
2165	Xoa bóp bấm huyệt điều trị hội chứng vai gáy	Lần

2166	Xoa bóp bấm huyết điều trị hysteria	Lần
2167	Xoa bóp bấm huyết điều trị lác	Lần
2168	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt	Lần
2169	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt các dây thần kinh	Lần
2170	Nội soi đốt điện cuốn mũi dưới	Lần
2171	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi dưới	Lần
2172	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt chi trên	Lần
2173	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên	Lần
2174	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do bệnh của cơ	Lần
2175	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt do viêm não	Lần
2176	Xoa bóp bấm huyết điều trị liệt nửa người	Lần
2177	Xoa bóp bấm huyết điều trị mất ngủ	Lần
2178	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	Lần
2179	Xoa bóp bấm huyết điều trị nôn, nấc	Lần
2180	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác	Lần
2181	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Lần
2182	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
2183	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn chức năng do chấn thương sọ não	Lần
2184	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
2185	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn tiêu hoá	Lần
2186	Xoa bóp bấm huyết điều trị rối loạn đại, tiểu tiện	Lần
2187	Xoa bóp bấm huyết điều trị sa trực tràng	Lần
2188	Xoa bóp bấm huyết điều trị stress	Lần
2189	Xoa bóp bấm huyết điều trị sụp mí	Lần
2190	Xoa bóp bấm huyết điều trị tâm căn suy nhược	Lần
2191	Xoa bóp bấm huyết điều trị tăng huyết áp	Lần
2192	Nội soi lấy dị vật mũi gây tê/gây mê	Lần
2193	Xoa bóp bấm huyết điều trị táo bón	Lần
2194	Xoa bóp bấm huyết điều trị teo cơ	Lần
2195	Xoa bóp bấm huyết điều trị thoái hoá khớp	Lần
2196	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương dây thần kinh V	Lần
2197	Xoa bóp bấm huyết điều trị tổn thương rễ, đám rối và dây thần kinh	Lần
2198	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm cơ cứng cơ delta	Lần
2199	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
2200	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm mũi xoang	Lần
2201	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
2202	Xoa bóp bấm huyết cai thuốc lá	Lần
2203	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Lần
2204	Xoa bóp bấm huyết điều trị bệnh tự kỷ	Lần
2205	Xoa bóp bấm huyết điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
2206	Xoa bóp bấm huyết điều trị huyết áp thấp	Lần
2207	Xoa bóp bấm huyết điều trị thiếu máu não mạn tính	Lần
2208	Xoa bóp bấm huyết điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
2209	Điều trị bớt sùi bằng đốt điện	Lần
2210	Điều trị bớt sùi bằng Laser CO2	Lần
2211	Điều trị bớt sùi bằng Plasma	Lần

2212	Điều trị các bệnh lý của da bằng UVB tại chỗ	Lần
2213	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng đốt điện	Lần
2214	Nội soi lấy dị vật tai gây mê/[gây tê]	Lần
2215	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Laser CO2	Lần
2216	Điều trị dày sừng ánh nắng bằng Plasma	Lần
2217	Điều trị dày sừng da đầu bằng đốt điện	Lần
2218	Điều trị dày sừng da đầu bằng Laser CO2	Lần
2219	Điều trị dày sừng da đầu bằng Plasma	Lần
2220	Điều trị hạt cơm bằng đốt điện	Lần
2221	Điều trị hạt cơm bằng Laser CO2	Lần
2222	Điều trị sần cục bằng đốt điện	Lần
2223	Điều trị sần cục bằng Laser CO2	Lần
2224	Điều trị sần cục bằng Plasma	Lần
2225	Nội soi phế quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần
2226	Điều trị sùi mào gà bằng đốt điện	Lần
2227	Điều trị sùi mào gà bằng Laser CO2	Lần
2228	Điều trị sùi mào gà bằng Plasma	Lần
2229	Điều trị u mềm treo bằng đốt điện	Lần
2230	Điều trị u mềm treo bằng Laser CO2	Lần
2231	Điều trị u mềm treo bằng Plasma	Lần
2232	Điều trị u ống tuyến mồ hôi bằng Laser CO2	Lần
2233	Sinh thiết hạch, cơ, thần kinh và các u dưới da	Lần
2234	Sinh thiết niêm mạc	Lần
2235	Bó thuốc	Lần
2236	Nội soi thanh quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần
2237	Cấy chỉ	Lần
2238	Cấy chỉ khâu điều trị hội chứng dạ dày- tá tràng	Lần
2239	Cấy chỉ khâu điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần
2240	Cấy chỉ điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần
2241	Cấy chỉ điều trị cơn động kinh cục bộ	Lần
2242	Cấy chỉ điều trị sỏi mật	Lần
2243	Cấy chỉ điều trị đau bụng kinh	Lần
2244	Cấy chỉ điều trị đau đầu, đau nửa đầu	Lần
2245	Cấy chỉ điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần
2246	Cấy chỉ điều trị đau lưng	Lần
2247	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần
2248	Cấy chỉ điều trị đau thần kinh liên sườn	Lần
2249	Cấy chỉ điều trị di tinh	Lần
2250	Cấy chỉ điều trị giảm thị lực	Lần
2251	Cấy chỉ điều trị giảm thính lực	Lần
2252	Cấy chỉ điều trị hen phế quản	Lần
2253	Cấy chỉ điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
2254	Cấy chỉ điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần
2255	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền đình	Lần
2256	Cấy chỉ điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần
2257	Cấy chỉ điều trị hội chứng tự kỷ	Lần

2258	Nội soi thực quản ống cứng lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần
2259	Cấy chỉ điều trị huyết áp thấp	Lần
2260	Cấy chỉ điều trị khản tiếng	Lần
2261	Cấy chỉ điều trị liệt chi dưới	Lần
2262	Cấy chỉ điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần
2263	Cấy chỉ điều trị liệt do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần
2264	Cấy chỉ điều trị liệt dương	Lần
2265	Cấy chỉ điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần
2266	Cấy chỉ điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
2267	Cấy chỉ điều trị mất ngủ	Lần
2268	Cấy chỉ điều trị mày đay	Lần
2269	Chọc hút dịch, khí màng phổi sơ sinh	Lần
2270	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Lần
2271	Cấy chỉ điều trị nấc	Lần
2272	Cấy chỉ điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần
2273	Cấy chỉ điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần
2274	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
2275	Cấy chỉ điều trị rối loạn tiểu tiện không tự chủ	Lần
2276	Cấy chỉ điều trị sa dạ dày	Lần
2277	Cấy chỉ điều trị sa tử cung	Lần
2278	Cấy chỉ điều trị tâm căn suy nhược	Lần
2279	Cấy chỉ điều trị táo bón kéo dài	Lần
2280	Cấy chỉ điều trị thất vận ngôn	Lần
2281	Nội soi thực quản ống cứng sinh thiết u gây tê/gây mê	Lần
2282	Cấy chỉ điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần
2283	Cấy chỉ điều trị viêm mũi dị ứng	Lần
2284	Cấy chỉ điều trị viêm mũi xoang	Lần
2285	Cấy chỉ điều trị viêm quanh khớp vai	Lần
2286	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị vẩy nến	Lần
2287	Cấy chỉ hỗ trợ điều trị viêm khớp dạng thấp	Lần
2288	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần
2289	Nội soi thực quản ống mềm lấy dị vật gây tê/gây mê	Lần
2290	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	Lần
2291	Nội soi thực quản ống mềm sinh thiết u gây tê/gây mê	Lần
2292	Sinh thiết u họng miệng	Lần
2293	Điều trị bằng các dòng điện xung	Lần
2294	Điều trị bằng điện phân dẫn thuốc	Lần
2295	Điều trị bằng điện trường cao áp	Lần
2296	Chích lễ	Lần
2297	Dẫn lưu cùng đồ Douglas	Lần
2298	Điều trị bằng dòng điện một chiều đều	Lần
2299	Chườm ngải	Lần
2300	Cứu	Lần
2301	Cứu điều trị bí đái thể hàn	Lần
2302	Cứu điều trị cảm cúm thể hàn	Lần
2303	Cứu điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần

2304	Cứu điều trị đái dầm thể hàn	Lần
2305	Cứu điều trị đau bụng kinh thể hàn	Lần
2306	Cứu điều trị đau đầu, đau nửa đầu thể hàn	Lần
2307	Cứu điều trị đau lưng thể hàn	Lần
2308	Cứu điều trị đau vai gáy cấp thể hàn	Lần
2309	Điều trị bằng ion tĩnh điện	Lần
2310	Cứu điều trị di tinh thể hàn	Lần
2311	Cứu điều trị giảm khứu giác thể hàn	Lần
2312	Cứu điều trị giảm thính lực thể hàn	Lần
2313	Cứu điều trị hội chứng thất lưng- hông thể phong hàn	Lần
2314	Cứu điều trị khàn tiếng thể hàn	Lần
2315	Cứu điều trị liệt chi dưới thể hàn	Lần
2316	Cứu điều trị liệt chi trên thể hàn	Lần
2317	Cứu điều trị liệt dây thần kinh số VII ngoại biên thể hàn	Lần
2318	Cứu điều trị liệt dương thể hàn	Lần
2319	Cứu điều trị liệt nửa người thể hàn	Lần
2320	Điều trị bằng Laser công suất thấp	Lần
2321	Cứu điều trị nấc thể hàn	Lần
2322	Cứu điều trị ngoại cảm phong hàn	Lần
2323	Cứu điều trị rối loạn kinh nguyệt thể hàn	Lần
2324	Cứu điều trị rối loạn thân kinh thực vật thể hàn	Lần
2325	Cứu điều trị rối loạn tiêu hóa thể hàn	Lần
2326	Cứu điều trị rối loạn tiểu tiện thể hàn	Lần
2327	Cứu điều trị sa tử cung thể hàn	Lần
2328	Cứu hỗ trợ điều trị bệnh tự kỷ thể hàn	Lần
2329	Điện châm	Lần
2330	Điện châm điều trị bí đái cơ năng	Lần
2331	Điều trị bằng Parafin	Lần
2332	Điện châm điều trị cảm mạo	Lần
2333	Điện châm điều trị chậm phát triển trí tuệ ở trẻ bại não	Lần
2334	Điện châm điều trị chấp lẹo	Lần
2335	Điện châm điều trị chứng tic cơ mặt	Lần
2336	Điện châm điều trị cơn đau quặn thận	Lần
2337	Điện châm điều trị đau do thoái hóa khớp	Lần
2338	Điện châm điều trị đau hồ mắt	Lần
2339	Điện châm điều trị đau răng	Lần
2340	Điện châm điều trị giảm đau do ung thư	Lần
2341	Điện châm điều trị giảm đau do zona	Lần
2342	Điều trị bằng siêu âm	Lần
2343	Điện châm điều trị giảm khứu giác	Lần
2344	Điện châm điều trị hội chứng ngoại tháp	Lần
2345	Điện châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần
2346	Điện châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần
2347	Điện châm điều trị huyết áp thấp	Lần
2348	Điện châm điều trị khàn tiếng	Lần
2349	Điện châm điều trị lác cơ năng	Lần

2350	Điện châm điều trị liệt chi trên	Lần
2351	Điện châm điều trị liệt do tổn thương đám rối dây thần kinh	Lần
2352	Điện châm điều trị liệt do viêm đa rễ, đa dây thần kinh	Lần
2353	Điều trị bằng sóng cực ngắn	Lần
2354	Điện châm điều trị liệt tay do tổn thương đám rối cánh tay ở trẻ em	Lần
2355	Điện châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
2356	Điện châm điều trị phục hồi chức năng cho trẻ bại liệt	Lần
2357	Điện châm điều trị phục hồi chức năng vận động ở trẻ bại não	Lần
2358	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác đầu chi	Lần
2359	Điện châm điều trị rối loạn cảm giác nông	Lần
2360	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng sau chấn thương sọ não	Lần
2361	Điện châm điều trị rối loạn thần kinh thực vật	Lần
2362	Điện châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần
2363	Điện châm điều trị sa tử cung	Lần
2364	Điều trị bằng sóng ngắn	Lần
2365	Điện châm điều trị thiếu năng tuần hoàn não mạn tính	Lần
2366	Điện châm điều trị trĩ	Lần
2367	Điện châm điều trị ù tai	Lần
2368	Điện châm điều trị viêm amidan	Lần
2369	Điện châm điều trị viêm bàng quang	Lần
2370	Điện châm điều trị viêm kết mạc	Lần
2371	Điện châm điều trị viêm mũi xoang	Lần
2372	Điện châm điều trị viêm thần kinh thị giác sau giai đoạn cấp	Lần
2373	Điện mẫn châm điều trị	Lần
2374	Điện mẫn châm điều trị béo phì	Lần
2375	Điều trị bằng tia hồng ngoại	Lần
2376	Điện mẫn châm điều trị bí đái cơ năng	Lần
2377	Điện mẫn châm điều trị đái dầm	Lần
2378	Điện mẫn châm điều trị đau dây thần kinh liên sườn	Lần
2379	Điện mẫn châm điều trị đau hố mắt	Lần
2380	Điện mẫn châm điều trị đau lưng	Lần
2381	Điện mẫn châm điều trị đau răng	Lần
2382	Điện mẫn châm điều trị đau thần kinh V	Lần
2383	Điện mẫn châm điều trị di tinh	Lần
2384	Điện mẫn châm điều trị giảm đau do thoái hóa khớp	Lần
2385	Điện mẫn châm điều trị giảm thị lực	Lần
2386	Điều trị bằng tia tử ngoại tại chỗ	Lần
2387	Điện mẫn châm điều trị hen phế quản	Lần
2388	Điện mẫn châm điều trị hội chứng- dạ dày tá tràng	Lần
2389	Điện mẫn châm điều trị hội chứng thắt lưng- hông	Lần
2390	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền đình	Lần
2391	Điện mẫn châm điều trị hội chứng tiền mãn kinh	Lần
2392	Điện mẫn châm điều trị hội chứng vai gáy	Lần
2393	Điện mẫn châm điều trị huyết áp thấp	Lần
2394	Điện mẫn châm điều trị khàn tiếng	Lần
2395	Điện mẫn châm điều trị liệt chi dưới	Lần

2396	Điện mẫnng châm điều trị liệt chi trên	Lần
2397	Điều trị bằng tia tử ngoại toàn thân	Lần
2398	Điện mẫnng châm điều trị liệt dây thần kinh VII ngoại biên	Lần
2399	Điện mẫnng châm điều trị liệt do bệnh cơ ở trẻ em	Lần
2400	Điện mẫnng châm điều trị liệt dương	Lần
2401	Điện mẫnng châm điều trị liệt nửa người do tai biến mạch máu não	Lần
2402	Điện mẫnng châm điều trị liệt tứ chi do chấn thương cột sống	Lần
2403	Điện mẫnng châm điều trị rối loạn kinh nguyệt	Lần
2404	Điện mẫnng châm điều trị rối loạn thần kinh chức năng do chấn thương sọ não	Lần
2405	Điện mẫnng châm điều trị rối loạn tiêu hóa	Lần
2406	Điện mẫnng châm điều trị rối loạn tiểu tiện	Lần
2407	Điện mẫnng châm điều trị sa dạ dày	Lần

Đơn giá
194,700
628,500
41,900
41,900
41,100
40,200
749,600
370,100
257,000
192,400
76,300
54,800
54,800
52,100
76,300
76,300
76,300
54,800
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
59,300
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
101,800
59,300

[illegible]

[illegible]

76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
59,300
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
92,400
59,300
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
230,500
659,600
950,500
950,500
950,500
372,700
59,300
372,700
372,700
659,600
379,600
372,700
300,100
372,700
372,700
372,700
59,300

372,700
659,600
659,600
372,700
372,700
372,700
372,700
300,100
372,700
33,400
372,700
372,700
372,700
372,700
372,700
659,600
659,600
372,700
372,700
659,600
33,400
379,600
659,600
379,600
372,700
300,100
659,600
379,600
372,700
300,100
372,700
33,400
242,400
372,700
372,700
372,700
242,400
372,700
300,100
257,000
192,400
257,000
33,400
192,400

659,600
379,600
372,700
434,600
434,600
434,600
256,600
257,000
33,400
257,000
257,000
192,400
282,000
282,000
342,000
187,000
282,000
182,000
749,600
33,400
370,100
749,600
370,100
434,600
256,600
342,000
342,000
434,600
256,600
282,000
33,400
182,000
667,000
297,000
685,500
25,100
192,300
192,300
385,400
213,400
759,800
40,900
33,400
648,200

262,900
262,900
1,607,200
1,607,200
458,200
458,200
618,300
618,300
33,400
983,300
983,300
279,500
1,369,400
1,079,400
139,000
873,000
951,600
1,069,900
444,800
33,400
126,900
2,287,400
825,800
825,800
685,500
685,500
389,400
682,500
522,000
59,300
2,520,200
1,663,600
582,500
438,500
2,077,900
914,600
1,472,000
627,100
313,500
9,418,100
59,300
1,265,200
352,300
352,300

450,000
700,200
429,500
152,000
414,500
1,182,500
2,367,500
33,400
700,200
700,200
1,249,700
290,800
270,500
5,495,300
11,801,200
8,490,300
8,490,300
8,208,300
59,300
4,955,100
4,943,100
4,941,100
4,955,100
8,208,300
8,208,300
9,970,200
6,140,200
6,024,400
6,419,200
59,300
7,639,200
4,703,100
935,900
935,900
29,111,000
29,111,000
987,200
1,096,200
1,876,600
228,500
33,400
27,500
2,683,900
2,683,900

4,870,100
8,490,300
171,900
51,400
240,500
290,800
172,800
41,100
33,400
29,111,000
29,111,000
29,111,000
29,111,000
29,111,000
29,111,000
29,111,000
29,111,000
29,111,000
29,111,000
59,300
29,111,000
29,111,000
29,111,000
40,300
59,300
40,300
40,300
40,300
40,300
40,300
40,300
222,300
58,300
222,300
222,300
342,400
59,300
342,400
438,500
69,400
77,000
68,000
80,600
77,000
77,000

33,400
40,900
69,000
289,500
40,900
130,900
218,500
218,500
48,300
241,500
69,700
33,400
43,600
46,400
77,000
165,500
126,500
22,000
139,000
33,400
69,300
64,300
89,400
153,600
22,000
70,300
139,000
139,000
33,400
321,400
1,601,900
545,500
754,400
69,300
263,700
545,500
414,400
380,100
14,700
280,500
280,500
110,800
1,832,000
369,500

369,500
245,500
245,500
245,500
33,400
245,500
68,900
68,900
30,800
50,800
68,900
285,400
71,200
617,800
191,500
33,400
2,085,400
2,040,800
1,051,800
352,800
219,700
162,700
64,900
51,300
1,153,800
32,900
14,700
124,000
77,500
32,900
318,700
173,700
144,700
124,000
68,900
1,260,800
7,118,100
33,400
2,405,100
280,500
171,900
171,900
764,500
196,900

463,500
764,500
586,300
1,245,900
14,700
171,900
170,900
170,900
2,963,000
240,900
825,800
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
6,218,100
5,840,300
9,368,100
5,840,300
5,840,300
5,840,300
5,840,300
9,418,100
9,418,100
9,418,100
9,368,100
9,368,100
5,840,300
9,418,100
9,418,100
9,368,100
5,840,300
9,368,100
9,418,100
9,418,100
9,418,100
9,968,100
9,418,100

9,418,100
9,418,100
9,418,100
9,418,100
9,418,100
9,418,100
9,368,100
9,968,100
9,968,100
9,418,100
9,418,100
9,968,100
9,418,100
9,418,100
9,418,100
9,968,100
2,405,100
9,968,100
649,800
280,800
426,800
426,800
9,368,100
7,118,100
9,368,100
9,418,100
9,418,100
7,118,100
1,191,900
569,800
2,405,100
2,405,100
2,405,100
2,405,100
1,245,900
659,900
1,245,900
659,900
3,918,100
2,405,100
604,800
3,918,100
2,405,100
3,418,100

3,418,100
3,418,100
3,418,100
3,418,100
252,300
73,300
3,418,100
2,405,100
2,405,100
2,405,100
73,300
2,405,100
7,118,100
7,118,100
7,118,100
1,923,400
1,972,300
1,972,300
1,064,900
1,064,900
879,400
411,800
1,972,300
1,064,900
879,400
1,972,300
879,400
1,772,300
1,772,300
1,064,900
1,064,900
451,800
660,400
3,918,100
1,972,300
1,972,300
170,900
879,400
1,972,300
3,418,100
3,418,100
2,379,900
549,900
126,900

1,404,500
274,500
2,710,500
1,508,100
659,900
126,900
280,500
280,500
58,400
147,900
192,300
192,300
685,500
729,400
192,300
263,700
4,587,800
685,500
685,500
1,879,900
248,500
600,500
600,500
600,500
885,800
101,800
7,740,800
272,900
605,100
42,100
136,000
532,500
224,400
100,900
228,500
228,500
2,310,600
532,400
373,600
14,100
786,700
64,300
14,100
252,300

[illegible]

1,400,500
625,000
625,000
625,000
625,000
625,000
625,000
32,900
16,000
7,118,100
248,500
1,158,500
1,048,500
1,879,900
1,879,900
153,700
126,900
153,700
280,500
280,500
280,500
162,900
1,158,500
126,700
126,700
171,900
171,900
171,900
126,700
171,900
126,700
171,900
195,900
101,800
195,900
195,900
246,800
659,900
685,500
280,500
1,251,400
729,400
6,906,400
405,500

248,500
2,125,300
1,879,900
600,500
101,800
92,400
950,500
101,800
285,400
1,510,300
75,200
1,260,800
1,260,800
1,260,800
35,600
144,300
2,077,900
135,300
55,900
135,300
228,500
135,300
75,200
215,800
192,300
129,600
144,900
759,800
129,600
144,900
129,600
144,900
129,600
129,600
144,900
129,600
144,900
14,100
759,800
129,600
144,900
126,700
171,900
1,879,900

1,176,100
89,300
595,500
595,500
405,500
1,030,000
1,570,000
2,745,200
215,800
215,800
236,600
463,500
695,300
532,400
2,718,800
2,718,800
975,300
905,700
1,095,300
60,000
588,500
148,600
1,345,000
1,176,100
1,376,100
1,406,600
7,118,100
7,118,100
7,118,100
7,118,100
193,600
152,000
8,858,800
194,700
194,700
194,700
194,700
586,300
586,300
586,300
586,300
275,600
586,300
586,300

2,125,300
586,300
659,900
659,900
1,376,600
586,300
92,400
58,600
92,400
834,300
2,310,600
2,310,600
365,100
1,042,500
2,454,000
135,300
263,700
764,500
1,734,600
511,400
6,218,100
6,218,100
92,400
92,400
104,400
104,400
104,400
104,400
405,500
104,400
148,700
104,400
104,400
148,700
104,400
104,400
148,700
104,400
148,700
405,500
104,400
148,700
104,400
148,700

104,400
148,700
104,400
148,700
104,400
148,700
405,500
104,400
148,700
104,400
104,400
148,700
104,400
148,700
104,400
148,700
104,400
148,700
104,400
1,158,500
148,700
104,400
148,700
104,400
148,700
104,400
148,700
104,400
148,700
104,400
1,158,500
148,700
32,900
64,900
380,200
165,500
167,000
248,500
286,500
48,700
1,141,900
1,158,500
5,495,300
5,495,300
5,495,300
11,801,200

8,490,300
8,490,300
5,100,100
7,639,200
4,955,100
1,010,000
4,943,100
8,208,300
4,941,100
458,200
618,300
178,900
4,955,100
8,208,300
8,208,300
4,941,100
575,300
9,970,200
6,140,200
6,024,400
6,419,200
6,823,200
7,639,200
4,703,100
351,000
295,500
951,600
575,300
69,300
126,900
280,500
195,900
126,900
280,500
178,500
240,900
1,443,900
549,900
720,300
147,900
2,379,900
586,300
195,900
58,400

414,400
729,400
280,500
280,500
2,917,900
953,800
231,700
578,500
4,587,800
1,158,500
1,158,500
3,918,100
659,900
729,400
935,900
935,900
953,800
1,652,800
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
1,096,200
575,300
380,100
399,000
280,500
280,500
351,000
351,000
399,000
399,000
296,100
953,800
415,500
36,500
185,300
77,000
141,500
89,400
228,500
979,400

979,400
76,300
54,800
54,800
1,042,500
1,042,500
69,300
22,000
22,000
1,141,900
52,100
40,900
43,100
69,000
1,030,000
2,310,600
2,310,600
759,800
2,683,900
405,500
2,745,200
2,683,900
1,832,000
40,900
167,000
667,000
297,000
342,000
187,000
119,200
119,200
119,200
667,000
297,000
54,800
54,800
139,000
139,000
76,300
46,600
46,600
4,870,100
500,500
2,522,400

950,500
534,400
2,522,400
2,718,800
2,718,800
2,745,200
2,308,300
1,345,000
7,118,100
2,373,500
9,418,100
9,418,100
76,300
20,161,400
307,800
1,381,900
682,500
369,500
369,500
48,300
152,000
622,500
880,200
194,700
14,000
14,000
252,300
2,353,500
625,000
1,064,900
1,064,900
1,042,500
1,042,500
798,300
656,700
352,100
215,200
1,042,500
43,600
546,100
40,600
40,600
394,800
344,400

[illegible]

77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
230,500
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
953,800
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
953,800
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
77,100
15,100
55,000
104,400
148,700
236,500
195,900
104,400

148,700
15,100
55,000
55,000
290,800
869,100
15,100
15,100
245,500
195,900
245,500
245,500
245,500
245,500
172,800
240,500
382,500
25,100
318,700
50,300
45,300
50,300
222,800
231,700
380,200
463,500
306,000
380,200
425,100
351,000
380,200
879,400
380,200
351,000
380,200
138,500
1,175,100
377,000
35,600
75,200
50,500
178,500
240,900
126,700

170,900
138,500
292,300
51,100
36,700
36,700
36,700
36,700
119,200
119,200
1,064,900
119,200
54,800
54,800
14,000
14,000
39,000
50,300
45,300
50,300
167,000
60,000
7,712,200
1,096,500
434,600
256,600
434,600
167,000
94,600
75,200
33,600
12,700
27,500
27,500
27,500
13,600
27,500
27,500
27,500
27,500
653,700
71,600
33,400
148,600

57,600
2,951,800
217,200
369,500
2,951,800
101,800
239,500
771,000
257,000
194,700
121,400
14,100
376,500
156,400
156,400
3,477,200
156,400
89,500
786,700
885,800
239,500
110,600
43,100
22,000
22,000
144,800
156,400
144,800
771,900
578,500
14,100
172,800
156,400
194,700
156,400
156,400
156,400
156,400
156,400
156,400
199,700
156,400
156,400
156,400
156,400

[illegible]

[illegible]

[illegible]

60,000
625,000
625,000
55,000
625,000
625,000
625,000
889,700
218,500
55,000
55,000
144,800
144,800
55,000
300,100
192,400
257,000
372,700
300,100
300,100
78,300
75,200
251,500
771,900
344,200
295,500
771,900
889,700
295,500
889,700
625,000
289,500
289,500
289,500
269,500
354,200
194,700
269,500
289,500
771,900
354,200
653,700
727,900
99,400

946,900
359,500
71,500
70,300
530,700
170,600
295,500
595,500
595,500
628,500
434,600
434,600
434,600
372,700
372,700
372,700
771,900
659,600
379,600
300,100
372,700
372,700
372,700
372,700
300,100
659,600
310,500
379,600
372,700
300,100
372,700
300,100
659,600
659,600
372,700
242,400
372,700
600,500
372,700
372,700
372,700
372,700
300,100
659,600

379,600
372,700
372,700
659,600
312,500
489,900
379,600
659,600
379,600
372,700
300,100
659,600
379,600
372,700
300,100
372,700
705,500
242,400
372,700
372,700
372,700
242,400
372,700
300,100
192,400
257,000
257,000
194,700
192,400
257,000
257,000
282,000
282,000
282,000
182,000
749,600
43,100
370,100
434,600
434,600
434,600
256,600
282,000
282,000

[illegible]

[illegible]

76,000
213,900
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
530,700
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
76,000
399,000
399,000
399,000
40,200
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
889,700
399,000
399,000
399,000
399,000
399,000
294,500
138,500
57,600
156,400
156,400

[illegible]

156,400
138,500
44,900
48,900
41,900
76,300
929,400
48,900
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
41,900
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
52,100
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
37,000
78,300
78,300
46,000
78,300
78,300
78,300

78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
48,700
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
41,100
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
41,100
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
78,300
40,900
40,200
40,200
159,100
92,500
105,800

[illegible]

[illegible]

71,400
71,400
758,000
274,000
758,000
583,000
268,000
268,000
268,000
248,000
248,000
184,000
184,000
184,000
274,000
184,000
602,000
893,000
893,000
893,000
893,000
67,000
520,000
520,000
520,000
274,000
574,000
574,000
607,000
412,000
412,000
412,000
412,000
348,000
348,000
348,000
274,000
348,000
637,000
637,000
348,000
348,000
348,000
348,000
271,000
271,000

637,000
289,000
637,000
348,000
348,000
348,000
348,000
637,000
637,000
348,000
348,000
348,000
579,000
348,000
348,000
348,000
271,000
271,000
637,000
637,000
348,000
348,000
637,000
291,000
463,000
637,000
637,000
637,000
271,000
271,000
637,000
637,000
348,000
348,000
223,000
463,000
223,000
348,000
348,000
348,000
348,000
348,000
348,000
242,000
242,000
242,000

184,000
242,000
348,000
348,000
242,000
242,000
267,000
267,000
267,000
267,000
727,000
41,600
727,000
412,000
412,000
412,000
412,000
267,000
267,000
637,000
637,000
412,000
41,600
412,000
543,000
675,000
712,000
915,000
915,000
1,478,000
968,000
943,000
854,000
684,000
1,023,000
768,000
768,000
255,000
255,000
197,000
209,000
49,300
49,300
430,000
684,000
55,300

69,300
69,300
69,300
69,300
463,000
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
684,000
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
201,000
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
520,000
69,300
69,300
69,300
69,300
69,300
357,000
357,000
357,000

[illegible]

722,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
150,000
722,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
722,000
148,000
148,000
148,000
148,000
148,000
742,000
742,000
742,000
742,000
130,000
42,700
46,700
39,700
69,400
869,000
46,700
36,100
36,100
36,100
36,100
36,100

[illegible]

[illegible]

[illegible]

GIÁ XÉT NGHIỆM HÓA SINH

TT	Tên dịch vụ	DVT	Đơn giá
1	Định lượng Pre-albumin [Máu]	Lần	100,900
2	Định lượng Glucose [Máu]	Lần	22,400
3	Định lượng Creatinin (máu)	Lần	22,400
4	Định lượng Cholesterol toàn phần (máu)	Lần	28,000
5	Định lượng CRP hs (C-Reactive Protein high sesitivity) [Máu]	Lần	56,100
6	Định lượng Bilirubin gián tiếp [Máu]	Lần	100,900
7	Đo lactat trong máu	Lần	56,100
8	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	Lần	84,100
9	Định lượng Ferritin [Máu]	Lần	13,400
10	Định lượng Canxi ion hóa bằng điện cực chọn lọc [Máu]	Lần	22,400
11	Định lượng CRP (C-Reactive Protein)	Lần	22,400
12	Định lượng Lactat (Acid Lactic) [Máu]	Lần	61,700
13	Định lượng Bilirubin toàn phần [Máu]	Lần	61,700
14	Định lượng Bilirubin trực tiếp [Máu]	Lần	30,200
15	Định lượng bổ thể C3 [Máu]	Lần	16,800
16	Định lượng bổ thể C4 [Máu]	Lần	13,400
17	Điện giải đồ (Na, K, Cl) [Máu]	Lần	139,200
18	Định lượng Canxi ion hóa [Máu]	Lần	39,200
19	Định lượng Canxi toàn phần [Máu]	Lần	302,500
20	Định lượng Calcitonin [Máu]	Lần	272,900
21	Định lượng CK-MB mass (Isozym MB of Creatine kinase mass) [Máu]	Lần	89,700
22	Định lượng 25OH Vitamin D (D3) [Máu]	Lần	33,600
23	Định lượng D-Dimer [Máu]	Lần	22,400
24	Định lượng Digoxin [Máu]	Lần	22,400
25	Định lượng Ethanol (cồn) [Máu]	Lần	105,300
26	Định lượng Globulin [Máu]	Lần	501,300
27	Định lượng Acid Uric [Máu]	Lần	28,000
28	Định lượng HbA1c [Máu]	Lần	151,200
29	Định lượng HBsAg (HBsAg Quantitative) (cmIA/ECLIA) [Máu]	Lần	67,300
30	Định lượng HDL-C (High density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	67,300
31	Định lượng Homocystein [Máu]	Lần	67,300
32	Định lượng IgA (Immunoglobuline A) [Máu]	Lần	67,300
33	Định lượng IgE (Immunoglobuline E) [Máu]	Lần	84,100
34	Định lượng IgG (Immunoglobuline G) [Máu]	Lần	28,000
35	Định lượng IgM (Immunoglobuline M) [Máu]	Lần	33,600
36	Định lượng Insulin [Máu]	Lần	22,400
37	Định lượng LDL-C (Low density lipoprotein Cholesterol) [Máu]	Lần	84,100
38	Định lượng Mg [Máu]	Lần	22,400
39	Định lượng Phospho (máu)	Lần	22,400
40	Định lượng Progesteron [Máu]	Lần	246,400
41	Định lượng Protein toàn phần [Máu]	Lần	33,600

42	Định lượng Albumin [Máu]	Lần	67,300
43	Định lượng PTH (Parathyroid Hormon) [Máu]	Lần	67,300
44	Định lượng Sắt [Máu]	Lần	28,000
45	Định lượng Transferrin [Máu]	Lần	22,400
46	Định lượng Alpha 1 Antitrypsin [Máu]	Lần	78,500
47	Định lượng Triglycerid (máu) [Máu]	Lần	22,400
48	Định lượng Urê máu [Máu]	Lần	22,400
49	Định lượng Vitamin B12 [Máu]	Lần	22,400
50	Đo hoạt độ ALP (Alkaline Phosphatase) [Máu]	Lần	22,400
51	Đo hoạt độ ALT (GPT) [Máu]	Lần	28,000
52	Đo hoạt độ Amylase [Máu]	Lần	28,000
53	Đo hoạt độ AST (GOT) [Máu]	Lần	39,200
54	Đo hoạt độ Cholinesterase (ChE) [Máu]	Lần	20,000
55	Đo hoạt độ CK (Creatine kinase) [Máu]	Lần	100,900
56	Đo hoạt độ CK-MB ((Isozym MB of Creatine kinase) [Máu]	Lần	28,000
57	Đo hoạt độ GGT (Gamma Glutamyl Transferase) [Máu]	Lần	61,700
58	Đo hoạt độ GLDH (Glutamate dehydrogenase) [Máu]	Lần	67,300
59	Đo hoạt độ LDH (Lactate dehydrogenase) [Máu]	Lần	28,000
60	Đo hoạt độ Lipase [Máu]	Lần	61,700
61	Đo hoạt độ P-Amylase [Máu]	Lần	67,300
62	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]	Lần	605,100
63	Định lượng Anti-Tg (Antibody- Thyroglobulin) [Máu]	Lần	280,500
64	Định lượng Anti - TPO (Anti- thyroid Peroxidase antibodies) [Máu]	Lần	212,300
65	Định lượng Prolactin [Máu]	Lần	78,500
66	Định lượng SCC (Squamous cell carcinoma antigen) [Máu]	Lần	212,300
67	Định lượng LH (Luteinizing Hormone) [Máu]	Lần	84,100
68	Định lượng NSE (Neuron Specific Enolase) [Máu]	Lần	200,300
69	Định lượng Progesterone bằng kỹ thuật miễn dịch phóng xạ	Lần	242,500
70	Định lượng bhCG (Beta human Chorionic Gonadotropins) [Máu]	Lần	89,700
71	Định lượng CA 125 (cancer antigen 125) [Máu]	Lần	144,200
72	Định lượng Pro-calcitonin [Máu]	Lần	414,700
73	Định lượng Estradiol [Máu]	Lần	84,100
74	Định lượng BNP (B- Type Natriuretic Peptide) [Máu]	Lần	605,100
75	Định lượng proBNP (NT-proBNP) [Máu]	Lần	424,700
76	Định lượng CA 15-3 (Cancer Antigen 15-3) [Máu]	Lần	156,200
77	Định lượng CA 19-9 (Carbohydrate Antigen 19-9) [Máu]	Lần	144,200
78	Định lượng CA 72-4 (Cancer Antigen 72-4) [Máu]	Lần	139,200
79	Định lượng CEA (Carcino Embryonic Antigen) [Máu]	Lần	89,700
80	Định lượng Cortisol (máu)	Lần	95,300
81	Định lượng Cyfra 21-1 [Máu]	Lần	100,900
82	Định lượng free bHCG (Free Beta Human Chorionic Gonadotropin) [Máu]	Lần	190,300
83	Định lượng FSH (Follicular Stimulating Hormone) [Máu]	Lần	84,100
84	Định lượng FT3 (Free Triiodothyronine) [Máu]	Lần	67,300
85	Định lượng FT4 (Free Thyroxine) [Máu]	Lần	67,300

86	Định lượng AFP (Alpha Fetoproteine) [Máu]	Lần	95,300
87	Định lượng PSA toàn phần (Total prostate-Specific Antigen) [Máu]	Lần	95,300
88	Định lượng PSA tự do (Free prostate-Specific Antigen) [Máu]	Lần	89,700
89	Định lượng T3 (Tri iodothyronine) [Máu]	Lần	67,300
90	Định lượng T4 (Thyroxine) [Máu]	Lần	67,300
91	Định lượng Testosterol [Máu]	Lần	97,500
92	Định lượng Tg (Thyroglobulin) [Máu]	Lần	183,300
93	Định lượng Theophylline [Máu]	Lần	84,100
94	Định lượng TRAb (TSH Receptor Antibodies) [Máu]	Lần	424,700
95	Định lượng Troponin I [Máu]	Lần	78,500
96	Định lượng Troponin T [Máu]	Lần	78,500
97	Định lượng Troponin T hs [Máu]	Lần	78,500
98	Định lượng TSH (Thyroid Stimulating hormone) [Máu]	Lần	61,700
99	Định lượng Amoniac (NH3) [Máu]	Lần	78,500
100	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Lần	44,800
101	Điện giải (Na, K, Cl) [niệu]	Lần	30,200
102	Định lượng Protein (niệu)	Lần	14,400
103	Điện di Protein nước tiểu (máy tự động)	Lần	168,300
104	Phản ứng Rivalta [dịch]	Lần	8,800
105	Tổng phân tích nước tiểu (Bảng máy tự động)	Lần	28,600
106	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Lần	44,800
107	Định lượng Bilirubin toàn phần [dịch]	Lần	22,400
108	Định tính Marijuana (THC) (test nhanh) [niệu]	Lần	44,800
109	Định lượng Canxi (niệu)	Lần	25,600
110	Định lượng Cholesterol toàn phần [dịch chọc dò]	Lần	28,000
111	Định lượng Cortisol (niệu)	Lần	95,300
112	Định lượng Globulin [thủy dịch]	Lần	22,400
113	Định lượng Glucose [dịch chọc dò]	Lần	13,400
114	Định lượng MAU (Micro Albumin Urine) [niệu]	Lần	44,800
115	Định lượng Phospho [niệu]	Lần	21,200
116	Định lượng Protein [dịch chọc dò]	Lần	22,400
117	Định lượng Protein [dịch não tủy]	Lần	11,200
118	Định lượng Protein (niệu)	Lần	14,400
119	Định lượng Triglycerid [dịch chọc dò]	Lần	28,000
120	Định lượng Urê (niệu)	Lần	16,800
121	Định tính Amphetamine (test nhanh) [niệu]	Lần	44,800
122	Định tính Codein (test nhanh) [niệu]	Lần	44,800
123	Định tính Dưỡng chấp [niệu]	Lần	22,400
124	Định tính Morphin (test nhanh) [niệu]	Lần	44,800
125	Định tính Phospho hữu cơ [niệu]	Lần	6,600
126	Định lượng Axit Uric [niệu]	Lần	16,800
127	Đo hoạt độ LDH (Lactat dehydrogenase) [dịch chọc dò]	Lần	28,000
128	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	Lần	28,600
129	Đo tỷ trọng dịch chọc dò	Lần	4,900

130	Phản ứng Pandy [dịch]	Lần	8,800
131	Xét nghiệm Khí máu [Máu]	Lần	224,400

GIÁ XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC

TT	Tên dịch vụ	ĐVT	Đơn giá
1	Sàng lọc kháng thể bất thường (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	99,500
2	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm laser)	Lần	49,700
3	Tổng phân tích tế bào máu ngoại vi (bằng máy đếm tổng trở)	Lần	43,500
4	Xét nghiệm hồng cầu lưới (bằng máy đếm laser)	Lần	43,500
5	Xét nghiệm mô bệnh học tủy xương (không bao gồm thủ thuật sinh thiết tủy xương)	Lần	361,000
6	Xét nghiệm số lượng và độ tập trung tiểu cầu (bằng phương pháp thủ công)	Lần	37,300
7	Xét nghiệm tế bào cần nước tiểu (bằng phương pháp thủ công)	Lần	44,800
8	Xét nghiệm tế bào hạch (hạch đồ)	Lần	52,100
9	Xét nghiệm tế bào học tủy xương (không bao gồm thủ thuật chọc hút tủy)	Lần	158,500
10	Xét nghiệm tế bào trong nước dịch chẩn đoán tế bào học (não tủy, màng tim, màng phổi, màng bụng, dịch khớp, rửa phế quản...) bằng phương pháp thủ công	Lần	58,300
11	Streptococcus pyogenes ASO	Lần	45,500
12	Xét nghiệm đường máu mao mạch tại giường	Lần	16,000
13	Thời gian máu chảy phương pháp Duke	Lần	13,600
14	Định lượng Fibrinogen (tên khác: Định lượng yếu tố I), phương pháp Clauss-phương pháp trực tiếp, bằng máy tự động	Lần	110,300
15	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật phiên đá)	Lần	42,100
16	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền chế phẩm tiểu cầu hoặc huyết tương	Lần	22,200
17	Định nhóm máu hệ ABO bằng giấy định nhóm máu để truyền máu toàn phần, khối hồng cầu, khối bạch cầu	Lần	24,800
18	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	33,500
19	Định nhóm máu hệ Rh(D) (kỹ thuật phiên đá)	Lần	33,500
20	Định nhóm máu khó hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	222,700
21	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	Lần	24,800
22	Định nhóm máu tại giường bệnh trước truyền máu	Lần	24,800
23	Huyết đồ (bằng máy đếm laser)	Lần	74,600
24	Huyết đồ (bằng máy đếm tổng trở)	Lần	74,600
25	Huyết đồ (bằng phương pháp thủ công)	Lần	70,800
26	Máu lắng (bằng phương pháp thủ công)	Lần	24,800
27	Nghiệm pháp Coombs gián tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	87,000
28	Nghiệm pháp Coombs trực tiếp (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	87,000
29	Đo lactat trong máu	Lần	100,900
30	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	80,500
31	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	Lần	80,500
32	Phản ứng hoà hợp có sử dụng kháng globulin người (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	Lần	80,500
33	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	31,100
34	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy bán tự động)	Lần	73,200

35	Phản ứng hòa hợp trong môi trường nước muối ở 22°C (kỹ thuật Scangel/Gelcard trên máy tự động)	Lần	73,200
36	Thời gian prothrombin (PT: Prothrombin Time), (Các tên khác: TQ; Tỷ lệ Prothrombin) bằng máy tự động	Lần	68,400
37	Thời gian thromboplastin một phần hoạt hóa (APTT: Activated Partial Thromboplastin Time), (tên khác: TCK) bằng máy tự động	Lần	43,500
38	Tìm tế bào Hargraves	Lần	69,600
39	Định nhóm máu hệ ABO (kỹ thuật ống nghiệm)	Lần	42,100

GIÁ XÉT NGHIỆM VI SINH

TT	Tên dịch vụ	DVT	Đơn giá
1	Vi khuẩn nhuộm soi	Lần	74,200
2	HIV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	771,700
3	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
4	Echinococcus granulosus (Sán dây chó) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
5	Entamoeba histolytica (Amip) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
6	Entamoeba histolytica(Amip) Ab miễn dịch tự động	Lần	194,700
7	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	194,700
8	Fasciola (Sán lá gan lớn) Ab miễn dịch tự động	Lần	194,700
9	Filaria (Giun chỉ) ấu trùng trong máu nhuộm soi	Lần	45,500
10	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
11	Gnathostoma (Giun đầu gai) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
12	HAV Ab test nhanh	Lần	130,500
13	HAV IgM miễn dịch bán tự động	Lần	116,400
14	HAV IgM miễn dịch tự động	Lần	116,400
15	HAV total miễn dịch bán tự động	Lần	110,800
16	HAV total miễn dịch tự động	Lần	110,800
17	HBc IgM miễn dịch bán tự động	Lần	123,400
18	HBc IgM miễn dịch tự động	Lần	123,400
19	HBc total miễn dịch bán tự động	Lần	78,300
20	HBc total miễn dịch tự động	Lần	78,300
21	HBcAb test nhanh	Lần	65,200
22	HBeAb miễn dịch bán tự động	Lần	104,400
23	HBeAb miễn dịch tự động	Lần	104,400
24	HBeAb test nhanh	Lần	65,200
25	HBeAg miễn dịch bán tự động	Lần	104,400
26	HBeAg miễn dịch tự động	Lần	104,400
27	HBeAg test nhanh	Lần	65,200
28	HBsAb định lượng	Lần	126,400
29	HBsAb miễn dịch bán tự động	Lần	78,300
30	HBsAb test nhanh	Lần	65,200
31	HBsAg định lượng	Lần	501,300
32	HBsAg kháng định	Lần	651,700
33	HBsAg miễn dịch bán tự động	Lần	81,700
34	HBsAg miễn dịch tự động	Lần	81,700
35	HBsAg test nhanh	Lần	58,600
36	HBV đo tải lượng hệ thống tự động	Lần	1,351,700
37	HCV đo tải lượng hệ thống tự động	Lần	1,361,700
38	HCV Ab miễn dịch bán tự động	Lần	130,500
39	HCV Ab miễn dịch tự động	Lần	130,500
40	HCV Ab test nhanh	Lần	58,600
41	HCV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	Lần	130,500
42	HCV Ag/Ab miễn dịch tự động	Lần	130,500
43	HCV Core Ag miễn dịch tự động	Lần	581,700
44	HCV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	861,700
45	HDV Ab miễn dịch bán tự động	Lần	234,900
46	HDV Ag miễn dịch bán tự động	Lần	441,300
47	HDV IgM miễn dịch bán tự động	Lần	341,200
48	HEV Ab test nhanh	Lần	130,500
49	HEV IgG miễn dịch bán tự động	Lần	336,000

50	HEV IgG miễn dịch tự động	Lần	336,000
51	HEV IgM miễn dịch bán tự động	Lần	336,000
52	HEV IgM miễn dịch tự động	Lần	336,000
53	HEV IgM test nhanh	Lần	130,500
54	HIV Ab miễn dịch bán tự động	Lần	116,400
55	HIV Ab miễn dịch tự động	Lần	116,400
56	HIV Ab test nhanh	Lần	58,600
57	HIV Ag/Ab miễn dịch bán tự động	Lần	142,500
58	HIV Ag/Ab miễn dịch tự động	Lần	142,500
59	HIV kháng định (*)	Lần	201,200
60	Hồng cầu, bạch cầu trong phân soi tươi	Lần	41,700
61	HSV 1 IgG miễn dịch tự động	Lần	234,900
62	HSV 1 IgM miễn dịch tự động	Lần	234,900
63	HSV 1+2 IgG miễn dịch bán tự động	Lần	168,600
64	HSV 1+2 IgG miễn dịch tự động	Lần	168,600
65	HSV 1+2 IgM miễn dịch bán tự động	Lần	168,600
66	HSV 1+2 IgM miễn dịch tự động	Lần	168,600
67	HSV 2 IgG miễn dịch tự động	Lần	234,900
68	HSV 2 IgM miễn dịch tự động	Lần	234,900
69	Mycoplasma pneumoniae Ab miễn dịch bán tự động	Lần	273,000
70	Neisseria gonorrhoeae nhuộm soi	Lần	74,200
71	Neisseria meningitidis nhuộm soi	Lần	74,200
72	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
73	Paragonimus (Sán lá phổi) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
74	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
75	Schistosoma (Sán máng) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
76	Streptococcus pyogenes ASO	Lần	45,500
77	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
78	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
79	Strongyloides stercoralis (Giun lươn) ấu trùng soi tươi	Lần	45,500
80	Taenia (Sán dây) soi tươi định danh	Lần	45,500
81	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
82	Toxocara (Giun đũa chó, mèo) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
83	Toxoplasma Avidity	Lần	270,800
84	Toxoplasma IgG miễn dịch bán tự động	Lần	130,500
85	Toxoplasma IgG miễn dịch tự động	Lần	130,500
86	Toxoplasma IgM miễn dịch bán tự động	Lần	130,500
87	Toxoplasma IgM miễn dịch tự động	Lần	130,500
88	AFB trực tiếp nhuộm Ziehl-Neelsen	Lần	74,200
89	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
90	Angiostrogylus cantonensis (Giun tròn chuột) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
91	Chlamydia Ab miễn dịch bán tự động	Lần	194,700
92	Chlamydia Ab miễn dịch tự động	Lần	194,700
93	Chlamydia test nhanh	Lần	78,300
94	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
95	Clonorchis/Opisthorchis (Sán lá gan nhỏ) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
96	CMV IgG miễn dịch bán tự động	Lần	123,400
97	CMV IgG miễn dịch tự động	Lần	123,400
98	CMV IgM miễn dịch bán tự động	Lần	142,500
99	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
100	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
101	Cysticercus cellulosae (Sán lợn) ấu trùng soi mảnh sinh thiết	Lần	45,500
102	Demodex nhuộm soi	Lần	45,500

103	Demodex soi tươi	Lần	45,500
104	Dengue virus IgA test nhanh	Lần	261,000
105	Dengue virus IgG miễn dịch bán tự động	Lần	168,600
106	Dengue virus IgM miễn dịch bán tự động	Lần	168,600
107	Dengue virus IgM/IgG test nhanh	Lần	142,500
108	Dengue virus NS1Ag miễn dịch bán tự động	Lần	168,600
109	Dengue virus NS1Ag test nhanh	Lần	142,500
110	Dengue virus NS1Ag/IgM - IgG test nhanh	Lần	142,500
111	Đơn bào đường ruột nhuộm soi	Lần	45,500
112	Đơn bào đường ruột soi tươi	Lần	45,500
113	Helicobacter pylori Ag test nhanh	Lần	171,100
114	Helicobacter pylori nhuộm soi	Lần	74,200
115	Leptospira test nhanh	Lần	151,600
116	Mycobacterium leprae nhuộm soi	Lần	74,200
117	Mycobacterium tuberculosis Mantoux	Lần	13,000
118	Mycoplasma hominis test nhanh	Lần	261,000
119	Phthirus pubis (Rận mu) nhuộm soi	Lần	45,500
120	Phthirus pubis (Rận mu) soi tươi	Lần	45,500
121	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) Ag test nhanh	Lần	261,000
122	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định lượng	Lần	35,100
123	Plasmodium (Ký sinh trùng sốt rét) nhuộm soi định tính	Lần	35,100
124	Rickettsia Ab miễn dịch bán tự động	Lần	130,500
125	Rotavirus test nhanh	Lần	194,700
126	Rubella virus Ab test nhanh	Lần	163,600
127	Rubella virus IgM miễn dịch bán tự động	Lần	156,600
128	Sarcoptes scabies hominis (Ghè) nhuộm soi	Lần	45,500
129	Sarcoptes scabies hominis (Ghè) soi tươi	Lần	45,500
130	Treponema pallidum nhuộm soi	Lần	74,200
131	Treponema pallidum RPR định tính và định lượng	Lần	95,100
132	Treponema pallidum soi tươi	Lần	74,200
133	Treponema pallidum test nhanh	Lần	261,000
134	Treponema pallidum TPFA định tính và định lượng	Lần	194,700
135	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
136	Trichinella spiralis (Giun xoắn) Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
137	Trichomonas vaginalis nhuộm soi	Lần	45,500
138	Trichomonas vaginalis soi tươi	Lần	45,500
139	Ureaplasma urealyticum test nhanh	Lần	261,000
140	Vì hệ đường ruột	Lần	32,500
141	Vì khuẩn test nhanh	Lần	261,000
142	Vì nấm nhuộm soi	Lần	45,500
143	Vì nấm soi tươi	Lần	45,500
144	Vì nấm test nhanh	Lần	261,000
145	Vibrio cholerae nhuộm soi	Lần	74,200
146	Vibrio cholerae soi tươi	Lần	74,200
147	Virus Ab miễn dịch bán tự động	Lần	321,000
148	Virus Ab miễn dịch tự động	Lần	321,000
149	Virus test nhanh	Lần	261,000
150	HBV đo tải lượng Real-time PCR	Lần	701,700
151	HPV Real-time PCR	Lần	409,300

GIÁ XÉT NGHIỆM GIẢI PHẪU BỆNH

TT	Tên dịch vụ	ĐVT	Đơn giá
1	Chọc hút kim nhỏ các hạch	Lần	308,300
2	Nhuộm hai màu Hematoxyline- Eosin	Lần	388,800
3	Nhuộm HE trên phiến đồ tế bào học	Lần	213,800
4	Nhuộm May - Grunwald- Giemsa cho tủy xương	Lần	479,500
5	Nhuộm PAS Periodic Acid Schiff	Lần	461,400
6	Tế bào học dịch các tổn thương dạng nang	Lần	190,400
7	Tế bào học dịch chái phế quản	Lần	190,400
8	Tế bào học dịch màng bụng, màng tim	Lần	190,400
9	Tế bào học dịch màng khớp	Lần	190,400
10	Tế bào học dịch rửa ổ bụng	Lần	190,400
11	Tế bào học dịch rửa phế quản	Lần	190,400
12	Chọc hút kim nhỏ các khối sưng, khối u dưới da	Lần	308,300
13	Tế bào học đờm	Lần	190,400
14	Tế bào học nước tiểu	Lần	190,400
15	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm... các bệnh	Lần	388,800
16	Xét nghiệm mô bệnh học thường quy cố định, chuyển, đúc, cắt, nhuộm...các bệnh	Lần	388,800
17	Xét nghiệm tế bào học áp nhuộm thường quy	Lần	190,400
18	Chọc hút kim nhỏ các tổn thương hốc mắt	Lần	308,300
19	Chọc hút kim nhỏ mào tinh, tinh hoàn không dưới hướng dẫn của siêu âm	Lần	644,100
20	Chọc hút kim nhỏ mô mềm	Lần	308,300
21	Chọc hút kim nhỏ tuyến giáp	Lần	308,300
22	Chọc hút kim nhỏ tuyến nước bọt	Lần	308,300
23	Nhuộm Gomori chỉ phát hiện phosphatase acid	Lần	434,200